

VIỆT - NAM CHÍ - SĨ

THẾ NGUYỄN

**PHAN  
BỘI CHÂU**

(THÂN - THẾ và THI - VẤN)

(1867 — 1940)

TỦ SÁCH

« NHỮNG MẢNH GƯƠNG »

**TÂN VIỆT**

## MẤY LỜI TRẦN-TÌNH

*Chi-sĩ là những bậc ưu-ái giang-san, thương nòi xót giống, gặp cơn nước bể thì chẳng quản thân, hết sức mình mà mưu cuộc vinh-quang cho dân nước. Đến khi nhận rõ thời cơ, chi-sĩ không bao giờ ngần-ngại đập phăng trở lực, sáng-suốt đứng ra lãnh-đạo quần-chúng, khởi xướng phong-trào, phất cờ giống trống chiêu hồn dân-tộc, gọi đàn đề cùng dân nước cùng lo : đường bảo-chủng, nghĩa hợp-quần.*

*Kể từ sau trận Nhật-Nga (1905-1908) nước ta đã có phong-trào duy-tân tự cường hơn suốt bốn mươi năm cho tới ngày nay, do các bậc chi-sĩ tiên giác đi tiên-phong, khai lối mở đường, khiến cho dân-tộc ta ngày nay hăm-lăm triệu dân đều đã biết nung-nấu nơi lòng một lý-tưởng, hăng-hái, dũng tiến trên đường duy-tân cải-cách.*

*Vận-hội mới đã đến rồi. Quốc-gia hưng-thịnh do ở toàn dân định-quyết trong buổi này. Lửa thiêng bùng cháy trong tâm-can dòng-giống Việt. Khi thiêng bàn-bạc khắp nước non nhà.*

*Người đi sau phải nhớ ơn người đi trước dọn đường, mà sa nước mắt, niệm công-lao, hình hương sùng-bái.*

*Ta không nên đem thành bại mà luận anh-hùng. Chỉ nên cầu rút lấy những bài học hay của những bậc người-đã dốc chí hy-sinh, tận-tụy vì đại-chúng.*

*Nhóm lò hương thiêng trong lòng đất Việt, khơi ngọn lửa thiêng trong lòng dân Việt, tỏ tấm tình cùng với non-nước đồng-bào, chúng tôi xin cố hết sức sưu-tầm biên-khảo toàn pho « Việt-nam chí-sĩ », trong tủ sách « NHỮNG MẢNH GƯƠNG » của nhà TÂN VIỆT.*

*Mỗi một chí-sĩ sẽ biến thành một tập, thành kính ghi chép hết những công-nghiệp bình-sinh, từ khi chào đời cho đến khi tử hậu.*

*Soát lại dĩ-vãng để tìm những tấm gương sáng cho buổi đời hiện-tại, tưởng cũng là một điều cần để nhận-định rõ cuộc diên-triển của lịch-sử mà hướng về tương-lai.*

*Ấy là chí nguyện của người hậu học.*

**THẾ NGUYỄN**

## TỰA

Độc biểu xuất sư của Gia-cát Lượng, đọc đến câu « Cúc cung tận-tụy, đến chết mới thôi » nghìn năm sau ai chẳng ngùi-ngùi ! Công-nghiệp bình-sinh, rờ-rở ở một câu chí thiết chí tình, lật trang sử tưởng như thấy ai đã óc-gan thoa lầy dất vì một tấm tình trung báo quốc.

Đời sống của chi-sĩ cũng đáng yêu, vì chi-nguyện và hành-vi đã gồm tóm ở một câu đáng kinh của bậc « vạn đại quân-sư » ấy.

Phan Bội Châu tiên-sinh hưởng dương 75 năm. Từ trẻ cho đến ngày nhắm mắt, tấm thân bò-bá, vì dân vì nước mà trải mọi gian-lao. Tài cao, đồ thủ-khoa, khi tuổi trẻ đã lừng danh tài-tuấn. Nếu chỉ như ai, thì tài ấy đã thừa sức leo nấc thang danh-vọng ; nhưng danh hão, lợi xằng mà làm gì, khi chính mắt đã sớm thấy biết cái cảnh trụy-lạc của quần-chúng mà xót-xa. Thi-hành chính-sách ngu-dân, kẻ xâm-lãng trắng-trợn bày bộ mặt thực-dân. Đám cường-hào trọc-phủ thì đua bộ quan thầy, nặng óc phong-kiến, trăn-tráo vong-bản, hãm-hại đồng-bào, bán nước. Trông hoàn-cảnh nước nhà như thế, lòng chi-sĩ đau cái đau rút thịt, thắt khúc ruột, bấm lá gan. Cho nên :



*« Vẫn là hào-khiet vẫn phong-lưu.*

*« Chạy mỗi chân thì háy ở tù !*

Sào Nam đã yêu quốc-dân chí thiết, vì quốc-dân mà tấm thân chẳng quản cay-đắng nếm mùi ; nhưng hēm mệnh-số long-đong, khiến nên nổi một đời cháy lười khô môi khao-khát nước hoai, đến buộc miệng ngậm :

*« Vì có sao mà khát nước hoai.*

*« Trà đầu ta háy uống mầy chơi,*

*« Không Tàu thì Huế tha-hồ thú.*

*« Pha tục và tiên đặc bỏ đời.*

*« Ấm-lạnh tình đời năm bảy chén*

*« Nhạt nồng mùi thể một vài hơi.*

*« Trà ơi ! còn nước là vinh-hạnh.*

*« Cháy lười khô môi thắm những mùi.*

Sào Nam lại đã từng đau-đớn vì quốc-dân chậm bước trên đường tiến-hóa, nên hằng đem tâm-can bày-giãi, cực-lực kêu gào cảnh-tình quốc-dân. Thậm chí mừng bạn thi đỗ Tiến-sĩ Hán, Sào Nam cũng ngụ ý kêu-gào trong câu đối :

*Tao tế diệc thiên sở vi, hạnh bất sinh Đường Ngu tam đại dĩ tiền, kim bằng thạch bi, tiện thị ngô nhân hi thế sự.*

*Học-giới chỉ kim tối thịnh, thỉnh thi văn Âu Á ngũ châu nhi ngoại, hồng thiên đại bút, quả như ngã bối quyết khoa văn.*

Ông Võ Oanh đã dịch :

*Nên danh bởi phận trời cho, may không sinh Đường Ngu tam-đại xưa kia, bia đá, bằng vàng, bất quá người ta bày chuyện nhảm.*



CHÂN-DUNG CỤ SÀO NAM PHAN BỘI CHÀU

*Việc học đến nay thịnh quá, xin hỏi thử Ấu Ấ năm châu ngoài cõi, văn hay luận giỏi, đâu như khoa-cử lỗi mình đây.*

Sớm biết cái học hư-văn là không ích-lợi, Sào Nam mới chuyên-chú về đường thực-dụng ; qua Tàu, sang Nhật, tấm lòng thăm-thiết lo toan cho nước nhà được phú-cường, biểu-lộ rõ-rệt trong một tập HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ.

Nặng yều non nước, tấm thân mấy lượt ra khám vào tù, nhưng tấm lòng son-nhuộm của Sào Nam, đến chết vẫn không phai thắm.

Trong lúc tuổi về chiều, nung-nấu trên chiếc thuyền lênh-dềnh bên dòng sông Hương, bỏ tay ngồi nhìn việc đời rồi nát, lòng chi-sĩ từng cơn quẫn-quại. Cho đến ngày tàn, trở-trần trên giường bệnh, Sào Nam còn khẫu chiếm một bài thi cuối cùng, lòng vẫn chẳng quên nhẩn-nhủ mong cầu đàn sau đôi bước.

Thê-phách của chi-sĩ đã trả về cho đất, nhưng nghìn năm chính-khi vẫn cùng nhật nguyệt tranh sáng tranh còn. «*Việt-điều sào nam chi*». Chim Việt dù bay đâu, ở đâu, nhưng bao giờ cũng chỉ tìm cảnh nam mà đỗ ; chi-sĩ Phan Bội Châu thật đã ký-thác nổi lòng trong hai chữ hiệu Sào Nam.

Ngày nay cao-trào cách-mệnh lên dào, người xưa đã khuyất. Trong chốn hư-linh, chi-sĩ quá cổ hủ cũng mỉm cười công mình phất cờ chẳng ưỡng.

Lần trang sử cách-mệnh, những năm biến-cổ đầu tiên trên đất nước, hôm nay chúng ta hãy cùng gây lại đỉnh trầm, xem tiêu-sử họ Phan.

T. NG,

PHẦN THỨ NHẤT

THÂN - THỂ

## THUỞ ẤU-THỜI

NĂM đinh-mão (1867), tháng 12, niên-hiệu Tự-đức thứ 20, nơi một gia - đình uyên-thâm nho-học, Phan văn Phồ và Nguyễn thị Nhân, người làng Sa-nam, xã Đông-liệt, tỉnh Nghệ-an, hạ sinh một trai gọi là San.

San khóc mấy tiếng chào đời, chính vào lúc nước ta bắt đầu mất cả 6 tỉnh Nam-kỳ, rồi dần dà đến Trung và Bắc-Việt.

Giữa hồi vua Hàm-nghi bị bắt (1886), rồi cụ Phan Đình Phùng cầm đầu phong-trào cần-vương kháng-chiến ở Nghệ-tĩnh và Quảng-bình, San là cậu học trò mới vừa 17 tuổi, nhưng đã ấp-ủ nơi lòng một tấm tình yêu nước nồng-nàn, lên tiếng gọi đàn, thỏa hiệp cùng các bạn đồng học, tổ-chức một đoàn học-sinh yêu nước, bảo nhau cùng vùng-dậy, không để ai ru ngủ.

Không bao lâu, đoàn-thề ấy tan vỡ, San phải trốn-tránh một lúc, trước khi trở lại với sách đèn.

Bây giờ, trong óc đã nhú mầm cách-mệnh, hềm vì muốn hoạt-động chính-trị tất trước phải mượn con đường khoa-danh, để gây tin - nhiệm trong quần-

chúng, San dốc chí học. Khắp miền Nghệ-an, Hà-tĩnh, từ đây được nghe tăm-tiếng San học giỏi văn hay. Mỗi kỳ thi hạch trong tỉnh, luôn-luôn San giạt giải quán quân.

San tuy có tài song mấy lượt vào thi Hương đều lão-đảo trường ốc. Một phần vì lối văn khoa-cử không phù-hợp với người có tâm-hồn cách-mệnh ; một phần vì nhà nghèo, còn cha mẹ già-yếu, mỗi kỳ thi San thường đem bán văn-chương ; những kẻ được nhờ San mà tên nêu trên bảng thật chẳng ít. Nhưng đến phần San, thì chẳng đủ thi giờ đề làm nữa. Đã vậy, trong một khoa thi, San vì sơ ý viết trùng tên, hủy của nhà vua, suýt chút nữa đã phải bôi tên trọn đời trong sổ thi-sinh.

Về sau, San vô tình học trường Quốc-tử-giám tại kinh-dô Huế, quan tể-tửu trường là Khiếu Năng Tĩnh một người nổi tiếng hay chữ trong buổi bấy giờ, hết sức phục tài San. Có một hôm, San viết một bài kinh nghĩa, quan tể-tửu phê rằng : « Tiền vô cô-nhân, hậu vô lai giả. » Nghĩa là : người đời xưa cho đến người đời sau cũng chẳng có ai viết hay như thế.

Thương-mến người tài lành, Khiếu Năng-Tĩnh liền vận-động cho San được thi trở lại, và quyết ra làm chủ khảo trường Nghệ-an, để lấy San đỗ thủ-khoa.

Nhưng về sau vua Duy-tán lên ngôi, vì trùng tên với nhà vua (Vĩnh-San), San đổi tên là Bội Châu thủ nghĩa là « Đeo ngọc ».

Tên đã đổi, sự nghiệp từ đây cũng đổi theo.

## PHAN BỘI CHÂU VỚI CÁI HỌC CỬ-NGHIỆP

**K**HOA thi năm canh-ti (1900) Phan Bội Châu vừa 33 tuổi. Viên chủ khảo trường Nghệ-an lại là quan Tế-tửu Khiếu Năng Tĩnh. Trong chốn trần-ai, Bội Châu thật đã gặp người xanh mắt biết anh-hùng.

*« Vào trường thứ nhất, cụ Phan Bội Châu làm bảy bài kinh-nghĩa, từ sơ khảo đến chủ khảo đều phê ưu hạng; đến trường thứ hai, cụ Phan cảm bệnh thổ tả, chỉ viết được qua-loa một bài thơ và một bài phú cho đủ quyền thôi, song quan trường cũng kiếm ra cho được quyền văn ông, đề phê chữ thứ. Đến trường thứ ba và thứ tư, quyền cụ đều được phê ưu. Lúc xướng danh, cụ đậu cử-nhân số 1, tức gọi là giải-nguyên, hay nói nôm là thủ-khoa ».*

*(Tài-liệu của Chân Chánh)*

Bước đường khoa-hoạn đã thấy rộng mở, theo như ai chẳng đào-luyện tâm-hồn thì chí-khi chắc sẽ phải lay động vì cái sang cân-đai võng-lọng. Nhưng Bội

Châu thì không. Nhà tuy nghèo thật, thân tuy lắm nỗi lao-đao chạy sống, song Bội Châu kháng-khăng một nguyện hiến thân cho dân nước. Mắt đã chán thấy cái cảnh vống-long nghênh-ngang của những ông Nghè ông Cử vinh-quy, lòng đã xót-xa vì cái cảnh dân-tâm đời-bại; mà vì đâu dân-tâm đời-bại? Cũng tại nước nhà đã bị cướp mất chủ-quyền, toàn dân đang bị đưa dần đến con đường truy-lạc, do đám thực-dân, phong-kiến thi nhau đầu-độc tinh-thần, đề đề đầu bóc-lột. Nhưng còn triều-đình ta! Thì kia, cái học cử-nghiệp chỉ đưa con người đến chỗ mù-quáng vì bã hư danh! Tình-trạng trong nước như thế, Bội Châu có thiết gì thi-cử nữa. Sở dĩ phải ráng đi tới cái mức chiếm bằng Cử-nhân, cũng chỉ vì muốn gây tín-nhiệm trong quần-chúng đó thôi; có màng chi cái nấc khoa danh tột-bực Thám-hoa, Bãng-nhân, Trạng-nguyên.

Cũng vì thế, qua năm tân-sửu (1901) cụ Phan vẫn có đi thi Hội, song chẳng qua đi thi theo lệ, chứ không hy-vọng bìa đá bằng vàng gì nữa. Chính cụ Phan đã tự bạch chi trong một câu liên mừng ông Nguyễn Mai, con cháu ông Nguyễn Du, đã đỗ Tiến-sĩ khoa ấy.

Lúc bấy giờ, cụ Phan Đình Phùng đã mất, phong-trào văn-thân cũng lịm dần theo cụ Phùng. Cụ Phan muốn nối theo chí lớn tiền-nhân, hiệu-triệu đồng chí, lại khởi nghĩa ở vùng thượng-du Hà-tĩnh để chống-lại người Pháp.



Mưu đồ cuộc phản-đối chính-trị, cụ Phan viết tập **LƯU CẦU HUYẾT LỆ TÂN THƯ** gửi cho các triều-thần cùng các nhà danh-sĩ để cổ-động lòng ái-quốc của nhân-dân. Việc có người tố-cáo, quan Khám-sứ Trung-kỳ bắt giam cụ Phan, sau tra-vấn qua-loa rồi lại tha cụ ra.

Lia cái học cử-nghiệp, theo con đường chính-trị, từ đây cụ Phan hoàn toàn hiến thân cho Tổ-quốc, mưu cầu cuộc duy-tân tự-cường.

## PHAN BỘI CHÂU

### HOẠT-ĐỘNG CHÍNH-TRỊ Ở NƯỚC NHÀ

**R**Ồ biết hồi ấy cái học hư văn đưa con người đến cái hư danh hư vị, làm hư tâm-chí, làm lụn-bại hồn nước, cụ Phan hăm-hở giống trống duy tân. Cụ liên-kết các bạn đồng-chí. Ở Nghệ-tĩnh thì có các ông Đặng nguyên Cẩn, Đặng thái Thân, Hồ sĩ Kiện, Ngô đức Kế, Đặng văn Bá, Lê Võ và Lê Huân; ở Quảng-nam có Phan Chu Trinh, Huỳnh thúc Kháng, Trần quý Cáp; ở Thừa-thiên có Ấm Hàm; ở Quảng-trị có Ấm Hoành; ở Bình-định thì có Hồ sĩ Tạo; ở ngoài Bắc thì có Nguyễn thượng Hiền, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại, Tú Xương, Đốc-Định Trạch. Chính cụ Phan lại đích thân lên vùng Yên-thế đến với Đề Thám để định việc cứu quốc. Cho đến trong Nam, cụ Phan cũng liên-kết được với các danh-sĩ Đồng-nai như Trần chánh Chiếu.

Đang buổi bấy giờ, các nhà học-giả tân-tiến ở Trung-hoa như Khang hữu Vi, Lương khả Siêu, hấp thụ được tư-trào chính-trị ở Âu-Mỹ rất sâu. Hai họ Khang, Lương cùng họp-tập đồng-chí để viết hoặc

dịch nhiều thứ sách rất bổ ích cho cuộc tiến-bộ của con người. Cụ Phan và những bạn đồng-chí, một phần lớn cũng nhờ đọc được những tân thư, tân báo ấy mà rèn-giũa tâm-chí, đồ trút tinh-lực vào việc cứu quốc, mà KÍNH QUỐC NHÂN:

I

*Ngồi ngắm lại năm châu trong trái đất,  
Biền văn-minh dãi-dập giữa phong-trào.  
Kìa ai người thời khôn, nước thời mạnh.  
đất thời rộng, của thời nhiều.  
Trời đất lẽ riêng yêu vì một cõi.  
Sao ta cứ dă-man quen thói,  
Xách thân nô mà len-lỏi dưới cường-quyền.  
Hú ba hồn mấy chú thiếu-niên,  
Vì áp lực mới gắng nên đồng lực.  
Trí-não tiệt từng tân học đặc,  
Phương-châm tu tỵu nhiệt thành lai.  
Dắt tay nhau lên chốn vũ-dài,  
Cho rõ mặt nhân-tài trong Á-hải.  
Ai thắng ưu, ta đành liệt bại?  
Năm dân-quyền lồi lại giữa phương đông.  
Tạo thời mới gọi anh-hùng.*

II

*Nhất sự bất tri nho sở sĩ,  
Công thương hay mà công cồ cũng hay.*

*Trong cuộc đời nào ai dở, ai hay,  
Thả ra mới biết kẻ gầy người béo.  
Nhà nho hủ tướng mình là khôn-khéo,  
Đem văn-chương mà ráo-réo với đời.  
Năm ba câu bát cồ toi-bời,  
Trừ cử-nghịệp sự ngoài chi chẳng biết.  
Ai sinh-tồn, ai cạnh-tranh,  
Ai thắng-tru, ai bại-liệt?  
Trong địa-cầu nào biết những ai ai.  
Chữ duy-tân gát bỏ ngoài tai,  
Nhưng tập tặn đua tài nô-lệ.  
Đán ngôn võ-trụ giai ngô sự,  
Mạc bả giang-sơn thuộc bì cương.  
Nếu ai mà có chí cải-lương  
Thì phải tự cường âu mới được.  
Sá kè chi vạt trăm-năm những trước,  
Nghĩa đồng-bào xin hãy hợp-quần chơi.  
Khi nên trời cũng chiều người.*

III

*Trong thế-giới biết ai là họa phước.  
Ởi ai ơi, nghĩ lại đó mà coi.  
Trời sinh ta là đấng làm trai,  
Phải như điếc, như đui,  
Như câm, như cùi thì cũng phải.  
Bởi vì : mắt có thấy, tai có nghe,  
Miệng có ăn, chân có bước.  
Biều phướn-pha sao cho được với đời  
Giận căm gan nghĩ cũng nực cười,*

Sự vô ích làm chi mãi mãi.  
So-sánh những thi, phú, văn, kinh ngãi,  
Hỏi mấy thầy viết ấy đề cho ai ?  
Dù gặp thời, mao cho cao,  
Áo cho rộng, xiêm cho dài,  
Ngồi vắt đốc cũng như hình con ngọm gỗ.  
Những rúa đỏ xấu thân là khái khồ.  
Mới cầm viết đề tên vô quyền,  
Thì phải lo chấp tay cúi mọp dưới thềm.  
Dù đuôi-xua cho khỏi lười cá lồng chim,  
Cũng trời chết nhảy vô làm vinh-diệu.  
Tính nô-lệ tập ràng đà thuộc lâu,  
Miễn ra cúi vào lòn cho tận mặt, -  
Lạy dạ nhiều thì bổng-lộc mới xuê-xoang.  
Ngồi nghĩ lại dân tắc ngô chi dân,  
Quốc tắc ngô chi quốc.  
Đất nước ta thì sưu-thuế của nhà ta.  
Bạc đôi trăm, năm bảy chục bảy nhiều mà,  
Lấy tiền tháng mà bán nước đi cho dành hủ ?  
Sự thế, thôi thôi không xiết kể !  
Ờ này anh ! ờ này chú ! ờ này ông !  
Ờ này bác ! xúm cùng nhau lo lấy việc nhà,  
Dưới bóng trời cùng một hồn máu sinh ra,  
Đâu lại người có huyết mà ta đây xương mục.  
Hồn mê-mẩn tỉnh say đà có lúc,  
Vận tuần-hoàn rồi cũng có nơi.  
Đường đường đập đất đội trời,  
Anh-hùng há nhượng cho người thể-gian.  
Cũng xương cũng thịt cũng gan.  
Chẳng những dùng văn-chương làm phương-tiện

hồ-hào dân nước bình-tĩnh đứng lên, cụ Phan còn mạo-hiểm toan cùng đồng-chí dùng võ-lực. Nhưng sau, nhận-định tình-thế không còn phải là lúc chống cự người Pháp bằng những quân-linh ô-hợp, võ-khí thô-sơ, cụ Phan cùng các đồng-chí mới mở cuộc dân-tộc cách-mệnh rộng lớn, dốc chí lo huấn-luyện nhân-tài, súc-tích tiền-bạc, gây thanh-thế cho các nước ngoài chú ý mà viện trợ về mặt quốc-lẽ; lại cố lo nâng cao dân-tâm sĩ-khí để làm hậu-thuần

Tháng một năm giáp-thìn (1904), cụ Phan ráo-riết cho người họp bàn việc cứu nước với Tôn thất Thuyết hiện ở Tàu và tướng Lưu Vĩnh Phúc.

Biết rằng đã đến lúc phải ra nước ngoài, một là tránh sự dòm-ngó của nhà cầm quyền, hai là cần giao-kết với các danh-sĩ phương xa, cụ Phan ngỏ ý với các đồng-chí. Tất cả đều tán thành.

Năm ất-tị (1905), cụ Phan ra Hải-phòng, giả làm thương khách, bí-mật x uống tàu sang Trung-quốc, rồi qua Nhật. Khi lên đường, lưu-biệt anh em đồng-chí đi tiễn chân, cụ Phan khẩu chiếm :

Sinh vi nam-tử yêu hy kỳ.

Khảng hứa càn-khôn tự chuyển di.

Ư bách niên trung tu hữu ngã.

Khỉ thiên tải hạ cách vô thù.

Giang-san tử hỹ sinh đồ nhuế,

Hiền-thánh liêu nhiên tụng diệc si.

Nguyễn trực trường phong Đông-hải khứ.

Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

**Dịch nghĩa :**

Sinh làm trai muốn làm việc hiểm lạ mới khoái.  
Đâu khủng dề trời đất tự xoay vần.  
Trong khoảng trăm năm phải có ta.  
Há lẽ dưới nghìn năm không ai hết.  
Sông núi mất rồi, ham gì sống thừa.  
Thánh-hiền vắng-vẻ, đọc chi sách nát.  
(Ta) Nguyễn đuổi theo gió mạnh, sang bể Đông.  
(Lúc bấy giờ) sóng trắng nghìn trùng một loạt bay.

**Ông Đào Trinh Nhất dịch :**

Khác thường bay nhảy mới là trai.  
Chẳng chịu vần-xoay mặc ý trời !  
Trong cuộc trăm năm đành có tớ,  
Rồi sau muôn thuở há không ai ?  
Non sông đã mất, mình khôn sống.  
Hiền-thánh đâu còn, học cũng hoài.  
Đông-hải xông-pha nung cánh gió.  
Nghìn làn sóng bạc múa ngoài khơi.

**Bản dịch của Song-Đông :**

Sao cho khác tục mới là trai.  
Đâu chịu vần-xoay phó mặc trời.  
Trong một kỷ này thề có mỗ,  
Dưới nghìn năm đó há không ai ?  
Giang-san đã mất, thân còn phải...  
Hiền-thánh nào đâu ! tán quần thôi.  
Quyết vượt bể đông, xông gió tới.

Muôn tầm sóng bạc tóe tung rơi.

**Bản dịch của Liêu-Phong :**

Tài trai chí-khí lạ hơn người.

Xoay lại càn-khôn, vá lại trời.

Trong thế-kỷ này nên có mỗ

Sau nghìn năm nữa há không ai ?

Non sông chết quách, thân thừa sống,

Hiền-thánh còn đâu, bá cứ nhai.

Vượt bể sang đông này thuận gió

Nghìn trùng sóng bạc tit-mù khơi.

**Bản dịch của Nguyễn Quang Hán :**

Vân-xoay chẳng chịu mặc càn-khôn.

Mới đáng mày râu của nước non.

Muôn thừa sao cho tên-tuổi sống

Trăm năm ai cũng thịt xương mòn.

Thánh-hiền đâu nữa mà nghiên-bút.

Sông núi còn đâu tiếc sống còn.

Vượt bể sang đông theo cưỡi gió

Nghìn trùng sóng bạc một lòng son.



## PHAN BỘI CHÂU

### HOẠT-ĐỘNG CHÍNH-TRỊ Ở NƯỚC NGOÀI

CỤ Phan và Đặng thái Thân sang Trung-hoa gặp Lương khả Siêu Lương trọng-đãi hai nhà chi-sĩ Việt-nam, cùng họp bàn việc nước. Lương bảo phải kiếm một người trong hoàng-tộc làm quốc-trưởng, mới có thể hiệu-triệu dân-chúng được. Cụ Phan bèn trở về, rồi cùng sang với Kỳ-ngoại-hầu Cường Để. Lần lượt, các cụ Phan Chu Trinh và Nguyễn thượng Hiền cũng sang Trung-hoa, rồi cùng sang Nhật với cụ Phan. Lúc sang tới Nhật, cụ Phan và các đồng-chí nhờ được một vị trưởng quan Nhật che-chở, giới-thiệu với chính-phủ Đông-kinh.

Trong một cuộc dân dật, Phan Bội Châu đến yết-kiến thủ-tướng nước Nhật là Khuyển dưỡng Nghị chính Lương khả Siêu viết bốn chữ «Thử nhân đại khả Kinh (con người này — chỉ cụ Phan — rất đáng kính) trao cho bá-tước Đại-Ôi bấy giờ cũng có mặt ở đây. Kịp đến Khuyển dưỡng Nghị phu-nhân cũng ra ngồi tiếp chuyện, bèn đưa cây quạt nhờ cụ Phan đề cho mấy chữ. Cụ Phan viết: « Từ

phương phong động, duy nê chi hữu » Nghĩa : gió từ bề nổi dậy cũng nhờ vào mây. Cử tọa đều ngợi-khen và càng chú ý đến cụ Phan hơn.

Việc ăn-ở đã xong bề, cụ Phan bèn viết nhiều bài thi-ca và sách-vở, cổ-động người trong nước cho thanh-niên du-học. Hưởng-ứng phong-trào, bấy giờ các đồng-chi còn ở lại trong nước, liền mở rộng cuộc tuyên-truyền Đông-du. Ở Nam thì Gilbert Chiếu lập Minh-tân công-ty, lo tài-chính ngầm đưa thanh-niên xuất dương. Ở Bắc thì cụ Lương văn Can cùng các cụ Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Hoàng-tăng Bì lập « Đông - kinh nghĩa - thực » ngay trong tháng 5—1907 :

« Trường nghĩa-thực đứng đầu dạy-dỗ,

« Khắp ba mươi sáu phố Hà-thành.

« Gái trai nô-nức học-hành,

« Giáo-sư tám lớp, học-sinh non nghìn.

Nhưng đến tháng 1-1908 thì trường bị đóng cửa. Tuy nhiên, học-sinh được đưa sang du-học Nhật-bản cũng đã trên vài trăm, kẻ học võ, người học văn. Ra đi với cái sứ-mệnh phải cố học để làm vẻ-vang cho nước, và cái sở học của mình cũng do tiền đóng góp của quốc-dân, đám thanh-niên du-học cảm-kích mà phấn phát tinh-thần, học-hành hết sức tiến-bộ. Ai cũng hăm-hở rèn-luyện hầu làm tròn sứ-mệnh cứu nước. Khốn nỗi ! chỉ có được vài năm, đám thanh-niên ta lưu học ở Nhật bị chính-phủ Đông-dương giao-thiệp với chính-phủ Đông-kinh, khiến chính-phủ Đông-kinh hạ lệnh trục xuất người Việt-nam. May nhờ có Khuyển dưỡng Nghị báo tin cho cụ Phan

hay trước. Cụ Phan lại nhờ Khuyển dưỡng Nghị cấp cho tiền-bạc, tìm cách đưa đám thanh-niên chạy sang Trung-hoa ; thật ném đủ mùi gian-khổ. Chính sau này, Tôn Văn cũng than-thở trong một bài diễn-thuyết với Quốc-dân đảng Trung-hoa : « . . . Gặp những người vong-quốc Việt-nam lánh nạn, bơ-vơ như gà mất mẹ, chẳng biết tinh-mệnh của họ ra sao! »

Cảm cái ân chu-toàn của Khuyển dưỡng Nghị cho nên khi Khuyển-dưỡng Nghị bị ám-sát, cụ Phan cảm-khái gửi diếu câu liên rất thống tâm :

*Thất-tuần dư chính-trị sinh nhai, vô hạn hùng tâm,  
phương tương ư Đông-Á Tây-Áu gian, nhất-thỉnh  
sất sá.*

*Thiên-lý ngoại bố đào kỳ khách, hữu thù tri kỷ, nại  
bất liệu Phú-sơn Hoành-hải tế, tứ cổ thương mang.*  
Ông Chân Chánh dịch :

*Trên bảy mươi việc nước lo toan, bụng quá hùng-  
hào. tưởng rồi đây giữa khoảng Đông-Á Tây-Áu,  
nở bùng sấm-sét ;*

*Ngoài nghìn dặm chiếc thân bơ bẻ, ai là tri - kỷ,  
nào dè đâu trong cõi biển Hoành non Phú, bát-ngát  
sương mây.*

Ông Lưu trần Thiềm dịch :

*Đời chính-trị hơn bảy mươi năm, một khối hùng  
tâm, Đông-Á Tây-Áu lừng-lẫy sấm ;*

*Thân bơ đào, ngoài muôn vạn dặm, mấy ai tri kỷ,  
biển Hoành non Phú mịt-mù tăm.*

Đem thanh-niên du-học ở đất Nhật chạy về Trung-hoa. Về đây, cụ Phan luống than dài, thôi không còn nói gì đến sự học-hỏi được nữa. Vì nước Trung-hoa bấy giờ việc chính còn rối nát hơn ta, trường học chẳng đủ mà thầy dạy cũng chỉ là những người còn trong vòng cử-nghiệp. May còn được các học-giả tân-tiến như Khang, Lương và Tôn Văn giúp-đỡ; nhưng mấy người ấy cũng nay trốn chỗ này, mai sang chỗ khác để lo cuộc cách-mệnh trong nước của họ.

Đã lo, cụ Phan lại thêm đau-xót phần-uất cực-độ, vì vào lúc bấy giờ, các đồng-chí còn ở trong nước, kẻ bị bắt và bị dày ra đảo Côn-lôn như các cụ Ngô đức Kế, Đặng nguyên Cẩn, Huỳnh thúc Kháng, Phan Chu Trinh; kẻ bị xả thân trên đoạn-dầu-dài như các cụ Đặng thái Thân, Trần quý Cáp và vô số thanh-niên khác. Vì vậy mà sự liên-lạc trong và ngoài càng ngày càng phải gián-đoạn, nên sự tiếp-tế cũng phải cắt đứt. Rồi thì cụ Phan và các đồng-chí phải chia nhau đi kiếm việc làm, nuôi nhau ở đất nước người Riêng cụ Phan, viết bài trên báo Tàu rất nhiều, đầu hết là « Tân-dân tùng báo » của Lương khả Siêu, cụ lấy tên là Phan thị Hán, biệt hiệu Sào Nam. Cụ ăn nhin, để dành chu-cấp cho anh em ăn học, lại kinh-doanh được nhiều món tiền, mua khí-giới về giúp Đề Thám và các đồng-chí tiếp-tục bạo-động trong nước.

Đến năm tân-hợi (1911) đảng cách-mệnh Trung-hoa thành công, đế-chế Mãn-Thanh bị đánh-đổ, thành lập Trung-hoa dân-chủ công-hòa.

Nhân thời cơ, cụ Phan bèn cùng Nguyễn thượng Hiền, Cường Để và các đồng-chí, lập « Việt-nam

quang phục hội », chủ-trương theo chính-thể dân-chủ, quyết định bỏ thăm công cử một vị hội-trưởng để tạm thời hành-động cho đặc lực, cho có uy-tín với quốc-dân. Lúc bấy giờ, ba người được đem vào danh sách ứng cử là Phan Bội Châu, Nguyễn thương Hiền và Cường Để. Rồi tất cả đồng-chí lưu-vong ở Trung-hoa hội lại bỏ thăm công-cử. Khi khai thăm cụ Phan trúng tuyển. Nhưng buồn thay ! vì việc ấy mà cụ Cường Để buồn lòng, tách ra, đi nước khác. Vì sao ? Các bạn suy ra hẳn biết.

Hội Quang-Phục thành-lập, in ra giấy bạc giả, đem về lưu hành trong nước. Cụ Phan lại phái người về nước hoạt-động. Nhưng thực-dân đã biết cao-trào cách-mệnh đang lên, liền hết sức áp đảo. Vì thế người nước hưởng-ứng rất ít, chỉ ở miền Nghệ-an, Hà-tĩnh được một số người mạo-hiểm ăn-núp trên rừng núi hy-sinh tính-mệnh để ủng-hộ hội.

Việc nước bề-bộn mà hội thì hết sức quần-bách về mặt kinh-tế. Tuy thế, cụ Phan cùng các đồng-chí cũng rán hết sức cho một ít người sang du-học ở Âu-châu được, như Nguyễn thức Canh (tức Nguyễn hậu Công người Nghệ-an) sau đỗ y-khoa bác-sĩ ở Đức. Lại có người ra giúp cách-mệnh Trung-hoa bị tử nạn, như Nguyễn xuân Phiên (tức Quỳnh Lâm); chết trong trận đánh với quân Viên thế Khải, được người Trung-hoa dựng bia kỷ-niệm. Lại có người bị bắt rồi ngưng hoạt-động, ở yên với người Pháp như Nguyễn phong Di, Nguyễn bá Trác ở Trung, Nguyễn háo ở Nam.

Phong-trào cách-mệnh càng ngày càng lan mạnh.

Từ đấy trở đi, cụ Phan là linh-hồn Việt-nam cách-mệnh. Phàm việc bạo-động lớn nhỏ trong nước, kế tiếp xảy ra từ Nam chí Bắc, đều chịu vang bóng xa gần của hội Việt-nam quang-phục do cụ Phan làm lãnh-tụ, dẫn-đạo phong-trào.

Chính-phủ Bảo-hộ coi cụ Phan là kẻ thù số một, thường ngầm truy-nã.

Đến giữa năm quý-sửu (1913), trong nước xảy ra hai vụ ném bom ở Thái-bình và Hà-nội-Hôtel, Hội-đồng Đề-hình lập ngày tháng 9, xử 14 án chém, cụ Phan và Cường Đề đứng đầu sổ, cùng bị tử hình vắng mặt.

Mà bấy giờ, cụ Phan có còn ở ngoài đất nước Tàu để hoạt-động đâu? Cụ đã bị Đốc-quân Long tế Quang vãng mật-lệnh người Pháp bắt giam cụ rồi.

## TRONG NGỤC QUẢNG-CHÂU

**Đ**ỐC-QUÂN Long tế Quang vâng lệnh Pháp bắt giam cụ Phan trong ngục Quảng-châu. Họ Long định đem cụ Phan đánh đổi cho Pháp với một giá cực đắt. Cuộc đánh đổi dây-dura thương-thuyết.

Những ngày trong ngục, cụ Phan đã thốt nên lời phân-hận trong một tập «NGỤC-TRUNG THƯ». (1)

Lòng người chí-sĩ nhiệt-thành với sự còn mất của nước nhà, tấm thân bị giam trong ngục lạnh, thật là một cực hình thống-khổ. Những ngày bô-bá ở đất Nhật, trong một tập «HẢI-NGOẠI HUYẾT THƯ» viết vào năm đầu ở Nhật (1906), cụ Phan trút hết tinh-lực vào tập ấy mà gửi cho cụ Phan Chu Trinh đem về nước. Ta nay dù không được xem toàn quyền, nhưng chỉ đọc hai câu trong tờ «*Cải-tạo*» kỷ-niệm tạ thể bát-chu niên cụ Phan đã trích, lòng ta tất cũng đủ bội phục :

---

(1) Xin xem «*Ngục trung thư*» của cụ Phan Bội Châu, Đào Trinh Nhất dịch, nhà Tân-Việt xuất bản.

Lịch can huyết dĩ điều canh, để thiên khả giám  
Chú tình thành ư nhất tiển, kim thạch năng khai.

**Nghĩa :**

*Bát canh nấu với máu gan,  
Dâng trời cũng thấu lời van cho mình.  
Mũi tên dồn hết tâm thành,  
Bắn vào đá cứng tan-tành như chơi.*

Đọc những lời trên, rồi nghĩ đến cảnh cụ Phan bị giam, có ai không muốn gào lên cho hả niềm uất-hận.

Nhưng cụ Phan trước sau vẫn ung-dung tự-nghĩa, tin ở việc làm của mình phải được cảm-động đến trời, tin ở người nước phải biết tức mà đứng lên, lại tin ở tinh-thần cách-mệnh của những bậc tiên-tri, tiên-giác ở khắp năm châu, vì nhân-loại phải có tiến-hóa chứ! Mà tiến-hóa nghĩa là biến-hóa cho, đến khi xã-hội được tinh-thuần. Như thế thì lẽ phải phải được công-nhận.

Cho nên cụ Phan thản-nhiên cười :

*Vẫn là hào-kiệt vẫn phong-lưu.  
Chạy mỗi chân thì hãy ở tù.  
Đã khách không nhà trong bốn biên.  
Lại người có tội giữa năm châu.  
Bủa tay ôm chặt bồ kinh-tế.  
Mở miệng cười tan cuộc oán-thù.  
Thân nọ vẫn còn, còn sự-nghiệp.  
Dù bao nguy-hiểm sá gì đâu*

✱

✱ ✱



*Nếu chết phăng đi cái cũng hay.  
Còn ta ta lại tính sao đây?  
Trời đâu có ngục chôn thần-thánh.  
Đất há không đường ruồi gió mây?  
Tát cạn bèo Đông chịu tắc lưôi.  
Phá tan rừng Bắc vẫy đôi tay.  
Anh em ai nấy xin thêm gắng.  
Công-nghiệp nghìn thu há một ngày.*

Cuộc thương-thuyết đánh đổi cụ Phan chưa xong, thì cuộc Âu-chiến 1914-18 bùng nổ, Long tế Quang cũng bị xuống đân, Hồ hán Dân và đảng cách-mệnh Tàu cứu cụ Phan ra khỏi ngục Quảng-châu.

Bấy giờ, cụ Phan được người Đức giúp tiền, bèn phái ba đồng-chí là Nguyễn Thúc Đường, Nguyễn Đức Công và Nguyễn hải Thần về hiệp sức với Đội Cận vệ công phá tỉnh Lạng-sơn. Nhưng việc không thành, Đức Công và Thúc Đường bị bắt và bị đem lên đoạn-dầu-dài ở Hà-nội ; Nguyễn hải thần thì trốn thoát.

Và nhân lúc Âu-chiến, vua Duy-tân thừa dịp phiến-biến, bảo dân ta đăng lính sang Pháp rồi nổi loạn bên ấy, để bên nước nhà mưu cuộc đòi lại chủ quyền. Vua Duy-tân mật mưu với Trần cao Vân và Nam-xương Thái Phiên, định kỳ hành sự. Nhưng nghĩa-hội thất bại. Trần cao Vân với Thái Phiên bị giết. Vua Duy-tân bị đày ở đảo Réunion. Đồng thời, hai cụ Phu Chu Trinh và Nguyễn Ái Quốc lúc ấy ở bên Pháp, cũng bị nghi là thông đồng với Đức, đều bị giam tại ngục Santé.

Vua Duy-tân đã cười cay-dắng trong một câu nói :

« Thành thì vương, bại thì vong ! »  
Trần cap Vân đã hét lên trong khi bị giết :

« Đứa nào muốn chết chết như chơi.  
« Chết vì việc nước chết bởi trời  
« Chết thảo bao nài xương thịt nát  
« Chết ngay nào nệ cổ đầu rơi  
« Chết nghĩa danh lưu ngoài nghìn dặm  
« Chết trung tiếng đề biết mấy đời  
« Chết được như vậy là khoái lắm.  
« Ta không sợ chết hỡi ai ơi !

Cụ Phan được những tin đau-buồn tức trí dồn-dập, cụ lấy làm lo, làm việc đến quên ăn quên ngủ. Sau này, khi cụ Phan Chu Trinh chết (1926), cụ Phan đã thuật chuyện cụ Chu Trinh trong một bài ai-diếu, nói đến việc cụ Phan Chu bị giam ở ngục Santé, rất cảm-khái :

*Án tái-phạm vì lời thông Đức  
Dạ sắt-vàng thêm thử lại thêm bền. (1)*

Cụ Phan cũng đã thống khóc Thái Phiên :

*Bảy thước thân trai gánh nợ đời  
Tinh-thần khu xác một mà hai  
Trong vòng lồng-chậu không chim cá  
Trước mặt non sông có đất trời  
Cây cỏ biếc, đem gáy màu nhuộm*

---

(1) Xin xem tập « Phan Chu Trinh » cùng một soạn-giả, nhà Tân-Việt đã xuất-bản. Có trọn bài văn cụ Phan Bội Châu diếu cụ Phan Chu Trinh.

*Ruột gan Ròng, cật tẩm gương soi  
Chúng ta vẫn cũng dòng Hồng-Lạc  
Xin hỏi Nam-Xương có mấy ai ?*

Sau kỳ Âu-chiến, phong-trào ở trong nước tịch-mịch vì đàn-áp. Mà cụ Phan ở nước ngoài cũng vô liêu, hết mấy năm gần như không hoạt-động gì được, lại sống khổ-sở chật-vật vô cùng.

Trong khoảng thời-gian bị khốn-đốn, có lần cụ Phan đã lưu-lạc cùng với một người đệ-tử, đi qua một cánh đồng mênh-mông ở Viêm-châu, rủi bị tuyết sa xuống trắng xóa cả trời. Cụ không sao đi được nữa, phần thì mỗi-một, đành quẩn chân nằm ngủ vùi tại đấy một đêm. Sáng ngày, mặt trời lên, tuyết rã, cụ nhìn tư bề chỉ một mình tro- tro, bèn ôm chân chạy độ một giờ mới gặp được người đệ-tử đã lạc nhau. Cụ ngậm-ngùi cảm tác :

*Nhất dạ sơn trung tuyết tráo thân  
Thạch vi trường chầm thảo vi nhân.  
Minh triều tàn nguyệt phi chiêm tàu.  
Tứ cổ thương mang ngã nhất nhân !*

Huỳnh Thúc Kháng dịch :

*Núi vắng đêm dài tuyết bốn bên  
Đá dài làm gối cỏ làm mền.  
Sáng ra trăng xế ôm chân chạy.  
Trời đất mênh-mông chỉ một mình !*

Lặn-dạn lao-đao, nhưng trước-sau cụ Phan vẫn nhần-nại, bền chí. Có ngày chỉ ăn cơm lạt, uống nước lã, bụng không đủ no, mà chí vẫn kiên-cường.

Rồi đến khi có tiền thì liền nghĩ ngay đến các bạn đồng-bchi khác, cụ đem trợ-giúp hết cho anh em, chẳng quản gì.

Về sau cụ ở yên tại Hàng-châu với cụ Mai-sơn Nguyễn thượng Hiền, viết báo sinh-nhai.

Cho đến khi tiếng bom Sa-diện nổ....

## TIẾNG BOM SA-DIỆN

**T**HÁNG ba năm giáp-ti (1924), từ trong nước đưa sang Quảng-dông một nguồn tin : Toàn-quyền Merlin sang công-cán bên Nhật.

Cụ Phan được tin liền triệu-lập đồng-chi trong nhóm « Việt-nam quang-phục », quyết định đón hạ sát Merlin, để có tiếng dội trong thế-giới, để làm sôi-nổi phong-trào cách-mệnh đang bị trong nước đàn-áp.

Phạm Hồng Thái được chọn đi thi-hành đặc-lệnh.

Hạ tuần tháng 5, năm 1924, khi Merlin lên đường thì hai dũng-sĩ cũng lên đường sang Nhật gấp. Ở Nhật bị canh-phòng nghiêm-nhật, họ Phạm không hạ thủ được. Nhưng biết rằng khi trở về Merlin sẽ còn ghé lại Quảng-châu, Phạm Hồng Thái bèn đi gấp đường trở về trước, cùng với các đồng-chi hoạch định chương-trình khác.

Merlin tới Quảng-châu. Phạm Hồng Thái cũng sẵn-sàng chuẩn-bị cuộc hạ sát.

Tám giờ tối ngày 18 tháng 6, Merlin dự tiệc trà tại nhà hàng Victoria, ở phía bắc khu Sa-diện. Họ Phạm

bèn mang bom, súng, ra đi với tư-cách phóng-viên nhà báo, rồi tiến vào ném bom. Bom nổ. Merlin không chết. Nhưng có nhiều thượng-khách khác chết đủ làm kinh-động Thế-giới, để cho các nước ngoài đều được biết sự bức-độc trong lòng của một dân-tộc bị áp-bức.

Thi-hành xong mệnh-lệnh, họ Phạm thoát thân. Linh đuổi theo. Họ Phạm bắn nà, nhưng cũng không lui chúng nổi, phân-hân, gieo mình xuống bến Châu-giang mà chết.

Thi-thể họ Phạm được «Quảng-tế y-viện» là một hội có thiện-cảm với đảng cách-mệnh Việt-nam, an táng trong nghĩa-dịa trên đồi Bạch-vân. Về sau, Hồ hán Minh, em Hồ hán Dân, xin cải-táng hài-cốt họ Phạm về Nhị-vọng-cương, đối diện với nghĩa-dịa của 72 vị liệt-sĩ Hoàng-hoa-cương.

Sau tiếng bom Sa-diện, cụ Phan lại lập TÂM TÂM XÃ để liên-kết đồng-chí.

Trước khi tiếng bom Sa-diện nổ, hội Quang-Phục mỗi ngày một suy-yếu, một phần vì dân-chúng trong nước chưa được giác-ngộ bao nhiêu, một phần vì các nhà cách-mệnh lúc bấy giờ chưa biết tổ-chức quần-chúng, chỉ lấy một số ít tri-thức tiểu-tư-sản làm nền-tảng, nên mới thất bại như thế. Vả, một phần nhà cầm-quyền trong nước cũng đang hồi mạnh thế, cho nên cụ Phan không thể hoạt-động gì được, chỉ viết báo, viết sách, để chờ cơ-hội. Những tác-phẩm của cụ rất dồi-dào.

Viết hồi ở Nhật :

VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ  
KỶ-NIỆM LỤC  
LƯU CẦU HUYẾT LỆ TÀN THƯ  
KHUYẾN QUỐC-NHÂN DU-HỌC CA

Viết ở Tàu :

HẢI-NGOẠI HUYẾT THU  
HẢI-NGOẠI HUYẾT THU TỤC BIÊN  
VIỆT-NAM SỬ KHẢO  
NGỤC TRUNG THU  
DƯ CỬU NIÊN LAI SỞ TRÌ CHI CHỦ-NGHĨA  
HẢI-THÀNH LIỆT-SĨ

Lúc ở Xiêm, soạn những sách quốc-văn :

TRUYỀN LỄ THÁI-TỔ  
TUỒNG TRUNG NỮ-VƯƠNG V. V...

Lúc về bến Ngự, cụ soạn :

LỜI GIA-HUẤN (1)  
GIÁC QUẦN THU (2)  
quyển I : Nam quốc-dân tu tri  
quyển II : Nữ quốc-dân tu-tri  
CÁC BÀI VĂN NÔM (3)  
VĂN-TẾ V. V...

Đến khi tiếng bom Sa-diện nổ, cơ-quan TÂM TÂM Xã thêm đặc thể tuyên-truyền. Dân-tri, dân-tâm, sau những cuộc đàn-áp tàn-khốc, đã gần như chỉ còn hơi-hóp thở, vùng được hồi-sinh mạnh khoẻ. Đồng thời, thế-giới cũng chú-ý đến công - cuộc vận-dộng giải-phóng của Việt-nam rần-rộ ở trên đất Trung-hoa.

---

(1) (2) (3) Xin xem ở phần THI-VĂN

## CỤ PHAN BỊ BẮT

**G**IỮA lúc « Tâm-tâm xã » đang ráo-riết cổ-dộng duy-trì tinh-thần cách-mệnh cho dân-chúng, bỗng vang lên một tiếng sét thứ hai sau tiếng sét ở Sa-diện : cụ Phan bị bắt.

Cụ Phan bị bắt trong trường - hợp nào ? Chỉ có người trong cuộc mới biết được rõ-ràng. Dù sao, với mớ tài-liệu vụn-vặt, ta hãy thâu-thập lại, hầu cho đầy-dủ tập tiểu-sử cụ Phan.

Dưới đây, xin trích nguyên-văn một bài báo « Một việc bí-mật chưa ai nói ra » đăng trong số báo « Cải tạo, kỷ-niệm Phan Sào Nam » ra ngày 30-10.48 ở Hà-nội, do ông Đào Trinh Nhất biên tập :

« . . . Sau đó (sau tiếng bom Sa-diện) các đồng-chí ở rải-rác trong nội - địa nước Tàu cũng lục-tục về Quảng - châu tìm kiếm cụ Phan để mưu việc lớn, mỗi ngày một dòng.

« Cùng trong lúc đó, Nga-sô-viết muốn tìm cơ-hội để tuyên-truyền chủ-nghĩa sang Á-đông, nên chi, thề theo lời yêu-cầu của Tôn Văn, Lénine bèn cử một



phái-đoàn sang Quảng-châu làm cố-vấn cho Chính-phủ miền nam Trung-quốc.

«Phái-đoàn này do Pháo-la-đinh (Borodine) làm cố-vấn chính-trị và Gia-luân tướng-quân (Galen tức Blucher) làm cố-vấn quân-sự và Lý-Thụy được sung làm bi-thư.

«Đặt chân lên đất Quảng-châu, Lý-Thụy liền đi tìm ngay cụ Phan để bàn tính công-việc. Nhân đây, họ Lý được gặp cả cụ Nguyễn hải Thần và hầu hết anh em thanh-niên Việt-nam đang bỏ-đào ở Trung-quốc lúc bấy giờ. Trong các cuộc tiếp-xúc này, Lý-Thụy nhiều lần đề-cập vấn-đề tổ-chức anh em lại để làm việc...

«Toàn-thể ưng-thuận.

«Lý-Thụy lại trình cụ Phan biết là Đệ-tam-quốc-tế đang chủ-trương lập một hội lấy tên là «TOÀN THẾ-GIỚI NHƯỢC-TIỂU DÂN-TỘC LIÊN-HIỆP HỘI» để lãnh-đạo các nước nhỏ-yếu khắp trong thế-giới hiện đang bị ách đô-hộ, mục-dịch là chống vờn các nước thực-dân và Đế-quốc tư-bản để tranh thủ Độc-lập. Vậy thì Việt-nam ta chỉ việc xin gia-nhập tổ-chức ấy và lấy tên là «TOÀN THẾ-GIỚI BỊ ÁP-BỨC NHƯỢC-TIỂU DÂN-TỘC, Á-ĐÔNG BỘ, VIỆT-NAM CHI-PHÂN BỘ».

«Cụ Phan và các đồng-chi đều bằng lòng. Cụ lại tự đảm-đương việc đi lên Hàng-châu nói chuyện với cụ Mai-sơn Nguyễn thượng Hiền biết, luôn thể mời cụ Mai-sơn và các đồng-chi ở Hoa-trung, Hoa-bắc về tham-gia công cuộc vờn anh em ở Quảng-châu. Khi ra đi cụ Phan lại ủy-thác cho Nguyễn công Viên

tức Lâm đức Thụ ở nhà cùng với Lý-Thụ lo việc xếp-dặt và mời thêm các anh em. K hi nào công việc xong-xuôi thì đánh giấy thép lên Hàng-châu cho cụ biết dễ cụ về dự lễ khánh-thành.

« Sau khi cụ Phan đi Hàng-châu rồi, Lâm đức Thụ bàn với Lý-Thụ về việc tổ-chức Tổng-bộ của VIỆT NAM CHI PHẢN BỘ trong « Á-tế-á bị áp-bức nhược-tiểu dân-tộc chi bộ ». Đến đoạn cho người về trong nước tổ-chức khắp trong ba phần Bắc, Trung, Nam, thì vấp phải hai vấn-đề quan-hệ :

1. *Vấn-đề dân-khi*. — Sau bao nhiêu vụ thất-bại liên tiếp dồn đến những vụ đàn-áp của nhà cầm-quyền, dân-tình đã hầu như sợ-sệt mọi cuộc hoạt-động về chính-trị, đến nỗi lòng người đối với cái hận dân-tộc hầu như đã lãng quên bởi mọi sức tuyên-truyền ru ngủ của phe thống-trị. Bây giờ cần phải thức tỉnh dân-chúng để sửa-sọan dọn đường cho công-việc tổ-chức.

1. — *Vấn-đề tài-chính*. — Trong công-cuộc vận-động cách-mệnh, vấn-đề tài-chính vẫn là vấn-đề huyết mạch, dân-khi đã nhụt thì lấy ai là người ủng-hộ ?

« Giải-quyết được hai vấn-đề này thì mới mong lượcm được kết-quả mỹ-mãn.

« Lâm và Lý bù đầu với nhau hàng tháng mà vẫn không sao tính ra, bèn triệu-tập một kỳ hội-ng nghị có hết thầy các anh em cách-mệnh Việt-nam hiện có mặt ở Quảng-châu, trừ ra cụ Nguyễn hải Thần, để trưng cầu ý-kiến. Nhưng hội-ng nghị cũng đành chịu.

« Sau cùng Lâm đức Thụ đưa ra một đề-ng nghị :

— Theo như ý tôi thiển-ng hĩ, muốn giải-quyết được

hai vấn-dề quan-trọng nói trên, thì chúng ta phải tìm cách lợi-dụng. Nếu có cần phải hy-sinh một người trong anh em, hoặc về danh-tiếng hai tinh-mệnh, ta cũng cứ phải làm, miễn là đạt được mục-đích có lợi cho công-cuộc cách-mệnh của ta là ta nên làm. Theo nguyên-tắc như thế thì các anh em có tán-thành hay không ?

« Không kịp suy nghĩ, cả Hội-ngị đều tán-thành nguyên-tắc của Lâm đức Thụ nêu ra.

« Lâm lại nói :

« — Về nguyên-tắc, anh em đã biểu-quyết rồi, vậy tôi xin đi thẳng vào vấn-dề : Xét ra người mà ta có thể đem ra làm vật hy-sinh ấy là cụ Phan Bội Châu ! Tại sao tôi chọn cụ mà không chọn cụ Mai-sơn hoặc cụ Hải Thần ? Là vì tôi đã từng phen hỏi ướm cụ Phan xem nếu gặp trường-hợp phải hy-sinh cụ để làm lợi cho cách-mệnh thì cụ có chịu không ? Cụ đã khẳng-khải trả lời tôi thế này : « Tôi bốn ba hải-ngoại chốc đã ngoài 20 năm rồi mà rốt cuộc chỉ vấp phải thất-bại hoài, thêm phần tuổi cao, gối đã mòn, nếu có dịp được hy-sinh cho tổ-quốc thì dầu chết tôi cũng vui lòng ! ». Hay nữa, cụ là tượng-trưng của cách-mệnh, tiếng-tấm đã lừng-lẫy trong nước cũng như trên trường quốc-tế, nhà cầm-quyền Pháp e-dè và ước muốn cụ lắm. Họ cho rằng cụ là linh-hồn của đám Đông-du, nếu bắt được cụ, tức là bọn bò-dào chúng ta mất thủ-lãnh, tất phải tan rã hết. Vậy tôi mạnh bạo đề-ngị với anh em là bắt cụ đem nộp cho lãnh-sự Pháp. Tất nhiên họ phải hậu-dãi ta một món tiền lớn. Tiền ấy ta sẽ dùng vào công-việc vận-động cho đoàn-thề ở nước nhà. Đem cụ Phan ra

nộp cho Pháp, ta sẽ thâu được hai cái lợi :

« 1. Sau khi giải cụ về Hà-nội, tất nhiên nhà chức-trách sẽ giam cụ vào hỏa-lò, lập hội-đồng đề-hình xét xử. Trong phiên công-khai thẩm vấn, chắc hẳn cụ sẽ trở hết tài ngôn-luận và sở-học của mình để trả lời. Các báo ở trong nước tất nhiên sẽ xúm vào mà viết bài tường thuật. Như vậy, chỉ trong một tháng trời, khắp hang cùng ngõ hẻm ở các làng-mạc xa-xôi trong toàn cõi Việt-nam, dân-chúng sẽ được đọc một bản án rất dài, rất cứng và rất lý-thú. Do đó mà tinh-thần cách-mệnh sẽ lan-tràn và phổ-cập trong hết các tầng lớp trong xã-hội Việt-nam ta. Tôi tin chắc rằng chúng ta có phương-pháp tuyên-truyền khoa-học giỏi đến đâu cũng không thể làm nhanh-chóng bằng. Mà chúng ta có đủ phương-tiện hành-động trong mười năm vị tất đã lượm được kết-quả hay và mau-chóng được như thế.

« Dân-khí vì thế mà thức-tỉnh lại, thì vấn-đề thứ hai là vấn-đề tiền cũng đỡ cho ta nhiều lắm. Sản môn tiền-thưởng trên kia, ta sẽ phải anh em về trong nước mà tổ-chức các chi-bộ, rồi đưa thanh-niên ra huấn-luyện cho nhiều thì công-việc của ta mau có kết-quả lắm ».

« Trong hội-ngị bàn đi tính lại, có người chịu cho là cao-kiến, có người lại lo cho tính-mệnh cụ nữa. Nhưng Lâm đức Thụ quả-quyết là các hiện-trạng lúc bấy giờ, nhà cầm-quyền Pháp chỉ có thể tuyên-án tử-hình cụ mà rồi lại ân-xá và giam giữ cụ một nơi chứ không bao giờ dám giết cụ ; một khi

dân-chúng đã xôn-xao vì vụ xử án của cụ, tất-nhiên họ phải chiều lòng dân. Thêm nữa, sau khi cụ bị đưa về nước rồi, thì anh em mình phải người đưa tin cho anh em đồng-chi còn ở tại đất Pháp phải vận-dộng với hội Nhân-quyền và các đảng-phái cách-mệnh bên ấy, như đảng « xã-hội » chẳng hạn, can-thiệp với chính-phủ Pháp đề xin ân-xá cho cụ. Tất-nhiên tính-mệnh cụ sẽ được đảm-bảo mà về phần cách-mệnh Việt-nam mình thì hoàn-toàn thâu-hoạch được thắng lợi.

« Mấy lý-lẽ nói trên của Lâm đã làm xiêu lòng cử-tọa và Lâm được hội - nghị ủy cho toàn quyền hành-dộng.

« Thế rồi mấy ngày sau, người ta thấy Lâm đi lại với Phan Vi, một nhân-viên cao-cấp trong tòa Lãnh-sự Pháp ở Hương-cảng, một cách rất thân mật.

« Rồi một ngày kia, cụ Phan ở Hàng-châu bỗng tiếp được một bức điện-tin ở Quảng-châu đánh lên mời cụ về đề dự lễ thành-lập « Á - TẾ - Á BỊ ÁP-BỨC NHƯỘC-TIỀU DÂN-TỘC, VIỆT - NAM CHI PHÂN BỘ ».

« Cụ mừng rỡ, vội - vàng từ Hàng - Châu đi lên Thượng-hải để đáp tàu thủy về Quảng-châu, có dất người cháu gọi cụ Nguyễn thương Hiền bằng ông chú đi theo, tức là Cử Huyền.

« Xe hỏa vừa dừng bánh ở ga Bắc-trạm, cụ bước ra cửa ga thì một bọn lạ mặt nhẩy ra cản lại rồi bế thốc cụ lên một chiếc xe hơi đồ gầy dầy. Xe này mở máy chạy tuốt vào Tô-giới Pháp ở Thượng-hải.

« Rồi người ta chuyển cụ xuống một chiếc pháo-thuyền, đưa thẳng về bến Hải-phòng.

« Từ Hải-phòng, người ta bí-mật đưa cụ lên thẳng nhà pha Hà-nội với cái số tù đeo tên là Trần văn Đức.

« Qua năm sau (1926), người Pháp lập Hội-dồng Đề-hình xử lại vụ án Phan Bội Châu trong mấy phiên công-khai, lên án cụ một cách chiểu lệ rồi sau ân-xá cụ để lấy lòng dân. Trong khi đó Lâm đức Thụ được lĩnh món tiền thưởng của Pháp 15 vạn đồng.

« Sau vụ án này, toàn-thể quốc dân Việt-nam bất kể đàn-ông, đàn-bà, già hay trẻ, như đang ngủ mê bị một tiếng sét đánh thức dậy, hình như bây giờ mới nhận thấy mình là một người dân bị mất nước. Bấy giờ linh-thần cách-mệnh hết sức bùng-bột, các đảng cách-mệnh như « VIỆT-NAM THANH-NIÊN ĐỒNG-CHÍ HỘI », « TÂN - VIỆT CÁCH-MỆNH ĐẢNG », « HÒA-ĐỒNG HỢP ĐẢNG », « VIỆT-NAM QUỐC-DÂN ĐẢNG » nối tiếp nhau ra đời, tranh-đấu giành Độc-lập cho Tổ-quốc.

Phong-trào tiếp-tục mãi cho đến ngày 19-8-45. Hải được kết-quả ấy cũng là do ảnh-hưởng những lời đối đáp của cụ Phan trước Hội-dồng Đề-hình năm 1926 vậy.

Kẻ chủ mưu bắt cụ nộp cho Pháp là có công hay có tội ? Điều đó chúng tôi xin nhường để quốc-dân phẩm-bình và lịch-sử mai-hậu phán xét. »

## CỤ PHAN TRÊN ĐƯỜNG GIẢI VỀ HẢI-PHÒNG

CỤ Phan bị bắt vào một ngày về năm Ất-sửu, tây lịch tháng 7-1925, tại một nhà ga ở Thượng-hải ; chỗ này khi ấy thuộc về Trương tác Lâm thống trị. Cụ Phan vừa ở xe lửa bước xuống thì bị thám-tử Pháp ôm thốc lên xe hơi, đưa đến giam nơi dinh Lãnh-sự ở tô-giới Pháp ít lâu, lại đem xuống tàu binh đưa đến Hương-cảng, rồi sang chiếc Angkor của hãng Messageries Maritimes đưa về Hải-phòng.

Lúc cụ Phan bị đưa từ Thượng-hải đến Hương-cảng ra cửa Ngô-tùng, cụ Phan ngồi trong buồng kín, dòm qua cửa tò-vò trông những thuyền đánh cá lở-nhổ trên mặt bể, liền nghĩ cách mượn họ đưa tin. Cụ Phan mới lấy giấy viết, đại-khái tỏ mình là nhà Cách-mệnh Việt-nam, đã bị Pháp bắt trước ga Bắc-trạm, nay dẫn đi đâu không rõ. Rồi lại đề ba bài thơ tuyệt-mệnh:

I

*Nhất lạc nhân hoàn lục thập niên.  
Hảo phùng kim nhật liễu trần duyên.  
Bình-sinh kỳ-thí vì hà hử ?  
Nguyệt tại ba tâm vân tại thiên.*

II

*Sinh bất năng trừ thiên-hạ loạn,  
Na kham tử lụy hậu lai nhân.  
Hảo tòng hồ-khâu hoàn dư nguyện  
Khảng nhượng Di Tề nhất cá nhân.*

III

*Thống khốc giang-san dữ quốc-dân.  
Ngư trung vô kế chửng trầm-luân.  
Thử tâm vị liễu thân tiên liễu.  
Tư hướng tuyền-đài điện cổ-nhân.*

**Vô-danh-thị dịch :**

I

Sáu chục năm nay ở cõi đời  
Trần-duyên giờ hẳn đã xong rồi.  
Bình-sinh chí lớn là đâu tá ?  
Trăng rọi lòng sông mây ngắt trời.

II

Sống đã không trừ xong giặc nước  
Chết đi há lụy tới người sau.  
Phen này miệng cọp âu đành dạ  
So với Di Tề có kém đâu ?



III

Thương-khóc non sông với quốc-dân.  
Tài hèn không vớt được trăm-luân.  
Lòng này chưa hả thân đà chết,  
Chín suối thẹn-thùng gặp cố-nhân !

Viết xong, cụ bỏ vào trong một chai không, đây nút kỹ-lưỡng ném xuống bể.

Một bọn thuyền chài vớt được, bọn học-sinh cho đem đăng báo.

Báo « *Cộng-hóa* » ở Thượng-hải đăng lên mặt báo làm xôn-xao dư-luận. Các báo khác cùng hưởng-ứng, nhân dịp chỉ-trích nhà đương-cuộc Tàu để người ngoài xâm-phạm đến chủ-quyền lãnh-thô mình.

Lúc bấy giờ, Đốc-quân Tề nhiếp Nguyên đang hùng-cử ở Chiết-giang, nghe thấy dư-luận xôn-xao quá, một mặt sai thủ-hạ đi lùng những người Việt-nam nào khả-nghi làm trinh-thám chính-trị cho Pháp, đều bắt về hạ ngục tất.

Trong khi ấy, các bạn đồng-chí cách-mệnh đã chực sẵn ở nước nhà, để dẫn-dạo quần-chúng phản-kháng cái án Phan Bội Châu, mà bấy giờ cụ Phan đã được người ta gán cho cụ một cái tên trong sổ tù quốc-sự-phạm : Trần văn Đức.

## PHAN BỘI CHÂU TRƯỚC HỘI-ĐỒNG ĐỀ-HÌNH

**H**ỘI-ĐỒNG Đề-hình nhóm ngày 23-11-1925, xử án Phan Bội Châu.

*Chủ - tọa* : Viên Giám-đốc Bride

*Phụ-thẩm* : Hai ông Đốc-lý Hà-nội Dupuy và  
quan ba Bellie

*Bồi-thẩm* : Viên Biện-lý Boyer

*Lục - sự* : Arnoux Patrich.

Trạng-sư cãi cho cụ Phan là hai ông : Bona ở Hà-nội và Larre ở Hải-phòng.

Dưới đây xin trích-dẫn theo tài-liệu ở « *Tập án Phan Bội Châu* ».

Tờ trạng-cáo buộc 8 điều :

1.— Khi ở Xiêm, ở Tàu có lấy lời hứa, lấy uy bức, xui-giục và chủ sử tên Phan văn Tráng tức là Cháng, ném bom giết quan Tuần-phủ Thái-bình Nguyễn-duy Hàn ngày 12-4-1923.

2.— Cấp hung-khí cho tên Tráng làm việc ấy.

3.— Khi ở Xiêm và ở Tàu xúi-giục và chủ sử tên Nguyễn văn Quý tài-xế và Nguyễn khắc Cần tức là Nguyễn văn Túy liệng trái bom vào Hanoi-Hotel ngày 28 tháng tư 1923, giết hai ông quan tư tây là Montgrand và Chapuis.

4.— Cấp bom cho tên Quý và tên Cần làm việc ấy.

5.— Dự vào việc âm-mưu xúi-giục cho nhân-dân ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ để phá-hoại Chính-phủ bảo-hộ.

6.— Cấp khi-giới cho nhân-dân về việc âm-mưu hại Chính-phủ bảo-hộ Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

7.— Âm-mưu làm những việc bạo-dộng để cốt khuấy rối sự trị-an trong nước, và sinh ra nhiều sự rối loạn về chính-trị.

8.— Dự vào những hội-đảng mục-dịch là để làm hại sinh-mạng, tài-sản của tư-nhân.

Lời đáp lại của cụ Phan.

Đại ý :

Nước Nam cũng là một nước, xưa nay chịu ở dưới quyền chuyên-chế, dân-tình khổ-cực đã lâu. Vua quan đối với dân xa cách nhau, ức chế nhau, lại tệ dân-tình không có cách gì thương đạt. Nhờ có Chính-phủ Bảo-hộ là một nước văn-minh, nói rằng sang khai-hóa cho, tôi đã chắc rằng dân Giao-chỉ mấy nghìn năm đã đến kỳ mở mày mở mặt. Chẳng ngờ chính-phủ sang cai-trị 20 năm mà chính-sách không có điều gì thay đổi. Đến năm 1904 mà Trung, Bắc-kỳ chỉ có hai trường, trường Hà-nội và trường Huế, mà là trường chỉ dạy làm thông-ngôn. Người du-học không cho, lối thi cũ vẫn đề, hình-luật không chịu thi-hành hình-luật Pháp, quan tham, lại những,

hối lộ công bành. Tôi là người nước Nam, tôi muốn đánh thức cho dân-tộc Việt-nam. Tôi thấy thế sinh ra cái tư- tưởng phản-đối chính-trị. Nếu mà tôi, trong tay có mấy trăm vạn hải-quân, mấy mươi vạn lục-quân, binh tinh, lương túc, súng đủ, đạn nhiều, tàu chiến có, tàu bay có, thì có lẽ tôi hạ chiến-thu, đường đường chính chính đánh lại với chính-phủ thực. Thế nhưng tôi là một kẻ thư-sinh, túi không có một đồng tiền, tay không có một tấc sắt, không thể lấy vũ-lực mà phản-đối được. Vậy tôi chỉ dụng văn-hóa, nghĩa là trước thư lập ngôn đề cổ-động nhân-dân, yêu-cầu chính-phủ cải-lương chính-trị. Chẳng ngờ chính-phủ ngờ-vực, bắt bớ, tôi phải trốn ra ngoại-quốc để hành-động cho đoạt cái mục-đích của tôi.

Tôi có chiêu-tập các bạn đồng-chí, gom tiền góp sức để phái người đi du-học, và làm sách gửi về cho nhân-dân. Việc làm của tôi chỉ là dụng cái lưỡi và ngòi viết, mục-đích của tôi chỉ là cải-lương chính-trị, cử-động của tôi rất là chính-đại quang-minh.

Nếu tôi là người có tội thì tôi chỉ có bốn tội như sau này :

1. — Chính-phủ sang bảo-hộ nước Nam, không có ai phản-đối, mà mình tôi phản-đối, muốn cho nước Nam độc-lập.

2. — Nước Nam xưa nay là chính-thể chuyên-chế mà tôi muốn cho nước Nam thành một dân-quốc.

3. — Nhà-nước cấm không cho người đi du-học ngoại-quốc mà tôi trốn đi và rủ người đi ngoại-quốc.

4. — Tôi trước thư lập ngôn đề cổ-động dân Nam thức dậy, yêu-cầu chính-phủ cải-lương chính-trị làm hết cái thiên-chức khai-hóa của mình.

Tòa lại hỏi :

— Ông phản-đối chính-trị của chính-phủ bảo-hộ, hay là chính-trị của nước Nam ?

— Tôi phản-đối chính-trị của chính-phủ bảo-hộ, chứ nước Nam có nước dân và có chính-trị dân mà tôi phản-đối. Ấy, tội tôi chỉ có thế, chính-phủ chiếu luật gia hình bắt tội thế nào tôi cũng chịu....

\*

\* \*

Cụ Phan hùng-biện. Hai trạng-sur Larre và Bona lại kế tiếp chống-cãi cho cụ Phan. Phiên tòa xử từ hồi 8 giờ 25 sáng đến 8 giờ tối, tòa mới nghe xong lời bị cáo và lời chống-cãi của trạng-sur.

Hội-đồng Đề-hình vào trong nghị án, rồi trở ra tuyên án : Khổ sai chung thân.

Khổ sai chung thân ? Cụ Phan đã cảm nghĩ thế nào khi nghe tuyên án ấy ? Hắn cụ mỉm cười. « Vẫn là hào-kiệt vẫn phong-lưu. Chạy mỗi chân thì hãy ở tù » !

Trong khám, lại bao nhiêu huyết-lệ tuôn dầm khi cảm nghĩ đến tương-lai tổ-quốc ? !

## MỘT VIỆC CẢM-ĐỘNG TRONG KHI XỬ ÁN CỤ PHAN

**T**RONG phiên nhóm của Hội-đồng Đề-hình, phòng xử án chắt-nức những người. Linh sen-dầm có phận-sự canh-gác đều có vẻ lo-lắng ra mặt.

Tòa đọc án. Cụ Phan nhiệt-liệt biện-bác. Luật-sư hùng-hồn cãi lý. Công-chúng hân-hoan, hài lòng.

Đến viên Biện-ly đứng lên buộc tội cụ Phan và yêu-cầu kết án xử tử, công-chúng đều xôn-xao náo-động. Bỗng một người tù trong đám đông len ra đến trước vành móng ngựa.

Cả tòa kinh-ngạc. Linh sen-dầm nắm giữ người ấy lại. Đó là một ông nhà nho, người nhỏ thó nhưng rất gân-guốc.

Về mặt lộ nhiều tức-bực, người ấy ra trước tòa khai tên là Nguyễn khắc Doanh, nộp đơn xin chịu chết thế cho cụ Phan.

Nguyễn khắc Doanh (tục kêu là Tú Khắc), người ở huyện Nam-trực, tỉnh Nam-định.

Người Pháp lại một phen phải sợ cái tinh-thần dũng-mãnh của người dân Việt quyết hy-sinh cho công-cuộc giải-phóng quốc-gia.

## PHONG-TRÀO VẬN-ĐỘNG ÂN-XÁ CỤ PHAN BỘI CHÂU

**R**ÚT tài-liệu ở « *Vụ án Phan Bội Châu* » do Thịnh Quang Nguyễn đức Riệu viết và in tại Saigon 1926.

1. Hội « VIỆT-NAM THANH-NIÊN » can-thiệp. — Hội V. N T. N. ở Hà-nội in ra bốn nghìn lá đơn yêu-cầu cứu giúp ông Phan. Gửi cho :

Các đại-biểu của Vạn-quốc-hội (Délégués à la Société des Nations).

Tòa-án quốc-tế công-lý (Tribunal de justice internationale) ở tỉnh Lahaye.

Tòa Nghị-viện Pháp (Parlement Français).

Đức Giám-quốc Pháp (Président de la République Française).

Thuộc-địa Thượng-thư (Ministre des Colonies).

Toàn-Quyền Đông-pháp (Gougal de l'Indochine).

Sứ-thần Trung-hoa (Ambassadeur de Chine).

Và cho các sứ-thần liệt-quốc tại Paris, cho bắt thấy người Đông-dương tại Pháp, ở ngoại-quốc và ở Đông-dương. Lại phát cho nhiều đám hội-đồng của người Pháp nữa.

2.— Đồng-bào ta ở Pháp đối với cụ Phan.—Tiếp được tin cụ Phan bị kết án khổ-sai chung thân, những đồng-bào ta ở Pháp náo-động. Ngày 3 tháng chạp 1925, đồng-bào ta ở Paris có lập tại nhà Bác-học hội (Salle des Sociétés Savantes) một kỳ Đại-hội-đồng để bênh-vực cụ Phan.

Ông Nguyễn thế Truyền là người tổ-chức cuộc hội-đồng, đứng ra gửi hai bức điện-tin :

Điện-tin cho quan Toàn-quyền Varenne Hanoi.

« Những người Đồng-dương hội ở Paris ngày 3 tháng 12 năm 1925 có kháng-ng nghị về việc xử ớc ông Phan Bội Châu và yêu-cầu tha ngay ông ».

Điện-tin gửi về ông Phan Bội Châu—Hanoi.

« Được tin Cụ bị đày thì chúng tôi đau lòng vô cùng. Chúng tôi đã gửi điện-tin cho quan Toàn-quyền Varenne kháng-ng nghị việc ấy và yêu-cầu tha ngay Cụ ».

Các đồng-bào họp ở Paris ngày 3-12-25.

3.— Hôm ngày 3-10-25 đồng-bào ta có tổ-chức ở phòng Bác-học hội (Salle des Sociétés Savantes) mở một hội-đồng rất to, bàn về việc cụ Phan Bội Châu, và bàn về hiện-tình Đồng-dương và Trung-quốc. Lại có gửi hai bức điện-tin :

Điện-tin gửi về ông Phan Bội Châu ở nhà pha Hà-nội.

« Nhiều người đồng-bang ngài, họp cùng những bạn người Tàu, người Pháp và người các thuộc-địa khác, sau khi đã tố-giác những hành-vi của chính-sách thuộc-địa rồi, gửi lời tỏ cảm-tình cùng



« ngài và hứa với ngài rằng xin hết sức để ngài được  
« thoát nơi khổ hình tuyệt mệnh ».

Đại-hội Mit-tin Trung-quốc và Đông-dương  
ở Paris ngày 9-10-25.

Điện-tin gửi cho cơ-quan binh-bị « Quốc-dân  
đảng » Trung-hoa ở Quảng-đông :

« Sự bắt cụ Phan Bội Châu là người bênh-vực rất  
« hăng-bá của dân-tộc Việt-nam mà bắt ngay ở địa  
« phận Trung-quốc.

« Chúng tôi là người Đông-dương, xin tỏ cùng các  
ngài biết : Nay dân Đông-dương và dân Trung-quốc  
không thể diềm-nhiên được trong việc chống với  
đế-chính.

Các ngài phải can-thiệp kịp thời. Chúng tôi tin-  
tưởng và chờ đợi ở các ngài, hành-động không để  
nhục tinh-thần dân-tộc ».

Đại-hội biểu-tình Trung-quốc và Đông-dương  
ở Paris ngày 9-10-25

- 4.—Sinh-viên trường Cao-đẳng đối với cụ Phan.—  
Gửi bức điện-tin cho Toàn-quyền Varenne :

« Nous, étudiants de l'Université Indochinoise, vi-  
« vement éprouvés par la condamnation de notre  
« grand patriote et réformiste Phan Bội Châu, osons  
« respectueusement implorer sa grâce. En faisant cet  
« acte de clémence vous vous montrerez fidèle à  
« l'idéal de la France et à sa mission civilisatrice et  
« humanitaire. Le peuple annamite reconnaissant  
« vous en gardera un éternel souvenir ».

*Nghĩa :*

« Chúng tôi, sinh-viên trường Cao-đẳng Đông-  
« dương, rất lấy làm buồn-rầu vì ông Phan Bội Châu

« là người đại ái-quốc, đại duy-tân, bị tội, dám xin  
« ngài ân-xá cho ông. Ngài làm điều khoan-dung như  
« vậy thì sẽ tỏ ra ngài trung-thành với chủ-nghĩa cao-  
« thượng và chức-vị văn-minh nhân-đạo của nước  
« Pháp. Dân An-nam sẽ biết ân ngài không bao giờ  
« quên ».

Rồi đến khi quan Toàn-quyền Varenne tới Hà-nội  
lại có hơn hai trăm thiếu-niên học-sinh chia làm ba  
toán rất nghiêm-chỉnh, đứng ra ba chỗ xa nhau để  
đón đường quan Toàn-quyền. Khi ngài đi từ ga tới  
phủ, mỗi một toán có cầm một lá cờ, mặt cờ đề ba  
dòng chữ :

Vive le Socialiste Varenne  
Grâce pour Phan Bội Châu  
A bas le colonialisme à la trique.

*Nghĩa :*

Chúc nhà xã-hội Varenne trường-thọ  
Xin xá thứ cho ông Phan Bội Châu  
Tuyệt cái chủ-nghĩa thuộc-địa ức-chế.

Dòng trên dòng dưới viết bằng chữ đỏ. Dòng giữa  
viết bằng chữ đen.

Khi Toàn-quyền Varenne tới nơi thì bọn học-sinh  
reo rầm những tiếng đã viết trên lá cờ. Tiếng reo  
pha lẫn với tiếng yêu-cầu vang trời, động đất.

5.—Phụ-nữ đối với cụ Phan.— Báo *Minh-trị* ngày  
12-12-1925 có thông tin rằng : Khi Toàn-quyền Va-  
renne đi tới cuối phố hàng Đường thì có một tốp  
trăm bà già quì mọp ở giữa đường, đệ-trình một lá  
thư xin tội cho cụ Phan.

6. — Nữ học-sinh trường Đồng-khánh đối với cụ Phan. — Mấy cô nữ giáo-sư và học-sinh trường Đồng-khánh tại Huế, đồng tâm hiệp ý gửi một bức giấy thép cho Toàn-quyền Varenne :

« Gougal Hanoi.

« Nous institutrices et élèves collègue Đồng-khánh  
« avons honneur demander à votre bienveillance  
« grâce pour patriote Phan Bội Châu ».

« Quan Toàn-quyền ở Hà-nội.

« Chúng tôi, nữ-giáo và nữ học-sinh trường Đồng-  
« khánh, xin ngài vì lòng khoan-dung mà ân-xá cho  
« ông Phan Bội Châu là người ái-quốc ».

Nhưng bức điện-tín không gửi đi được vì sở cảnh-  
sát bắt lấy và đệ lên quan Khâm-sứ Pasquier.

Có một điều đáng nhớ là khi viên Thanh-tra sở  
mật-thám lại trường hỏi trước mặt bà đốc và các  
cô giáo cùng học trò, ai đã dám làm cái bức điện-  
tín đó, thì có một cô giáo còn thanh-niên nghiêm-  
trang ra trả lời rất cứng-cỏi đổng-dạc rằng :

« Je déclare être de celles qui ont décidé l'envoi  
« du télégramme à M. Varenne et je vous présente  
« mon amie Mlle X... qui est décidée à supporter  
« avec moi les conséquences de notre acte collectif.  
« Nou n'avons pas à consulter notre Directrice pour  
« une faveur que nous demandions au Chef de la  
« Colonie en dehors du domicile administratif. Nous  
« protestons contre le fonctionnaire des Postes qui  
« s'est permis, après avoir reçu notre argent, de  
« détourner le télégramme remis à son guichet. Et

« ceci est d'autant plus grave que ce télégramme  
« était adressé à M. Varenne. Nous n'avons pas à  
« rougir de notre acte et n'avons suivre l'exemple  
« de nos soeurs de Hanoi qui ont arrêté la voiture  
« du Gouverneur pour lui remettre une supplique  
« en faveur de notre héros national. Nous n'avons  
« reçu aucune suggestion du dehors. Nous avons  
« agi en femmes annamites et non comme  
« institutrices et élèves du collège. Je proteste contre  
« d'instruction ouverte contre nous ».

**Nghĩa :**

« Tôi nhận đã cùng với mấy người đàn-bà khác  
« gửi cái giấy thép cho quan Toàn-quyền Varenne và  
« tôi xin giới-thiệu cô X...đây cũng quyết như tôi  
« chịu hết trách-nhiệm về việc chúng tôi cùng làm.  
« Chúng tôi không phải hỏi gì bà Đốc về chuyện này  
« là chuyện ở ngoài nhà trường, là một việc xin quan  
« Chủ-tể ở Thuộc-địa làm ân cho chúng tôi. Chúng  
« tôi trách người làm ở sở bưu-diện đã nhận tiền  
« rồi lại đem giấy thép của chúng tôi đi nơi khác.  
« Mà sự này lại là quá lắm nữa là vì giấy thép ấy  
« gửi cho quan Toàn-quyền Varenne... Chúng tôi làm  
« điều không phải hổ-thẹn gì, và chúng tôi chỉ là  
« theo dõi chị em chúng tôi ở Hà-nội đã đón xe quan  
« Toàn-quyền mà đệ đơn xin cho người chỉ-sĩ của  
« nước chúng tôi. Việc này không có ai xui-khiến  
« chúng tôi hết. Chúng tôi vì nghĩa-vụ đàn-bà An-  
« nam mà làm, không phải theo chức-trách nữ  
« giáo-sư mà làm. Tôi nhận chứng việc thăm-vấn  
« này là trái phép với chúng tôi ».

Viên chánh sở mật-thám nghe những lời thăm-

thía, rất cảm-động. nghĩ rất chính-đáng và hồ-thẹn với đám phụ-nữ, về bầm lại với quan trên.

Việc đó bỏ, sáng hôm 13-12-1925, bà Đốc gọi một cô giáo bảo rằng ông chủ sở bưu-điện gọi cô ra đề hoàn lại số tiền hôm nọ.

(Trích trong báo Minh-trị)

7.— Dư-luận các báo.— Ông Nguyễn phan Long chủ bút báo *l'Echo Annamite* đối với cụ Phan :

« Intervention en faveur de M. Phan Bội Châu.

« Je n'ai pas été sans ressentir le douloureux  
« retentissement produit dans les cœurs annamites  
« par la nouvelle de la condamnation de M. Phan  
« Bội Châu, retentissement considérable si j'en juge  
« par les nombreuses demandes d'intervention en  
« faveur du condamné qui me sont parvenues par  
« lettre ou par télégramme de tous les coins de l'In-  
« dochine, dont plusieurs émanaient de compa-  
« triotes établis au Cambodge et au Laos.

« Le conseil du protectorat, saisi de l'appel inter-  
« jeté par le condamné M. Phan Bội Châu, ne s'est  
« pas encore prononcé. Si la sentence inique portée  
« contre le grand patriote annamite est confirmée,  
« rien de ce qu'il sera humainement possible de  
« tenter pour lui faire rendre justice ne sera négligé.

« Au surplus, M. Varenne a déclaré qu'il prendrait  
« le dossier en main pour provoquer la revision du  
« procès. Laissons-lui par déférence l'initiative d'un  
« geste d'équité ou de clémence. Nous aurons toujours  
« la ressource, si nos espoirs sont déçus, d'en appeler  
« à la Ligue des Droits de l'Homme.

« Que nos compatriotes prennent donc patience :

« la cause de M. Phan Bội Châu sera défendue et,  
« comme elle sera par les voies légales elle aura  
« la sympathie agissante de Français de cœur qui  
« viendront se ranger aux côtés des Annamites qui  
« s'en chargeront ».

NGUYỄN PHAN LONG

**Nghĩa :**

« Tôi dễ không cảm-động nỗi đau-đớn tự tâm-can  
« đồng-bào ta từ lúc được tin cụ Phan Bội Châu bị  
« kết án khổ-sai. Nỗi khổ-tâm đáng kinh đáng ghi ấy  
« đã biểu-lộ trong những thư-từ cùng điện-tín mà tôi  
« nhận được ở khắp xứ Đông-dương ta gửi lại, thêm  
« cả của những dân ta ngụ-cư ở Nam-vang và ở Ai-  
« lao, nhất định yêu-cầu tôi xin tha cho cụ.

« Cụ đã chống án lên Hội-đồng Bảo-hộ nhưng  
« chưa biết kết-quả ra sao. Nếu cái ngược-án cũ kia  
« cứ nhất-định thi-hành thì không gì ngăn trở được  
« bọn ta sẽ lấy hết thể-lực mà đòi ra lẽ công-bình.

« Vả lại quan Toàn-quyền Varenne đã hứa tự tay  
« xét lại hồ-sơ và xin tòa Hình tái xử.

« Vậy ta hãy đề cho ngài làm trọn bổn-phận ngài  
« đối với công-lý, đối với nhân-đạo ; giả sử có đến  
« nỗi nào, ta còn trông-mong ở hội Nhân-quyền nữa.  
« Xin đồng-bào ta hãy kiên gan chờ xem cơ-sự ra  
« sao đã. Việc cụ Phan Bội Châu sẽ được pháp-  
« luật bênh-vực cho. Hẳn sau này cũng có một  
« người tây nào có tâm-huyết biểu-tình cùng ta mà  
« dám nhận việc đó ».

NGUYỄN PHAN LONG

*Chủ-bút báo « l'Echo Annamite »*

## ÂN-XÁ CỤ PHAN BỘI CHÂU

CHIỀU hôm 7-12-1925, Toàn-quyền Varenne tiếp-kiến hai trạng-sur là ông Larre và Bona.

Hôm sau, Toàn-quyền Varenne lại cho mời ông Chưởng-lý Bouragne lên phủ đề cùng xem-xét hồ.sơ của cụ Phan.

Ngày 11-12-1925 Hội - đồng bảo . hộ hợp tại phủ Thống-sứ đề xét việc cụ Phan. Ông Khám-sứ Robin chủ-tọa. Hội-đồng này chỉ xét coi cái án đã xử tại Hội-đồng Đề-hình ngày 23-11-1925 có đúng luật hay không. Chưởng-lý Bouragne bảo rằng đúng cả. Vậy Hội-đồng đã bác đơn chống án của cụ Phan. Nhưng bản ấy đệ lên, Toàn-quyền Varenne phê.chuẩn, mà bảo đề ngài chuyển đạt lời cụ Phan sang Pháp đã.

Mãi đến hôm 24-12-1925, Toàn-quyền Alexandre Varenne ký nghị-định ân-xá và hạ lệnh tha ngay cụ Phan.

Sau khi cụ Phan được ra khỏi ngục, Toàn-quyền A. Varenne có ân-cần mời cụ lên chơi, nghỉ lại tại phủ một đêm.

Ông Varenne lại định trao cho cụ Phan hai chức cao-trọng để tùy cụ chọn.

1.— Học-bộ Thượng-thư.

2.— Cờ-vấn riêng của Toàn-quyền.

Cụ Phan cười mà từ-chối, không nhận chức nào cả. Toàn-quyền Varenne lại tặng cụ Phan một cây can (baton) của gia-bảo, cụ Phan vui lòng nhận-lãnh.

Ngọn triều vận-động ân-xá cụ Phan, ngày nào đã cao dằng, sóng gầm gió thét, giờ dần dần hạ.

Toàn dân vui mừng. Nhưng từ nay mới chính là lúc cụ Phan phải chịu nhiều cảnh nã - nề, suốt những tháng năm dài dằng-dẳng âm-thầm lắng nghe sóng gầm gió thét nơi lòng.



## CỤ PHAN BỘI-CHÂU SAU NGÀY ÂN-XÁ

**S**AU khi ân-xá, cụ Phan được đưa về Huế. Tuy bề ngoài được tự-do, song từ nay chính cụ Phan đã thừa biết, sẽ còn bị dòm-hành gắt-gao hơn nữa. Cụ Phan chán biết nhà cầm-quyền sợ cao-trào vận-động ân-xá cho cụ mà dấy-dư thì nguy, cho nên họ nhân nghĩa vờ đấy thôi.

Thêm vào những nỗi khổ tâm cho người chí-sĩ, lại còn dư-luận các báo khắt-khe, thỉnh-thoảng lại lên tiếng nhắc chừng cụ Phan.

Dưới đây ta hãy đọc một bài báo của cụ Trúc-sơn Mai đăng Đệ, rồi ta hãy lượng xem coi lòng cụ Phan lúc bấy giờ đã bị nung-nấu đến thế nào ?

### ÔNG PHAN BỘI CHÂU TƯƠNG-LAI MỖI NGỜ CỦA QUỐC-DÂN

« Lệnh ân-xá cho ông Phan vừa hạ mà bao nhiêu mây ngờ lửa vực, gió thảm mưa sầu trong tâm-hồn quốc-dân ta bỗng chốc hóa làm tầng không-khi mừng

vui bao bọc một trời Nam-Việt. Cái chính-sách khoan hồng mà khôn-khéo của chính-phủ kết-quả tốt đẹp nhường bao, không cần phải nói cũng đã rõ. Song sau sự mừng-vui tiếp luôn đến sự nghi-hoặc: sự vui-mừng chưa qua, sự nghi-hoặc đã tới ; sự mừng-vui không mấy chốc, sự nghi-hoặc còn lâu dài ; sự mừng-vui bởi tấm lòng yêu ông Phan, quý ông Phan mà ra, sự nghi-hoặc cũng bởi tấm lòng yêu ông Phan, quý ông Phan mà có. Sự nghi-hoặc ấy hiện nay đã thành câu hỏi đầu lưỡi hầu khắp mọi người, ấy là câu hỏi : « Ông Phan Bội-Châu tương-lai thế nào ? » hay là : « Ông Phan Bội-Châu sau này có còn là ông Phan Bội Châu nữa không ? ». (Có lẽ các ông thân-sĩ ở Huế vào tiếp-kiến và đưa thư cho ông Phan hôm 27-12.1925 cũng bởi cái lòng nghi-hoặc đó).

Ông Phan Bội Châu tương-lai thế nào ? — Không ai trả lời ngay bây giờ được. Song suy-nghĩ cái câu ấy, chẳng qua người ta chỉ ngờ cho cái danh-tiết ông Phan sau này khó lòng giữ được hoàn-toàn mà thôi. Vậy nhân lúc mới ngờ mới nhóm, ta vì ông Phan mà phân-giải với quốc-dân, tưởng cũng là một cách yêu ông Phan, quý ông Phan vậy.

Người ta sợ-dĩ sinh ngờ bởi vì nhiều lẽ : Ông Phan vốn mang tiếng là một nhà đại-cách-mệnh, ai ai cũng cho là một nhà cứu-dịch của chính-phủ. Nay chính-phủ bắt được không giết mà tha, biết đâu chính-phủ chẳng muốn lợi-dụng để làm việc theo ý muốn của mình ? Mà về phần ông Phan, ân tái-sinh có lẽ không đền ? Vậy cái chí cải-lương chính-trị của ông sau này

có vì cảm-ân mà quay làm nô-lệ cho chính-phủ không ?

« Hơn hai mươi năm quê người đất khách, góc bể bèn trời, ngày nay răng long đầu bạc, trở gót thăm quê, của hết nhà không, vợ dôi con rét, giọt lệ gia-đình rất dễ xiêu lòng tráng-sĩ ; vậy cái nhiệt-tâm yêu nước của ông liệu có khỏi vì tình yêu nhà mà phai-lạt đi không ?

« Ở ngục-đường ra, về ngay kinh nguyệt, sông Hương núi Ngự là chỗ đầy những không-khi chuyên quyền, hoàn-cảnh là cái lò để luộc người, vậy cái chí-khí tự-do, cái tư-tưởng cao-thượng của ông đã do sự quan cảm bấy lâu ở núi Ô-lập, hồ Động-dinh, thành Đông-kinh, vịnh Bang-cốc mà nung-đúc nên kia, liệu có khỏi bị những cung-diện nguy-ngã, áo xiêm rực-rỡ, lễ-nghi túc tĩnh, đường-bệ tôn-nghiêm nó làm cho tiêu-diệt đi không ?

« Ấy vì những lẽ ấy người ta mới ngờ, ngờ rằng ông Phan Bội Châu về sau không phải là ông Phan Bội Châu về trước nữa. Người ta vì thương ông khi còn chịu tội nên mới mừng cho ông khi đã được tha, vì mừng cho ông khi đã được tha nên mới lo cho ông về cách thiện hậu ; thương lắm, mừng nhiều, mừng bao nhiêu lo bấy nhiêu, mối liên can của tâm-lý tự-nhiên như thế.

« Sự nghi-ngờ ấy kể ra thật cũng phải. Ông Phan không phải là một người tầm-thường ; cả nước mới có một người, quốc-dân đều chú-ý đến, sự hành-động của ông có ảnh-hưởng đến phong-trào của xã-hội, cái

danh-tiết của ông có quan-hệ đến danh-dự của quốc-dân ; người ta có quan-hệ đến ông nên người ta có quyền được săn-sóc, có nghĩa phải ân-cần đến sự hành-động và cái danh-tiết của ông. Thế mà ông bây giờ, trên chính-phủ nhắm xuống, dưới bè bạn trông vào, đại danh khó toàn, đại ân khó trả, chết không chết được, sống tựa sống thừa, tuy phú-quí lợi-lộc ông chẳng màng chi, song ở cái địa-vị khó-khẩn ấy mà muốn giữ bản-sắc được toàn, thật không phải là một việc dễ. Sự nghi-hoặc kia nên có mà cũng cần phải có vậy.

« Tuy nhiên, nói đi thì thế, mà nói lại cũng còn có nhiều lẽ tin được : Chính-trị ngày nay khác với chính-trị ngày trước. Sự ân-xá cho ông Phan là do cái chính-sách nhân-dân của nước Pháp, tấm lòng quảng-dại của quan Toàn-quyền và cái trào-lưu chính-trị của thời-thế, nên tha thì tha, lòng cao-thượng đã không tưởng đến sự báo ân, còn nghĩ dầu đến đều lợi-dụng. Vả chính-phủ tha ông Phan là vì dân nước Nam mà tha ; chính-phủ đã vì dân nước Nam mà cho cái danh ông Phan được toàn? Tha phần xác mà giết phần hồn, hẳn chính-phủ cũng không nỡ. Chính-phủ tha ông Phan là vì dân nước Nam thì sự báo ân là việc chung của dân nước Nam, ông Phan không có quyền được nhận hàm-ân riêng mà lo phải trả. Dù ông có nghĩ đến sự ân báo nghĩa đền là cái đạo của người quân-tử, thì ở dưới quyền một chính-phủ quảng-dại, sự báo ân cũng dễ, không cần phải hủy-hoại nhân-cách mới báo được ân. Ta không phải lo cho ông Phan, ấy là một phương-diện.

« Hơn hai mươi năm trời phiêu-lưu ngoại-quốc, nào Tàu, nào Nhật, nào Nga, nào Đức, nào Xiêm, ông giao-thiệp với danh-nhân các nước cũng lắm, ông xuất-bản sách ở các nước cũng nhiều ; vậy đối với con mắt người ngoại-quốc ông là hòn ngọc (ngọc châu của nước Việt-nam do cái tinh-hoa dân-tộc Việt-nam ngưng kết lại, điều đó hẳn ông cũng tự biết. Ông đã tự biết như thế thì hòn ngọc châu kia ông cũng không thể làm cho phát hào-quang chiếu diệu góc trời Nam, hẳn cũng không dám để cho hóa ra hòn đá bi, làm trò chơi cho con trẻ).

« Hơn hai mươi triệu đồng-bào hâm-mộ cái tiếng ông là người ái-quốc ; trong Nam, ngoài Bắc, từ chợ đến quê, già trẻ, gái trai, thân thương sĩ thứ, hết mọi hạng người — trừ vài người không kể — còn không ai là không yêu ông, quý ông. Vậy đối với những người trong nước, cái lòng ái-quốc của ông tức là một vị thần của nước Việt-nam, hết thầy quốc-dân đều tin-ngưỡng, điều đó hẳn ông cũng tự biết. Ông đã biết như thế thì vị thần đó dù ông không thể làm cho có pháp-luật thiêng-liêng phù-hộ cho dân nước, hẳn cũng không nỡ để cho hóa làm con quỷ dữ trên nát hại đồng-bào.

« Xét về phương-diện đó, ta lại có thể chắc rằng ông Phan cho ở cái địa-vị khó-khăn đến đâu cũng phải cố gắng giữ lấy cái phẩm-cách, dù chẳng chết đi để cái di-hương cho quốc-dân sùng bái, cũng phải sống một cách trong-sạch để đáp lại lòng tin của quốc-dân. Phương chi cái địa-vị ông Phan bây giờ ở người khác xem ra thì khó, nhưng ở một người có nghị-lực như ông tưởng không lấy gì làm khó cho lắm nhỉ. Điều nghi-hoặc kia có lẽ là điều quá đáng vậy.

« Hiện nay chúng ta hãy cứ nên mừng. Một là mừng rằng chính-phủ đã tha cho ông Phan, thế là cái thân ông Phan được toàn. Hai là mừng rằng chính-phủ đã ra án cho một người phản-đối chính-trị như thế, chắc là từ nay sẽ lấy nhân-dạo mà cai-trị ta. Điều thứ ba lại đáng mừng hơn là : Từ khi vận trời dung rủi mà có lá cờ ba sắc cắm ở đất ta, lúc ban đầu có nhiều người dùng lăm tấm lòng ái-quốc ra tấm lòng kỳ-thị chủng-tộc, đem việc phản-đối chính-trị làm việc bạo-động ngông-cuồng, đến nổi tự hãm vào vòng tù-tội, còn để cái gương ghê-sợ cho quốc-dân ; từ ấy đến nay, ai ai cũng hiểu lăm hai điều đó, lấy nghĩa ái-quốc làm kiềng, lấy việc chính-trị làm sọt, gìn lòng giữ miệng, thậm chí đến cái tên Phan Bội Châu cũng không dám nói. Nay nhân có việc án ông Phan này, người ta mới tỉnh-ngộ ra ái-quốc khác với kỳ-thị chủng-tộc, phản-đối chính-trị khác với bạo-động ngông-cuồng; mình có nước mình yêu, không ai cấm mình, có lợi-hại quan-hệ với chính-trị, mình xin nói không ai ngăn, chính-phủ Pháp không những không cấm không ngăn, lại sẵn lòng khích-khuyến nữa. Người mình đã hiểu như thế thì từ nay về sau đối với vấn-đề chính-trị hẳn có vẻ bạo-dạn mà thành-thật, không đến nỗi nhút-nhát mà giả-đối như trước nữa. Đó thực là cái kết-quả về việc án ông Phan, và là cái cơ người Pháp người Nam sẽ cùng hiểu lẫn nhau mà cùng ràng-rịt lấy nhau trên con đường tiến-hóa vậy. Có ba điều ấy đáng mừng, được mừng hãy cứ mừng, can chi mà nghi-hoặc.

«Hoặc có người e rằng cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề.

huề ông đề-xương tự hồi Âu-chiến ngày nay thời-dại biến-thiên, cuộc cờ đổi thế, vậy cái chủ-nghĩa ấy sau này ông cử-dộng cách nào ? thi-hành làm sao ? liệu có khỏi đưa quốc-dân đến con đường lầm-lạc ? — Điều đó tưởng không phải ngại. Cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề chúng ta đề-xương đã lâu, cử-dộng đã nhiều, sau này dù ông Phan có dự vào cho thêm mạnh nữa, thì trên có quyền giám-đốc của chính-phủ, dưới có quyền phán-đoán của quốc-dân, hay thì ta theo, dẫu ta không theo, ông Phan cũng không thể ngoài được lẽ phải.

*Vậy, hỡi quốc-dân ! ông Phan Bội Châu bao giờ cũng là ông Phan Bội Châu, ta nên tin, ta cứ tin ! tin ở ông Phan, tin ở chính-phủ, nhất là tin ở tư-cách của quốc-dân mình !*

TRÚC-SƠN MAI ĐĂNG ĐỆ

Dư-luận phản văn. Trong chỗ bạn-bè lại có người ngờ cụ Phan sẽ đổi lòng biến tiết. Có người thì khuyên cụ thôi nên ở yên, vì lo sợ cho cụ đang bị cạnh chừng ngầm ráo-riết. Có người lại khuyên cụ nên lấy tài ba và kinh-nghiệm sẵn có, ra làm cố-vấn cho Triều-đình Huế để giúp-ich phần nào cho dân, cho nước.

Đem cái chí con se-sẻ mà hiểu cái chí của con hồng, con học, hiểu làm sao nổi. Hoài-bảo của cụ Phan bá chỉ có thế sao ?

Trước dư-luận còn ấu-trĩ, cụ Phan lấy làm khổ tâm cực trí. Ăn nói làm sao với quốc-dân đây. Thôi thì cụ

cũng rán trút nỗi ngậm-ngùi, gói trong mấy vụn Kiều tập-thành mà gửi cho quốc-dân :

- « *Ví chẳng xét tấm tình si,*
- « *Thiệt ta mà có ích gì đến ai.*
- « *Vội chi liễu ép hoa nài,*
- « *Còn thân ắt hẳn đền-bồi có khi.*
- « *Sinh rằng : từ thuở tương tri.*
- « *Tấm riêng riêng những nặng vì nước non.*
- « *Trăm năm tính cuộc vương tròn,*
- « *Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.*
- « *Muôn đời ơn lòng ! »*



## NHỮNG CHUYỂN ĐI KHÔNG THÀNH CỦA CỤ PHAN BỘI CHÂU

**T**HÂN dường đã bị nhà đương-đạo đem đi giam lỏng ở phương trời Huế, cái nông-nỗi thăm bực của chí-sĩ thế nào, hẳn mọi người suy cũng biết. Nhưng thân ấy chỉ có giết đi mà thôi, chứ khi buông-tha mà những phương-sách chính-trị trong nước vẫn cứ một mực hủ-bại không thay đổi, cứ như chọc vào mắt, cứ như xui phải gào, phải thét thì nhất-định là còn sống thì cụ Phan còn phải phản-đối chính-trị, cù-cung tận-tụy vì cách-mệnh cho đến chết mới thôi.

Chính vì thế, hai năm sau ngày ân-xá, cụ Phan vẫn âm-thầm hoạt-động chính-trị bên cạnh những anh em đồng-chí trong « VIỆT-NAM QUỐC-DÂN ĐẢNG ». Giúp việc cho đảng, cụ đảm-nhận về phương diện ngoại-giao, vì toàn đảng đều tin-nhiệm cụ ở sự cụ có quen thân với các yếu-nhân ngoại-quốc : Khuyển dưỡng Nghị, Cù-kỳ di-Tàng ở Nhật ; Trương giới Thạch, Uông-tĩnh Vệ ở Tàu. Vả lại, trong năm 1912, cụ cũng đã có cùng Hoàng Hưng sang Đức, vẫn có quen được với nhiều yếu-nhân Đức nữa.

Cụ đã ưng giúp đảng từ hôm mồng 2 tháng mười 1928. Ngày ấy, lồng-bộ đã cử ông Đặng đình Điền vào Huế để đạo-dạt ý-kiến anh em với cụ. Cụ Phan đã vui-vẻ giao cho ông Đặng một tấm danh-thiếp, phía sau đề bốn chữ : « Khả dĩ đoạn kim » phòng khi đảng có phải người vào cụ thì cầm thiếp ấy làm tin.

Thế rồi, có một ngày các nhân-sĩ bằng-hữu của cụ Phan ở Bắc-hà như các cụ Ngô đức Kế, Hoàng tăng Bi, Dương bá Trạc, Lê Đại, Lê Dư v.v... đánh điện-tin vô Huế đón cụ ra Bắc chơi. Các cụ ấy lại ủy cho các ông Trần đình Nam, Nguyễn quốc Túy, Trần Vỹ, thuê xe hơi và hộ-tống cụ ra Bắc. Nhưng chuyến đi ở Bắc mà cũng không thành. Người Pháp thật đã dòm chừng cụ quá lắm, ngăn-dón từ mỗi cử-động, mỗi bước đi của cụ.

Dưới đây, ta hãy nghe ông Cầm Sâm Mai ngọc Thiệu đã thuật lại cho chúng ta ngày nay biết chuyến đi của cụ Phan ra Bắc.

« Xe đi đến đồn Bửu-sơn thì bị viên chánh giám binh Pháp ở đó đã giăng sẵn dây tam-tài qua đường chặn xe cụ lại. Viên đồn tiến đến bên xe, lịch-sự hỏi :

— Có phải ngài là Phan Bội Châu ?

— Phải

— Tôi mới nhận được giấy-thếp ở Vinh cho hay cụ sẽ qua đây và Thượng-cấp ra lệnh cho tôi ngăn xe cụ lại. Tìm-kiếm mãi mới biết cụ ra Bắc.

— Ủa ! tôi là người Việt-nam không có quyền đi chơi thăm đồng bào Việt-nam trong nước tôi sao ? Tôi có đi ngoại-quốc đâu mà phải xin giấy tờ.

— Không nói lời-thôi, mời ông về ngay Huế.

— Ngộ, tôi cứ đi thì sao ?

— Nếu ông đi tôi sẽ ra lệnh bắn vò bánh xe cho nổ. Ông sẽ hết đi.

— Ông bắn nổ xe hơi, tôi sẽ đi xe lửa.

— Nếu ông đi xe lửa, tôi ra lệnh cho Chef de gare không phát giấy.

— Thế ngộ, tôi bay thì ông làm gì ?

— Nếu ông bay được thì tôi xin chịu.

Thế rồi cụ cười xòa, cho quay xe về Huế. Thế là cuộc du lịch Bắc hà của Cụ nửa đường đành bị bỏ ».

Một chuyến đi ra Bắc đã không thành rồi, giờ, chúng ta hãy lại nghe ông Nhượng Tống, Hoàng-phạm Trân thuật một chuyến đi khác nữa của cụ Phan, mà lần này định ra ngoại - quốc, song cũng không thành !

Xin nhường lời cho ông Nhượng Tống là người trong cuộc đã biết rõ :

« ... Tôi kể thêm ra đây câu chuyện một năm sau, anh em trong đảng định đánh tháo đem cụ trốn ra ngoại-quốc !

« Ấy là năm 1930. Anh Song Khê (biệt hiệu của Nguyễn khắc Nhu tức Xứ Nhu) đã viết thư cho người đem vào trình cụ. Nguyên hồi xưa, cụ là bạn thân với cụ Cử Nội-Duyệt, thầy học của anh Song Khê. Chí lớn của anh đã được lòng yêu của thầy và của bạn thầy. Cho nên được thư là cụ nhận ra ngay.

Cụ rất mừng và rất vui lòng lại ra ngoại-quốc để giúp việc ngoại-giao cho đảng. Về phần đảng, đảng định dùng năm chiếc ô-tô để đón cụ từ Huế qua Nam-quan ! Đi đến đâu sẽ sắp người cắt đứt giây thép, giấy

---

## PHAN BỘI CHÂU

---

nói, và chặt cây xếp đả ngang các ngã đường phía sau. Như vậy nhà cầm - quyền dù có dùng ô-tô để đuổi theo cũng không kịp.

Nhưng mưu đó đã không thành. Và cụ đành ôm tấm lòng vì đảng, vì nước, uất - ức cho đến ngày xuống tuổi vàng (1) ! »

Quý bạn ! Bạn đã đọc những chuyện đi không thành ấy, cũng đủ khiến các bạn phải nghiêng mình trước bậc người đáng yêu, đáng kính, để lượng biết lòng ấy đã nức-nở đến thế nào trong những ngày chôn chân ở Thần-kinh cho đến ngày tàn !

---

(1) Trích trong quyển « NGUYỄN THÁI - HỌC » của *Nhượng Tống* (Tân Việt xuất bản).

## CẢM-TÌNH CỦA CỤ PHAN ĐỐI VỚI NỮ ĐỒNG-CHÍ ẤU TRIỆU

**T**RONG công cuộc vận-dộng cách-mệnh của cụ Phan không bao giờ cụ quên một nữ đồng-chí rất đáng mến, ấy là bà Lê thị Đang bí danh là Ấu Triệu (lấy hiệu như vậy là vì bà có ý tự hứa mình là một bà Triệu còn bé).

Ấu Triệu sinh-trưởng trong một gia-đình bình-dân ở xã Thế-lai-thượng, tỉnh Thừa-thiên, vào hội « Việt-nam Quang-phục » ngay từ khi mới thảo sáng. Những lúc cụ Phan bôn-ba vận-dộng cách-mệnh ở nước ngoài, mua khí-giới và lo liệu cho « Thanh-niên Đông-du », Ấu Triệu ở lại nước nhà gánh lấy phần trách-nhiệm, làm hộp thư bí-mật, làm sợi dây liên-lạc giữa các đảng-viên, trao đổi tin-tức với hải-ngoại và xếp-đặt cho anh em học-sinh xuất dương. Phàm là đảng-viên cùng các việc quan-hệ từ Thừa-thiên trở vào, Nam, Nghĩa trở ra, cô đều thông-thuộc cho tới chi-tiết.

Năm 1908, các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-nam,

Quảng-nghĩa, có phong-trào kháng thuế sôi-nổi, chính Ấu Triệu cũng có dự vào.

Đầu năm canh-tuất (1910), Ấu Triệu bị nhà đương cuộc Pháp bắt giam. Người ta dùng đủ cách tra-tấn khổ-sở, Ấu Triệu kiên gan, nhất-định cắn răng không khai một lời nào có hại cho đảng. Cho đến ngày mồng 6 tháng 3 năm ấy, Ấu Triệu lấy dây lưng thắt cổ tự-tử trong ngục.

Cụ Phan nghe tin những ngậm-ngùi. Cho đến ngày nay bị bắt về nước, giam thân ở Huế, cụ Phan vẫn nghĩ mà thương-tiếc người liệt-nữ.

Cụ cất nhà tranh bên dốc Nam-giao mà ngụ, liền dựng bia ở góc vườn, để kỷ-niệm Ấu Triệu liệt-nữ. Bốn cột nhà bia, cụ đều có đề hai câu đối Việt-văn hùng-hồn bi-tráng :

I

*Tấm thân trót gả giang-san Việt  
Tấc dạ soi chung nhật nguyệt Trời*

II

*Tơ nhân sợi nghĩa dây lưng trắng  
Dạ sắt lòng son nét máu hồng.*

Thương-tiếc người liệt-nữ mà thống-thiết đề văn truy-niệm, nhưng biết đâu đó cũng là cái thâm ý khích-khuyến đoàn hậu-tiến rất hay.

Thân chí-sĩ dù khi bị thúc-thủ, nhưng hồn chí-sĩ có ai ràng-buộc được đâu. Thà cam một chết. Nhưng than ôi ! Cụ chưa chết được thì cụ còn cố mà vùng-vẫy luôn luôn, bất cứ trong trường-hợp nào cũng trút hết tinh-lực mình vào việc.

## CẢM-TÌNH CỤ PHAN ĐỐI VỚI CÁI CHẾT CỦA HAI ĐỒNG-CHÍ NGUYỄN THÁI HỌC — NGUYỄN THỊ GIANG

**N**GÀY 17 tháng 6 năm 1930, nhà lãnh-tụ Việt-nam Quốc-dân đảng lên đoạn-dầu-dài với 12 bạn đồng-chí. Trời Yên-bái mây mù âm-dảm khóc anh-hùng. Chính trong lúc ấy, Nguyễn thị Giang trà-trộn trong đám người, ngùi-ngùi chứng-kiến cái chết anh-dũng của người cách-mệnh, đã đem hết tâm-hồn bi-phẫn tiễn-đưa người đảng-trưởng mà cũng là bạn tâm đầu, rồi đáp xe lửa xuôi Vĩnh-yên, rút súng lục tự-tử giữa cánh-đồng làng Thổ-tang, chính là quê-hương Thái Học.

Trong lúc bấy giờ, phải biết rằng chế-độ kiểm-duyet báo-chi rất nghiêm-ngã. Thế nhưng Cụ Phan vẫn lại đem lòng mà ký-thác vào chuyện Thái Học và chị em cô Giang cô Bắc ; viết mấy bài thơ gửi đăng ở một tuần báo trong Nam, đề gây luồng dư-luận công-phân :

CÔ KHÓC CẬU

*Thình-lình một tiếng sét ngang lưng  
Nuốt ghen tình tơ xiết nỗi nằng.  
Mây mịt-mờ xanh trời vẫn hắc  
Giọt chan-chứa đỏ bề khôn bằng.  
Thân vàng đành cậu liễu theo cát  
Dạ tuyết thôi em gửi với trăng.  
May nữa duyên sau còn gặp-gỡ,  
Suối vàng cười nụ có ngày chăng?*

HỒN CẬU TRẢ LỜI

*Gặp mình, mình lại thẹn cùng nình.  
Ai khiến em mà vội gặp anh?  
Vẫn nghĩ hữu chung vì hữu thù  
Thôi thề đồng tử chẳng đồng sinh.  
Trăm năm cuộc bụi, đâu hay bề  
Một tấm lòng son sắt với đình.  
Gió dữ mưa cuồng thây kệ nó,  
Dắt nhau ta tới tận thiên-đình.*

II

*Dắt nhau ta tới tận thiên-đình,  
Quyết dẹp cho yên sóng bất-bình.  
Mặt nước em còn hồng giọt máu,  
Nợ đời anh chữa trắng tay tanh.  
Trăm năm thề với trời riêng đội,  
Bảy thước âu là mẹ chẳng sinh.  
Mình hỡi! mình đừng buồn-bã quá,  
Hồn còn mạnh khỏe, phách còn linh.*



CHỊ KHÓC EM

(Khi em chết theo người yêu)

I

*Em ơi ! em vậy chị thời sao ?  
Ghê-gớm mà cùng tiếc biết bao.  
Chung nợ cha sinh và mẹ dưỡng  
Rẽ đường vực thẳm với bờ cao.  
Ngai-ngùng gió yếu, mây trơ mực.  
Tức-tối trời say máu úa đào.  
Hồn có thiêng-liêng giữm tính nhĩ.  
Mẹ già em bé nghĩ đường nao !*

II

*Mẹ già em bé nghĩ đường nao !  
Và nợ chồng con nặng biết bao.  
Nò đất thành-linh tay vổ kếp  
Nhuộm trời ghê-gớm máu phun đào.  
Giữa trường tân-khê no cay-đắng  
Trước trận phong-ba nổi gió trào,  
Chị có ngờ đâu em dựng thế  
Biên ngăn ấy rộng, núi ngăn cao.*

## CỤ BÀ PHAN BỘI-CHÂU

**G**IỮA lúc lòng cụ Phan như bị căng, bị xé bởi những cảnh nghịch-thường, lại tiếp được một tin buồn-bã : bà Phan Bội Châu mất (vào năm 1936).

Thuật tiểu-sử cụ Phan mà không nói đến bà thì thật là chẳng đủ. Vì chính người nội-trợ dôi-dang ấy là cái nguyên-động-lực tài-bồi nên công-cuộc vận-động cách-mệnh trong đời chồng.

Ngày cụ Phan bị bắt rồi được ân-xá, cụ cũng không về thăm quê nhà ở Nam-đàn. Cho đến ngày 8-2-1926, cụ vào thăm quan sứ Nghệ, lúc 8 giờ rưỡi ngày ấy có Phan-phu-nhân, con và cháu vào thăm cụ. Phu-nhân bấy giờ đã thốt lời khẳng-khải : « Thừa thầy, vợ chồng xa cách nhau nay trót hai mươi năm lẻ, thầy còn sống mà về đến xứ-sở, thế là tôi lấy làm mãn-nguyện. Thầy đã đem thân ra làm việc cho nước, thì sao cho hết nghĩa-vụ, cho bằng lòng quốc-dân, chứ có nên tưởng chi việc vợ con nghèo-túng, miễn giữ cho tròn danh-tiết là hơn. Đó là điều của tôi nguyện-

vọng bấy lâu nay. Còn việc gia-đình đã có tôi lo liệu ».

Cụ ra về hòa-nhĩ cảm-dộng mà rằng : « Mấy lời bà nói rất là chính-đáng tôi lấy làm cảm ơn ! »

Thế rồi từ ấy vẫn xa nhau. Về sau này khi người nội-trợ đáng kinh sắp mất, cụ Phan hay tin chẳng khỏi áo-não tâm-can, nên trong một bức thư thống-thiết gửi cho các con, cụ đã cho các con được nghe tiếng lòng của cụ đối với cụ bà :

Nầy con,

Chúng con ơi ! Cha mầy e chết ở rày mai, có lẽ với mẹ mầy không được một phen gặp nhau nữa ! Nhưng nếu trời thương ta, cho hai ta đồng thời gặp nhau ở tuổi-vàng, cũng vui thú biết chừng nào.

Nhưng đau-đớn quá ! Mẹ mầy e chết trước ta. Ta hiện giờ, nếu không chép sơ những việc đời mẹ mầy cho chúng con nghe, thì chúng con rồi đây không biết rõ mẹ mầy là người thế nào, có lẽ bảo mẹ ta cũng như người thường thấy cả.

Than ôi ! Ta với mẹ mầy, vợ chồng « thật » gần năm mươi năm, mà quan quá « giả » gần bốn mươi năm. Khi sống, chẳng mấy hồi tương-tụ ; mà tới chết lại chỉ tin-tức nghe hơi !

Chúng mầy làm con người, đã biết nỗi đau-đớn của cha mầy với mẹ mầy, chắc lòng mầy còn thế nào mà an-thích được.

Bây giờ ta hơn lúc sắp sửa chết, mà chưa chết, đem lịch-sử mẹ mầy nói với mầy.

Mầy nên biết, nếu không có mẹ mầy, thì chí của cha mầy đã hư-hỏng những bao giờ kia.

Cha ta với Tiên-nghiêm của mẹ mầy xưa, đều là nhà nho cũ rất chăm giữ đạo-đức xưa. Mẹ mầy lớn hơn ta một tuổi. Hai ông đính thông-gia với nhau từ khi con còn nên một. Tới năm mẹ mầy hai mươi ba tuổi, về làm dâu nhà ta. Lúc ấy, mẹ ta bỏ ta đã tám năm, trong nhà duy có cha già với em gái bé. Ta vì sinh-nhai bằng nghề dạy trẻ, luôn năm ngồi quán ở phương xa, cái gánh sớm chiều gạo nước gởi vào trên vai mẹ mầy. Cha ta đối với dâu con rất nghiêm-thiết, nhưng chẳng bao giờ có sắc giận với mẹ mầy. Cha ta hưởng thọ được bảy mươi tuổi, nhưng bệnh nặng từ ngày sáu mươi. Liên-miễn trong khoảng mười năm, những công-việc thuốc-thang hầu-hạ bên giường bệnh, cho đến các việc khó-nhọc nặng-nề mà người ta không thể làm, thấy thấy một tay mẹ mầy gánh cả. Kể việc hiếu về thờ ông gia, như mẹ mầy là một việc hiếm có vậy.

Trước lúc cha ta lâm-chung, ước một phút đồng hồ, gọi mẹ mầy bằng mầy tới cạnh giường nằm, chúc tạ rằng : « Ta chết rồi, mầy phải hết sức dạy cháu ta, và hết sức thương vợ mầy. Vợ mầy thờ ta rất hiếu, chắc trời cũng làm phúc cho nó ». Xem lời lâm-chung của cha ta như thế, cũng đủ biết nhân-cách mẹ mầy rồi.

Năm cha ta sáu mươi sáu tuổi, còn hiếm cháu trai vì ta là con độc-đinh, nên cha ta cũng khát cháu lắm. Mẹ mầy muốn được chóng sinh, trai cho bằng lòng cha, nên gấp vì ta cưới thứ-mẫu mầy. Thứ-mẫu mầy đã về nhà ta từ trong năm ấy, mẹ mầy toàn nương ái-tình của chồng cho thứ-mẫu mầy, chẳng

*bao lâu mà em mầy sinh. Trong lúc thăng Cự mới ra đời, mẹ mầy gánh việc ô-m-ấp đùm-bọc hơn một tháng. Cha ta được thấy cháu đầu, hoan-hỉ quá chừng. Thường nói với ta rằng : « Ta chỉ còn một việc chết chưa nhắm mắt, là mầy chưa trả cái nợ khoa-danh mà thôi ». Mẹ mầy nhân đó càng ân-đức thứ-mẫu mầy, thân-yêu nhau hơn chị em ruột.*

*Kề đức nhân về ân-ái với người phận em, như mẹ mầy cũng ít có.*

*Cứ hai chuyện như trên, bảo mẹ mầy là mẹ hiền về thời cữu chắc không quá đáng. Nhưng mà bất buộc cho ta phải trọn đời nhớ luôn, thời lại vì có một việc : Nguyên-lai nhà ta chỉ có bốn tấm phen tre suông, chẳng bao giờ chứa gạo tới hai ngày. Nhưng vì trời cho tính quái đặc : thích khoản-khuếch, hay làm ân. Hễ trong túi đựng được đồng tiền, thấy khách hỏi tức khắc cho ngay. Thường tới khi từ trường quán về, ta tất mang luôn khách về nhà, khách hoặc năm sáu người, có khi mười người chẳng hạn, nhưng chiều hôm sớm mai, thiếu những gì tất hỏi mẹ mầy. Mẹ mầy có gì đâu ! chỉ dựa vào một triêng hai thúng, từ mai tới hôm mà hễ nghe chõng đòi gì thời có nấy. Bồng dầy học của ta tuy có nhiều, nhưng chưa một đồng xu nào là tay mẹ mầy được xài-phí. Khổ-cực mầy, nhưng không sắc buồn ; khó nhọc mầy, nhưng không tiếng giận. Từ năm ta đã ba mươi sáu tuổi, cho tới ngày xuất dương, những công-cuộc kinh-dinh việc nước, mẹ mầy ngẫm biết thấy, nhưng chưa từng hé răng một lời. Duy có một ngày kia, ta tình cờ ngồi một mình,*

mẹ mầy ngồi dựa cột, kể một bên ta mà nói : « Thầy chắc toàn bắt mèo đó mà ? Mèo chưa thấy bắt mà người ta đã biết nhiều, sao thế ? » Mẹ mầy tuy có câu nói ấy, mà lúc đó ta làm ngơ, ta thiệt dờ quá !

Bây giờ nhắc lại trước khi ta xuất dương, khoảng hơn mười năm. Nghèo-dói mà bạn-bè nhiều ; cùng-khốn mà chí-khí vững, thiệt một phần nữa là nhờ ân mẹ mầy.

Tới ngày ta bị bắt về nước, mẹ mầy được gặp ta một lần ở thành tỉnh Nghệ, hơn nửa tiếng đồng-hồ chỉ có một câu nói với ta rằng : « Vợ chồng ly-biệt nhau hơn hai mươi năm, nay được một lần gặp mặt thầy, trong lòng tôi đã mãn túc rồi. Từ đây trở về sau, chỉ trông-mong thầy giữ được lòng thầy như xưa, thầy làm những việc gì mặc thầy, thầy không phiền nghĩ tới vợ con ».

Hỡi ôi ! Câu nói ấy bây giờ còn phảng-phất bên tai ta, mà ta té ra ủ dùi năm tháng, chẳng một việc gì làm, chốc chẵn mười năm.

Phỏng khiến mẹ mầy mà chết trước ta, thời trách-nhiệm của ta e còn nặng mãi mãi.

Suối vàng quanh cách, biết lối nào thăm ; đầu bạc trăm năm, còn lời thề cũ. Mẹ mầy thật chẳng phụ ta, ta phụ mẹ mầy.

“Công nhi vong tư” chắc mẹ mầy cũng lượng thứ cho ta chớ ».

PHAN BỘI CHÂU

(Có đăng báo « Tiếng Dân »

báo « Mai », báo « Tiếng Dội » — Xuân)

## CỤ PHAN MỞ HÀNG DẠY THI « MỘNG - DU THI - XÃ »

**C**HÍ-SĨ thất thời, lưới thật đã nếm té mùi cay-  
đắng lòng đã nếm biết bao nhiêu mùi xác mặ-  
mòi. Nhưng dù trăm cay nghìn đắng, hồng keo này,  
người chí-sĩ vẫn quyết bày keo khác, cùng tâm khồ  
chí, kiệt sức mà cho kỳ thỏa nguyện-vọng mới thôi

Neo thuyền bên dòng sông Hương, cụ Phan tuy  
bỏ gối ngồi nhìn cuộc đời rối nát, song quốc-dân  
vẫn luôn luôn hướng về cụ mà trông chờ một ngày  
chim bằng lại bay. Nhưng giữa lúc bất ngờ, trong  
năm 1932, quốc-dân bỗng sững-sốt đọc mấy dòng  
của cụ Phan đăng trên mặt báo « *Phụ-nữ tân-văn* »  
trong Nam : Cụ Phan mở hàng dạy thi.

Chua-xót tấm lòng chí-sĩ đến thế là cùng. Ta hãy  
đọc đề nghe lòng ta cảm-thông đến cái đau-dớn  
mà lòng cụ Phan đã chịu trong buổi ấy :

« Thưa bà con,

« Tôi đã gần tuổi chết, nhưng mà chưa chết. Vì  
« chưa chết tôi phải có ăn, vì có ăn tất phải có làm.  
« Nhưng tôi bây giờ biết làm cái gì ? Sách tày có  
« câu: «Vi ăn mà sống, chớ không phải sống mà ăn».  
« Tôi bây giờ vì còn có ăn, nên tôi phải nghĩ một  
« cách làm, song năng-lực tôi với hoàn-cảnh bây  
« giờ, thì không có cái gì thích-hợp. Tôi chỉ biết tìm-  
« tèm là câu thi, đồn khe kèn gió, thiệt chẳng ra gì,  
« nhưng nghề tôi làm được, chỉ có thế !

« Vậy tôi định mở một cửa hàng dạy thi gọi là  
« “ MỘNG-DU THI-XÃ “. Bà con ai dốt thi hơn tôi,  
« muốn học làm thi, bằng lòng bảo tôi dạy, vô  
« luận hạng người nào, miễn có cao-hứng muốn  
« học làm thi, thì không cần giáp mặt tôi, cũng  
« không cần cho tôi biết họ tên quê-quán gì cả, chỉ  
« viết thư cho tôi biết cái ý muốn học làm thi, hoặc  
« là đăng báo mà gửi cho tôi số báo ấy, hoặc đưa  
« thi tới bảo tôi chấm ; tôi xin hết lòng hoan-ngheh.  
« Biết chừng nào, tôi xin đồ rương cạo túi mà cống-  
« hiến cho bà con.

« Nay tôi hãy viết một bài thi làm mẫu như sau  
« này, luôn thể cũng bày-giải một vài cách về lối  
« làm thi, gọi là mối rao hàng, xin bà con xem thử  
« có vừa mắt hay không ?

« Thứ nhất là thi 7 chữ 8 câu, gọi là «Thất-ngôn  
« luật thi » mà người mình thường hay làm.

« Lối thi này, câu thứ-nhất, thứ hai không cần phải  
« đối, câu thứ 3,4, 5, 6, phải đối nhau từng chữ. Câu



« thứ 7, thứ 8, lại không cần phải đối. Trong một bài,  
« năm chữ ở cuối câu 1, 2, 4, 6 và 8 phải hợp một vần  
« với nhau, riêng ra từng câu phải theo giọng bình  
« giọng trắc cho đúng phép mà nhập lại phải đúng  
«niêm luật, ấy gọi là luật thi.

BÀI THI LÀM MẪU :

- Câu : 1. Vàng khè trắng toát khác đôi bên*  
*2. Thây kệ ai chê mặc tiếng khen*  
*3. Sông núi lở-làng màu lịch-sự*  
*4. Gió trắng chờn-chợ mới nhân-duyên*  
*5. Chàng long-lay đến lòng son sắt*  
*6. Há hồ người vì miếng bạc đen*  
*7. Ba chén xong rồi ai ấy bạn ?*  
*8. Một pho kinh Phật một cây đèn.*

« Xem bài trên: bên, khen, duyên, đen, đèn, 5 chữ  
« hiệp một vần. Câu 1, 2, không phải đối, cốt cho  
« thông mạch. Câu 3, 4, « sông núi gió trắng » là danh-  
« tự, « lịch-sự nhân-duyên » là hai chữ Hán-văn nhập  
« tịch tiếng ta đã thành tiếng thành-ngữ, đều đối với  
« nhau, mà thú-vị nhất là bốn chữ giữa : lở-làng,  
« chờn-chợ là tiếng thô.Ám của ta, mà chữ « làng »  
« đối với chữ « chợ » là vô tình mà thành ra đối nhau  
« rất tự-nhiên lại xung hợp; là một cách khéo tự-  
« nhiên trong nghề làm thi. Câu 5, 6, « son sắt bạc  
« đen » đối rất cân, nhưng cũng là thường, duy  
« chữ « long » đối với « hồ » là vô tình mà được, gọi  
« là đối tiếng, nghe cũng có thú. Câu 7, 8; câu thứ 7  
« kêu lên một tiếng hỏi để gọi câu thứ 8. « Ai ấy bạn,

---

## PHAN BỘI CHÂU

---

« 3 chữ nghe thật tầm-thường mà nhờ nó nên câu  
« thứ 8 mới hạ được một cách suông cứng, không chi-  
« tiết rờm-rác gì cả, đã chấn khỉ cả toàn bài mà hò  
« ững với hai câu khởi đầu.

« Làm thi, thứ nhất là cốt cho thông ý. Thứ nhì là  
« cốt cho trao lời, lời không-thuận mà ý sâu-xa, lại có  
« vẻ tự-nhiên, toàn bài phải hò ững thừa tiếp, như  
« bài trên, có lẽ cũng đã hợp pháp. Còn nhiều cách  
« điệu phương-pháp nữa, xin tùy vấn tùy đáp ».

PHAN SÀO NAM (Huế)

Bạn ! Bạn đã hiểu cụ Phan chưa ?

## ĐẾM CHUỐI NGÀY QUA

TỪ ngày được ân-xá, rồi lại «bị» đưa về Huế chôn chân, và đã trải hai chuyến đi không thành, cụ Phan thật đã biết rõ «mệnh» mình rồi. Bỏ gối ngồi suông cay mắt xé lòng, bao nhiêu đau sâu ôm-ấp chịu !

Nhưng không đi được thì cụ Phan lại thở những hơi nồng-nực chất-chứa ở nơi lòng, để xây thành những cầu vồng oán-khi cho muôn dân dóm vào đây, kéo lại bị say như điệu đồ cái vật-chất khoái-lạc chủ-nghĩa mà mắc trông chính sách ngu dân :

Này, cụ Phan « VÀO THÀNH »

*Vào thành ra cửa đông,  
Xe ngựa chạy tứ tung.  
Vào thành ra cửa tây,  
Sa gấm rực như mây.  
Vào thành ra cửa nam,  
Áo mũ đỏ pha chàm.  
Vào thành ra cửa bắc,  
Mưa gió đen hơn mực.  
Dạo khắp trong vó ngoài.*

*Đàn địch vang tai trời,  
Đau lòng có một người,  
Hỏi ai ? ai biết ai !*

Non-nước nhìn đau dân bị trị, ngậm-ngùi nỗi  
danh lợi mê người khiến lòng dạ tối-đen, có ai  
lượng được niềm tủi-cực của chí-sĩ đáng yêu ?

Thấy cảnh đồng-bào bị bịt mắt bùng tai, chí-sĩ  
bị hảm-hại, hồn nước bị làm cho ô-nhục, cụ Phan  
muốn thét, muốn gào, nhưng mà thét gào với ai,  
than-thở với ai, nói với ai chứ ? Thủ-đoạn của  
thực-dân, phong-kiến có trăm phương nghìn thế,  
còn thêm bọn xu-phụ càng lúc càng nhiều. Hỏi ai ?  
ai biết ai !

Nhưng mà tắc hơi hầy còn, dù ai nghe hay chẳng  
nghe, hầy cứ gào cho núi sông đồng vọng :

*Núi Ngự sông Hương khéo hững-hờ  
Trải bao dâu bể đến bây giờ  
Uy nghi sáu bộ sồn mây sẫm  
Xe ngựa ba cầu dạn gió mưa  
Cỏ mọc cung-tường thành giám cỏ  
Đá trơ văn-vũ cửa lăng xưa  
Thành rơi giọt lệ kìa ai đó ?  
Ta sẽ lên thành hỏi cột cờ.*

Hồi nhớ lại mấy năm bôn đào hải-ngoại, quên  
thân mình chỉ nghĩ đều mưu lợi-ích cho nước nhà,  
tắm thân bò-đào giỡn với gian-lao nhưng mà thích  
thú. Giờ đây, thân sao thân quá chán-chường với  
thân. Dưới mắt nhìn thấy biết bao nỗi đau lòng.  
Thương thay những đồng-chi trẻ tuổi trong đảng  
quốc-dân ! Xót thay những kẻ quên giống quên nòi.

Đã gào cho núi sông đồng-vọng lời bi-phẫn, cụ  
Phan lại than-thĩ riêng « MÌNH VỚI BÓNG ».

Đêm lơ-lững mình cùng trời đứng  
Mình hỏi trời, trời lững làm thinh  
Trên trăng dưới nước giữa mình  
Thôi thì với bóng tự tình vân-vi  
Khen cho bóng thật tay lạnh-lợi  
Chưa dứt câu đã mở miệng rồi :  
« — Còn ai như nghĩa ông tôi  
Khi đi khi đứng khi ngồi theo ông.  
Sao ông vẫn hình-dung buồn-bã !  
Khiến tôi cùng rầu-rá vì ông.  
Điều chi uất-ức ở trong ?  
Xin ông tỏ hết nỗi lòng tôi nghe »  
— Ừ muốn nói, nhưng e đêm vắng;  
Lời quá dài thêm bận lòng người  
Lạ-lùng cho mẹ bà trời,  
Thình-lình dè rớt một người là ông.  
Oà một tiếng non sông nức-nẻ  
Nòi Rồng Tiên thêm kè một người.  
Sáng đôi mắt, tỏ đôi tai,  
Khuôn thân bảy thước khá dài khá to.  
Đầu óc cũng tròn vo sâu hoáy  
Râu mày xem đáng thầy nam-nhi.  
Mỹ Áu đất há chật gì ?  
Tình cò sinh ở Trung-kỳ Việt-nam.  
Sao chẳng điếc chẳng câm cho rảnh  
Sao hay mang hay gánh hoài hoài  
Chân không, sao muốn đá trời  
Tay không, sao muốn lấp đời đời non.

Lưỡi kình mỏ chẳng mòn sao nhỉ ?  
Ruột quây tơ chẳng biết vì sao ?  
Gân đồng xương sắt thế nào ?  
Đành cho muôn đạn bắn vào bia thân !  
Sao mãi-mãi phong-trần không đã.  
Mà gan vàng dạ đá trơ-trơ.  
Nghĩ chi nghĩ vẩn nghĩ vơ ?  
Nghĩ mình mình luống ngằn-ngờ tháng ngày !  
Chẳng ích gì sao hay làm mãi ?  
Làm mãi sao chẳng cái gì thành ?  
Tại ai ? Hay tội tại mình ?  
Tại mình ? Hay cũng sự tình tại ai ? » .  
Bóng nghe hỏi thờ dài mà nói :  
— Kề đầu đuôi thừa tội tại ông,  
Miếng đời độc ngọt gian nồng,  
Sao ai lừa gạt mà ông nghe liễu,  
Ông xem xét càng nhiều hờ-hững  
Việc trăm năm tưởng những rày mai.  
Lòng ai ông tưởng như ai,  
Biết đâu rắn-rít hươu nai đầy đường.  
Người lành dạ ông càng sợ bụng.  
Trước bày ma phun giọng phật linh.  
Ngu sao chúng được mình thanh  
Cuồng sao chúng túy mình tình mà gì !  
Ông chẳng thấy đời này danh-giá,  
Chẳng gì hơn xe ngựa lâu đài  
No cơm ấm áo là rồi,  
Ai còn nghĩ đến việc ngoài thân gia.  
Dầu lịch-sử ông cha thấy kệ,  
Nhục hay vinh họ kẻ gì đâu !

*Việc gì ông cứ bo bo,  
Trong thiên-hạ kẻ rất ngu ai bằng,  
Ông thử dẫu nàng trắng xuống hỏi  
Xem như lời tôi nói phải chăng ? »  
Nghe lời lòng lại dặt lòng,  
Rằng xe trước đồ còn hòng xe sau.  
Bóng hỡi bóng giùm nhau tính rồn  
Còn sau này với bạn tâm tri  
Vùng trăng vừa ăn non tảo  
Trời đông rưng rưng lại mảy với ta.*

Ngâm bài « ĐÊM TRĂNG HỎI BÓNG » thế, lòng ấy đáng cho quốc-dân tôn-trọng, đáng cho quốc-dân kinh-mến biết chừng nào.

Lòng ấy thật không có một giờ nào quên quốc-dân, lại bao giờ cũng vì quốc-dân mà nát dạ diển lòng.

Ta dám chắc-chắn rằng lòng cụ Phan thật tinh-khiết vô cùng, lòng chí-thiết yêu quốc-dân cho đến chẳng thiết gì Xuân, thấy Xuân cũng nghĩ nhớ quốc-dân trước hết. Nay .

*Nghe nói ngoài hiên xuân mới về  
Non sông sao những chịu ử-ê  
Lạnh-lùng gió thổi trời đêm khuya  
Vùng trăng man-mác mây mù che  
Dưới đèn bối-rối mối sầu chia  
Tiếng gà cạnh vách tẻ-tè-te  
Bỗng chốc vừng đông sáng chói loè.  
Khoác áo ra đi dạo bốn bề  
Dạo cùng kẻ chợ lại nhà quê  
Khóc khồ, than sầu nọ với kia*

Luôn năm thủy hạn trời gớm-ghe.  
Mấy anh cuốc mướn chú cày thuê.  
Mò bụng không cơm tay chân tê.  
Cuộc đau biến-loạn lại chẳng dè.  
Nước miếng khô ráo nước mắt the.  
Bán con cầm vợ rao mỗi mê.  
Làng nam xóm bắc ai cũng chê  
Bức đồ xã-hội còn gì khoe.  
Duy hữu « khất cái » hai chữ đề.  
Vô tình chi bấy oanh én kia !  
Hót gió ngấm trăng thôi ngán nghe.  
Mặt nước sông Hương sóng rấp-re,  
Bèo trôi như đồng cỏ như bè.  
Đông-ba Gia-hội ngựa liền xe,  
Đụng đầu chết đó mau tránh nhe.  
Trời ơi ! há lẽ trời dương què !  
Thấy dân cùng-khờ ông ngồi ề,  
Dân tôi há phải loài trâu dê.  
Cỏ xanh nước bạc no ruột mề.  
Xuân ôi ! Xuân sao quá khất-khe.  
Xui người xác vỏ lại mình ve.  
Trước mặt thần xuân tốt quyết thề...  
Thơ một vài câu rượu nửa ve !

★

★ ★

Trời say chi kè kìa vô-lý.  
Đất điếc thôi đành nó bất nhân.

★

★ ★

Đất điên lại đảo chưa dẫn dắt,  
Trời điếc và câm chớ hỏi trời.

★

★ ★



*Muốn nói nhưng mà nói với ai.  
Nín câm chẳng lẽ nín câm hoài.  
Giữa đường gặp mãi người gay mắt,  
Ngoài cửa đưa vào chuyện chán tai.  
Mình nói mình nghe khóe lại cười!*

Ấy đấy, nỗi niềm chi-sĩ thất thời, cay-dắng xót-  
xa trào ra miệng.

Ta hãy theo dõi hành-vi của cụ Phan cho đến ngày  
tàn, để rồi nghe xem lòng ta rung-cảm đến độ nào?

## NGÀY TÀN

**G**IỮ cho lòng luôn luôn tinh-khiết đến ngày tàn,  
thật không ai bằng chí-sĩ.

Cụ Phan cam sống một cuộc đời nghèo-khổ, thiếu-thốn đến từng phen làm se lòng những người yêu-mến cụ mà đến thăm. Nhưng cụ nhất-dịnh không bao giờ thọ của Chính-phủ bảo-hộ một vật gì, dù là một đồng xu !

Cho đến năm 1939, thân-thể cụ đã dần dần suy-yếu. Trong thời-gian cụ lặng đếm chuỗi ngày tàn, có một việc làm cho chúng ta ngày nay phải thương-cảm cụ vô cùng, là giữa lúc cụ nằm trên giường bệnh, túi trống nhà không, chợt có một ngân-phiếu của người vô-danh gửi dâng cụ thuốc thang. Cụ lấy làm cảm-động, nằm trên giường bệnh, cụ nghĩ đọc cho con chép một bài thi tạ ân, bài thi này có đăng ở báo « Sài-gòn » :

*Đau nỗi người xa nhớ tới mình  
Dù mười đồng bạc, biết bao tình !  
Gió trắng Hương-thủy ghi niềm cảm  
Cây cỏ Hồng-sơn chép tính danh.*

. . . . .

Đến tháng 9 năm 1939, xảy ra Thế-giới đại-chiến lần thứ hai, cụ vẫn gượng bệnh, theo dõi thời-cuộc, lòng sôi-nổi mơ-ước một cuộc toàn dân nhân thời-cơ mà chỗi dậy, cho cụ được còn thấy một ngày...

Rồi tháng 6 năm 1940, phái-bộ Nhật tiến vào Đông-dương. Toàn-quyền Catroux dũ áo ra đi. Toàn-quyền Decoux sang thay. Lần đến ngày 23 tháng 9, quân-đội Nhật rần-rộ kéo vào Đông-dương. Những cuộc biến-chuyển trên trường quốc-tế và ở trong nước, đều được cụ Phan chú-ý một cách đặc-biệt, qua những báo-chí và tin-tức mà các bạn-bè mang lại cho cụ biết.

Nhưng hỡi ôi ! trong giai-đoạn quan-trọng của lịch-sử, cụ Phan đã thụ bệnh trầm-trọng mất rồi. Cụ náo-nùng cảm-nghĩ một đôi câu đối :

*Sinh bất năng trừ thiên hạ hoạn, tử bất năng tiết  
ý trung cừu, trường hận mang mang, Lam-thủy  
Hồng-sơn thiên cổ tại ;*

*Tiền hồ thử hý cục phương chung, hậu hồ thử vũ  
đài sơ khởi, bức nhân đột đột, Âu phong Á vũ bát  
phương lai.*

**Có người đã dịch ra quốc-âm :**

Sống không trừ được thiên-hạ hoạn,

Chết để gì quên-lãng mối thù,

Căm-hờn lưu lại nghìn thu,

Lam Hồng non nước mặt dù không phai.

Ôi ! mặt trước là nơi du hý,

Mà mặt sau chuẩn-bị đánh nhau.

Đợi cho mưa Á, gió Âu,  
Tám phương dồn lại một màu chiến tranh.

Các đồng-chí của cụ biết cụ không sống lâu được,  
nên họp nhau đến viếng cụ. Cụ Huỳnh thúc Kháng  
thay mặt anh em đọc bài « Sinh văn » tức là bài  
khóc cụ Phan, nhưng đọc cụ nghe trước khi cụ mất.

Trở-trấn trên giường bệnh, nghe bài văn Sinh-  
văn, cụ Phan còn rần gượng bệnh mà đọc cho  
người nhà chép tâm-sự của cụ trong ngày kết-liếu  
cuộc đời đầy đau-khổ !

*Mạc sầu tiền lộ vô tri-kỷ  
Thiên-hạ thù nhân bất thức quân  
Bảy mươi tư tuổi trót phong trần,  
May được bạn tinh-thần mới hoạt kiện  
Những ước anh em đều bốn biển  
Ai ngờ trăng gió nhốt ba gian.  
Sống xác thừa mà chết cũng xương tan  
Câu tâm-sự gửi chim ngàn cá biển  
Mừng được đọc bài văn « Sinh văn »  
Chữ đá vàng in mấy đoạn tâm-can.  
Tiếc mình này sức mỏng trí thêm kham  
Lấy gì đáp khúc đàn tri-kỷ  
Nga nga hồ chí tại cao-sơn  
Dương dương hồ chí tại lưu-thủy  
Đàn Bá Nha mấy kẻ thưởng âm ?  
Bỗng nghe qua khúc trộm lại đau thăm,  
Chung Kỳ chết ném cầm không gảy nữa,*

*Nay đang lúc tử thần chờ trước cửa,  
Có vài lời ghi nhớ về sau,  
Chúc phùng hậu-tử tiến mau.*

« Bỗng nghe qua khóc trộm lại đau thẳm. Chung Kỳ chết ném cầm không gảy nữa ». Ấy là cụ Phan tổ tâm-sự náo-nề khi cụ Phan Chu Trinh mất. Nguyên khi cụ được ân-xá, cụ có định sẽ vào Nam ước hội với cụ Phan Chu Trinh nhưng chưa kịp vào thì đã nhận được tin điện : Cụ Phan Chu Trinh mất ngày 24-3-1926 ! (Xin xem tập *Phan Chu Trinh đã xuất-bản*).

Cụ Phan Bội Châu mất tại Huế, đêm 29-10-1940 nhằm 29 tháng 9 âm-lịch năm canh-thìn hưởng thọ 74 tuổi. Quốc-dân nghe tin thương-tiếc vô cùng, chỉ vì thời-cơ lúc ấy không được thuận-tiện làm lễ quốc-tang.

Cụ có hai trai : Phan Nghi Huỳnh và Phan Nghi Đệ cùng làm ruộng ở quê-hương Nam-đàn, và một rể là Vương thúc Oánh (1)

DƯƠNG BÁ TRẠC KHÓC CỤ PHAN :

- ✧ Một bầu nhiệt-huyết, tưới ra khắp Hoành-tân,  
Bang-cốc, Thượng-hải, Yên-kinh, ôm về núi Ngự  
sông Hương, vùi xuống cửu-nguyên còn đóng cục.
- ✧ Muôn thuở anh-hồn, bạn cùng Tây-lộc, Nhị-kê  
Trảo-nha, Liên-bạt, phù-hộ nòi Hồng giống Lạc,  
ngắm coi năm bề những phì cười.

**Một chí-sĩ vô danh người Hà-tĩnh, cũng  
có bài văn-tế :**

---

(1) Hai con cụ Phan đều đã qua đời vào khoảng năm 1946-47.

1. — **Than ôi !** Thiên diên chẳng qua trường mùa  
rối, bày ra cái hay hay dở dở, phỉnh người đời cho  
đến bạc đầu đi ; anh lúc chỉ lấy nước làm nhà,  
trải bao phen được được thua thua, đến lúc chết  
vẫn chưa quay cổ lại.

2. — Xóc thẻ tinh từng cơn dẫu bề, xưa qua nay  
lại, bao cuộc buồn vui ; hú hồn kêu mấy bạn non  
sông, kẻ khuất người còn, thêm chiều ái ngại.

3. — **Nhớ cụ xưa :** Học rộng tài cao : Khi hăng  
chí giỏi.

4. — Đầu-xứ Nghệ tiếng đà từ thừa, một ngòi  
lòng rung động cả ba kỳ ; thánh Nam-đàn sấm hần  
từ đây, đòi con mắt nhìn thấu trong tám cõi.

5. — Thời chưa đến anh-hùng dẫu mặt, thông-thả  
câu thơ-phủ, vận thanh tâm ngời lắc gối thầy Đồ ;  
việc khi nên thân-sĩ đứng đầu, ngăm-nga bài biểu  
bài văn, trường bách chiến tạm vất vai ông Giải.

6. — Kinh, Quảng đòi phen xuôi ngược, chí sẵn  
rấp-ranh ; mao, thìn mấy độ xông-pha, lòng thêm  
hăng-hái.

7. — Liếc nhìn thấy trào-lưu thế-giới, ba dòn,  
bảy dập, nước đến chân há lẽ đứng chờ ai ; đoái  
trông về cảnh-tượng giang-san, bảy xé ba chia, tức  
ừ tiết lẽ đành cam chịu lỗi.

8. — Nào bác Thần-sơn ; nào ông Ngự-hải.

9. — Nào lập quân-cơ ; nào bày sạn-trại.

10. — Khói đạn trải bao phen nung-nấu, khi Tịnh-  
bảo, khi Hoan-dồn, khi Tuyên-hưng lui tới, ngọn  
lửa tàn càng dập lại càng bùng ; tuyết sương ngoài  
muôn dặm xông-pha, nào Đông-kinh, nào Thượng-

hải, nào Quế, Việt đi về, gót chân dạn chẳng mòn  
cùng chẳng mỗi.

11.— Hăm-lăm triệu đồng-bào, thù nợ đã quên  
hay chữa, chan-chứa trăm dòng huyết lệ, tập Lưu-  
cầu trao lại bác Phan Chu ; (1) bốn nghìn năm  
tổ-quốc, hồn xưa nay biết về đâu, âm-thầm đòi-  
đoạn can trường, sử vong quốc viết cùng ông  
Lương Khải (2).

12.— Trời đà lắt-léo, khuất kẻ trung-trinh ; đất  
khách xa xăm, đau lòng quan tái.

13.— Khách giang-hồ chi quản bước lưu ly ; thư  
trong ngục viết bao lời cảm-khái.

14.— Thế dù vậy thời kia dù vậy, tấm lòng son  
cùng với nước non thề ; thân đang còn nước hãy  
đang còn, bàn tay trắng quyết cùng trời đất chọi.

15.— Hội Việt-nam (3) cùng nhau lại lập, toan  
xoay cuộc khác, phận bỏ-đào chi quản nổi gian-  
truân ; đất Quảng-dòng tạm lúc nương-nhờ, mong  
đội ngày sau, sự quang-phục biết còn chẳng cơ  
hội.

16.— Nát gan Ngũ-tử, nước cò Ngô khó tính lúc  
hầu tàn ; mệt dạ Vũ-hầu, lửa tro Hán khôn nhen khi  
đã nguội.

17.— Sự thế đã vầy ; cuộc đời hết nói.

18.— Giang-san trong những lúc tồn vong ; anh-  
hùng sá kể chi thành bại.

---

(1) Phan Chu Trinh

(2) Lương Khải Siêu

(3) Việt-nam quang-phục hội.

19.— Mấy thiên hải-ngoại (1), tỏ tâm-can cho hủ dạ bất bình ; một tập đề-huê (2), với quốc-dân mong cáo rằng vô tội.

20.— Nùng. Nhĩ lúc về quê, ngao ngán lâu dài, ngó cụ đau lòng cố quốc, nước non chan-chứa lệ tang thương ; Hương, Bình khi trở lại, lạnh-lùng trắng gió, thuyền ai ngán buổi tàn trào, sông núi ai hoài thân lão-dại.

21.— **Từ đây** : Tên đề năm châu ; người về chín tuổi.

22.— Lam, Hồng đã vắng tiếng đi về, Âu Mỹ biết tìm đâu thăm hỏi.

23.— Chuông Thiên-mụ đánh tan luồng sóng mới, vắng vắng nghe như cụ còn tay mỗ, giữa đám trường danh ngổ lợi, lớn tiếng kêu gào ; gà Thọ-xương gáy giục bóng trắng khuya, xa xa như thấy cụ còn chân bắc chân nam, tận nơi góc bể chân trời, một mình thui thủi.

24.— Sống vì nước hẳn thác dành vì nước, luồng khí tinh-anh khôn dứt, phá Tam-giang muôn trượng thét âm âm ; đá thành bia mà miệng cũng thành bia, trăm năm ảnh-hưởng còn truyền, đỉnh Thiên-nhận nghìn trùng trông vọi vọi.

25.— **Hỡi ôi !** Dịp tốt dễ mua ; người ngoan khó bói.

26.— Tưởng âm-dung thêm nhớ bậc tiên-tri ; trông thời-cuộc luống đau lòng hậu-bối.

27.— Nay cầm bút chép thiên tiền-sử, tôi xin viết một hàng đại tự : *nhà cách-mệnh Việt - nam* ; khi qua mồ trông tấm tàn bi, ai mà không ba tiếng ô hô : *cụ Giải-nguyên Phan Bội !*

Ô hô ! Thương thay !

---

(1) Hải-ngoại huyết thư.

(2) Pháp-Việt đề-huê chính-kiến thư.



PHẦN THỨ HAI

# THI - VĂN

*(Trích-lục một ít thi-văn của cụ Phan Bội Châu)*

# GIÁC - QUẦN THU

QUYỀN NHẤT

NAM QUỐC-DÂN TU TRI

1.) *Bài thứ nhất* — **Người với vạn vật**

Lồng-lộng trời cao, thênh-thênh bề rộng,  
 Ở trong cao rộng, muôn giống nghìn hình,  
 Có giống thai sinh, có loài trứng nở,  
 Giống hay biến-hóa, giống hay nổi-chìm,  
 Hai cánh loài chim, bốn chân loài thú,  
 Giống rùa có vỏ, giống cá có vây,  
 Giống cỏ giống cây, đuôi trên đầu dưới,  
 Giống rắn quá tội, không chân không tay,  
 Giống dun thắm thay, không tai không mắt,  
 Xét trong vạn vật, quý nhất là người,  
 Khác hết mọi loài, mới là người đó.  
 Ơn trời phúc tổ, ta được làm người,  
 Ta đã làm người, nghĩ sao cho đáng.

2.) *Bài thứ 2.* — **Hình người**

Lò trời đúc nặn, ta được làm người.  
 Đầu cao đội trời, chân dày đạp đất.  
 Sáng đôi con mắt, tỏ đôi lỗ tai,  
 Đôi vế đôi vai, chân tay cứng-cỏi,  
 Vây ba tất lưỡi, núi bể rung-rinh,

Vườn bầy thước mình, dọc-ngang trời đất,  
Xét-suy vạn vật, lại có óc khôn,  
Óc trừ linh-hồn, thiêng-liêng rất mực,  
Đứng đầu muôn vật, ta chắc mình ta,  
Ơn ông ơn bà, ta không dám phụ,  
Đã sinh ta đó, phải tính thế nào ?  
Trâu-ngựa hay sao, uổng người ta lắm.

**3 ) Bài thứ sáu. — Tính người**

Bề ngoài hình-thức ai khác gì ai,  
Vì có tính người, khác hơn mọi giống.  
Dạ hùm lòng phụng, nó cũng vẻ-vang,  
Bởi không thiêng-liêng, mới ra cầm-thú.  
Tính ta trời phú, có tri có nhân,  
Nhân biết yêu người, tri hay học thánh,  
Lại thêm dũng-mãnh, chẳng rụt chẳng kinh,  
Đủ mọi tính lành, là người cao-thượng,

**4 ) Bài thứ nhất. — Tính tự-dộng**

Trời cha đất mẹ, mới giảng sinh ta,  
Một tiếng khóc òa, ta ra đời đó,  
Nhơn nhơn con đỏ, tự-nhiên nhi nhiên.  
Chẳng cậy ai khuyên, chẳng phiền ai giục.  
Chưa rời dùm-bọc, đã sẵn cơ-quan.  
Hay lật hay trườn, hay bò hay chững.  
Chốc đà hay đứng, chốc lại hay đi,  
Hay tự mình hay, ấy là tự-dộng.  
Sức mình mình đứng, trí mình mình suy,  
Không đẩy mà đi, không diu mà đứng,  
Gió ù mây dựng, ấy vẫn tính người.

**5 ) Bài thứ 2.— Tính tự-giác**

Lòng là thợ giỏi, óc là thợ hay,  
Tai mắt chun tay, lại như máy điện,  
Soi vào thời hiện, như bức gương treo,  
Gõ đến thời kêu, như chuông nhà phật.  
Cơ trời nhiệm-nhật, chẳng quý mà linh,  
Là bởi tinh minh, tự-nhiên cảm-giác :  
Vui mừng thương giận, chạm thời biết ngay,  
Phải trái dở hay, đứng đầu biết đó,  
Tinh ta trời phú, nào phải đá cây  
Hai chữ lương-tri, thực là thầy thợ.

**6.) Bài thứ 3.— Tính tự-vệ**

Hễ là một vật, có một cách khôn,  
Muốn cho sinh-tồn, phải cần tự-vệ,  
Dù loài nhỏ-bé, cũng biết mọi đường.  
Đàn kiến xoi hang, bầy ong gây tổ,  
Én ngửa mưa gió, ngậm bùn qua sông,  
Nhận sợ lạnh.lùng, dời nam tránh bắc,  
Ngirời hơn muôn vật, tài-tri thông-minh,  
Phòng-vệ cho mình, nên cang trợn vện.  
Gặp cơn thiên diện, gió Á mưa Âu  
Hơn được kém thua, khôn còn đại chết,  
Người ta phải biết, mình giữ lấy mình,  
Nào vuốt nào nanh, nào lông nào cánh,  
Sức đua mình mạnh, trí cạnh mình hơn  
So-sánh khôn-ngoan, giữ-gìn chủng-tộc.  
Vệ gia vệ quốc, tức là vệ thân,  
Vệ cả toàn quần, ấy là tự-vệ.

**7) Bài thứ nhất. — Lòng người**

Tính vẫn không hình, vì tâm mới có,  
Có tâm làm chủ, gọi là lòng người,  
Thông suốt mọi loài, như quân có tướng.  
Tướng mà hùng-tráng, quân mới phục-tòng,  
Tướng phải ra công, cầm quân cản giặc.  
Nào là loài giặc, phải biết địch danh ?  
Những món tư tình, những loài tham dục.  
Nào ăn nào mặc, đua đua bễ ngoài,  
Tham sắc tham tài, tự tư tự lợi  
Xác-thịt làm hại, mất hết tính người,  
Giặc đó thức rồi, tướng tâm phải biết,  
Muốn làm thánh-triết, phải ở chính tâm,  
Đánh được giặc tâm mới là danh-tướng.

**8.) Bài thứ 2. — Lòng nhân-ái**

Loài người sinh-dục, gốc vì ái-tình,  
Ái là mầm tình, tình là hạt ái,  
Bởi hay biết ái, mới gọi rằng nhân  
Ta với song-thân, với huynh với đệ.  
Voi già voi trẻ, đều phải thương-yêu,  
Nòi-giống thương nhau, lại là mật-thiết.  
Cũng khí cũng huyết, cũng thịt cũng da,  
Xưa lời phật nói, lợi kỷ lợi tha,  
Ta biết thương ta, phải thương người với.  
Ái tự một nhà, suy ra một nước.  
Kìa loài tàn-ngược, là giống beo-hùm  
Người quý tấm lòng, nhất là nhân-ái.

9 ) *Bài thứ 3.*— **Lòng tự-ố**

Cũng tai cũng mắt, cũng chun cũng tay,  
Ta so với người, vẫn không gì khác,  
Cớ sao người được, mà ta lại thua,  
Chỉ vì ta ngu, mà người thì trí,  
Người sao mạnh-mẽ, mà ta hư-hèn,  
Người sao thánh-hiền, mà ta dung-tục,  
Ơn trời nung-đúc, ta vẫn con trai,  
Mang cặp râu mày, lẽ nào tro-trên.  
Ta nên biết then, mới gọi rằng khôn,  
Xem đứa trẻ con, khi hai, ba tuổi,  
Ai lêu ai chữi, nó đã khóc ngay,  
Ấy là lương-tri, là lòng tự-ố.

10 ) *Bài thứ 4.*— **Lòng tự-nhượng**

Gà chung một lồng, cá chung một vũng,  
Dành ăn đua uống, lúc-nhúc lao-nhao,  
Há có lẽ nào, ta cũng như nó,  
Đạo trời rành-rõ, có trẻ có già,  
Già là ông cha, trẻ là con cháu,  
Ông cha ta mộ, con cháu ta yêu,  
Nhịn ít nhường nhiều, ấy là phải lẽ.  
Tham tài bỏ nghĩa, là giống sói beo,  
Tị ít tranh nhiều, là tuồng chợ búa.  
Người đời phải có, trật-tự thiên-nhiên,  
Yêu dưới kính trên, ấy là tự-nhượng.

11.) *Bài thứ 5.*— **Lòng thị-phi**

Trắng đen mờ-mịt, là mắt người mù,  
Chèo bội mơ hồ, là tai người điếc,  
Người đòi muôn việc, có phải có chẳng,  
Lấy phải làm chẳng, lấy chẳng làm phải.  
Lẽ trời đã trải, lòng người còn đâu ?  
Nào vàng nào thau, nào ngọc nào đá,  
Nào chân nào đá, đạo-lý rành rành,  
Phải xét cho tinh, mới không lầm-lỗi.  
Thánh phàm rõ lối, cốt ở phải chẳng,  
Một tấm gương trắng, soi cho thấy lẽ  
Xin người ghi đề, hai chữ thị-phi.

12.) *Bài thứ nhất.*— **Nghĩa-vụ làm người.**

Tầm siêng kéo tơ, ong chăm gây mật,  
Mèo lo bắt chuột, gà cần gáy đêm.  
Chức-phận phải làm, vật gì cũng có,  
Hưởng người ta đó, nghĩa-vụ rất to,  
Trời đã phó cho, mình nên gánh-vác,  
Nếu mình lười-nhác, ở nề ăn suông.  
Dá áo túi cơm, biết bao xấu-hỗ,  
Đầu đen máu đỏ, ta há thua ai,  
Phải biết chức trời, nhất là nghĩa-vụ.

13.) *Bài thứ 2.*— **Nghĩa-vụ đối với mình.**

Trong vùng trời đất, rất quý là người,  
Đã đứng ra đời, lấy thân làm gốc,  
Tay chùn tai mắt, là thân đoàn-thể.  
Muốn cho bền-vẻ, trước sửa lấy mình,  
Tâm chính ý thành, vun-trồng cội gốc.

Lại thêm tài học, đua-quối đông tây  
Nghe nhiều sớ tai, thấy nhiều sớ mắt.  
Biết nhiều sớ óc, đầy óc chất khôn,  
Lấp bề đời non, chí bền lòng mạnh,  
Bồi thân suy ra, đến nhà đến nước,  
Nể cho hết mực, đo khắp vùng trời,  
Nghĩa-vụ làm người, lớn lao như thế.

14.) *Bài thứ 3.*— **Nghĩa-vụ đối với gia-đình**

Nhóm muôn ức nhà, mới nên một nước,  
Gia-đình hòa lạc, là nước tiểu-khang  
Ta phải lo-lường, gia-đình cho tốt,  
Dưới thời em út, trên thời ông bà,  
Giữa thời mẹ cha, với anh với chị.  
Giữa theo đạo-lý, ta hết lòng ta,  
Hiếu với người già, ơn cùng người trẻ,  
Hiếu cho phải lẽ, cốt ở tinh-thần.  
Ơn cho có nhân, cốt đường dạy-dỗ,  
Trong nhà khuôn-khổ, nên kiệm nên cần,  
Rộng lối làm ăn, gây nên tự-lập  
Trong ngoài mọi việc, thẳng ở, con hầu  
Ta phải thương-yêu, dắt dìu dạy bảo.  
Chia cơm xẻ áo, ân ý chu toàn,  
Chớ lạm quyền trên, chớ kiêu người dưới,  
Đàn-bà con-gái, là gốc tề-gia  
Nhà có phép nhà, nên càng chỉnh-đốn.  
Gia-đình mỹ-mãn, tiếng đồn gần xa,  
Chòm-xóm lân la, gần đền thờ sáng.  
Một nhà nhân-nhượng, một nước cũng vầy,  
Nghĩa-vụ ta đầy, mới là trọn vẹn.



**15.) Bài thứ 4.— Nghĩa-vụ đối với xã-hội.**

Từ bề xã-hội, bao bọc mình ta.  
Từ gần đến xa, một giây vắn-vít.  
Vải nhờ gái dệt, ruộng nhờ trai cày ;  
No-ấm tháng ngày, là ơn người đó  
Buôn nhờ chợ-búa, nghề có thợ-thuyền  
Ăn tiêu quanh niên, nợ người sao khỏi.  
Nếu không xã-hội, còn có mình đâu ?  
Ta phải tính sao, cho tròn nghĩa-vụ.  
Lợi chung với họ, ta phải đắp bồi,  
Hại chung với người, ta nên cứu chữa.  
Nhà chung e phá, ta phải giữ-gìn,  
Thuyền chung sợ chìm, ta nên chèo chống.  
Lợi gì công cộng, ta phải mở mang  
Nghiep gì chung nhau, ta nên gắng gỏi.  
Ngọn đèn soi tốt, máy nước uống chung  
Bao nhiêu việc công, ta nên hết sức.  
Hội thương hội học, hội nông hội công.  
Việc xã-hội chung, ta nên giùm-giúp.  
Vun-trồng cõi phúc, quạt thổi gió xuân.  
Bệnh-vực quốc-dân, đều là nghĩa-vụ.

**16.) Bài thứ 5.— Nghĩa-vụ đối với quốc-gia**

Góp nghìn ức nhà, mới gây nên nước,  
Nước có quyền nước, mới giữ được nhà.  
Nước tức là nhà, nhà tức là nước,  
Vậy nên nhà-nước, hai chữ liền nhau.  
Nước là nhà to, nhà là nước nhỏ.  
Cơ-đồ tiên-tổ, thành-quách non sông  
Xương trắng máu hồng, gây nên gấm vóc

Con Hồng cháu Lạc, nổi nghiệp đời đời,  
Ruộng ta ta cấy, rầy ta ta phở  
Nhà ta ta ở, cửa ta ta ăn.  
Ta là quốc-dân, nghĩa chung thờ nước.  
Mất còn sống thác, cùng nước thì chung.  
Đất lở trời long, gặp cơn biến cố.  
Nước không quyền nước, nhà còn được đâu ?  
Kiếp ngựa thân trâu, nghĩ càng đau đớn.  
Đồng ưu cộng hoãn, ta phải tính sao ?  
Diu-dắt đồng bào, giữ-gìn nòi giống.  
Nào người trí-dũng, nào kẻ anh-tài,  
Rán sức chống trời, bền gan lấp bể.  
Sao cho vẹn vẻ, nghĩa-vụ quốc-dân.  
Ai nấy một phần, chung nhau gánh vác.  
Nước còn quyền nước, nghĩa-vụ mới xong.  
Muôn người một lòng, ta nên ghi tạc.

17.) *Bài thứ 6.* — Quyền-lợi

Đạo trời rất phải, luật người rất công,  
Nghĩa-vụ đã xong, há không quyền-lợi.  
Miệng có quyền nói, óc có quyền suy,  
Chun có quyền đi, tay có quyền đẩy.  
Mắt có quyền thấy, tai có quyền nghe,  
Đất nọ xứ kia, có quyền dời ở.  
Viết sách làm vở, quyền bút mặc lòng.  
Hội hè việc chung, có quyền nhóm họp,  
Thợ-thuyền giúp đáp, quyền được chung nhau,  
Bán bộ buôn tàu, thông thương tùy tiện.  
Trải xem pháp-hiến, các nước văn-minh ;  
Quyền-lợi rành rành, của dân dân được,

Quyền dân giữ trước, thời lợi càng nhiều,  
Nghĩa-vụ bao nhiêu, bấy nhiêu quyền-lợi,  
Vốn tất có lãi, ấy đạo công-bình,  
Quyền-lợi rành rành, đồng bào phải biết.

18.) *Bài thứ 7* — Nghĩa hai chữ Độc-lập

Nhà kia bốn cột, hai trước hai sau,  
Thuyền kia hai chèo, một tả một hữu.  
Che mưa cản gió, chống sóng đuổi triều.  
Sức phải cân nhau, đôi bên đứng vững.  
Thân ta ta đứng, chẳng nương-cây người,  
Không phiền-lụy ai, không ai dè-nén.  
Xoay non lấp biển, quấy nước chọc trời,  
Đáng bậc làm trai, là người Độc-lập.  
Độc-lập nhiều nhà, mới dựng nên nước.  
Nhớ lời thánh trước, kỷ lập lập nhân,  
Chớ có nhân lầm, hai chữ Độc-lập.

19.) *Bài thứ 8* — Nghĩa hai chữ Tự-do

Cá trong bể rộng, mặc sức vẫy vùng,  
Chim trên trời cao, tha hồ bay liệng.  
Đạo trời đặt định, mình được tự-do.  
Song le tự-do, có hai đường lối,  
Có thực có dối, có thị có phi,  
Nếu sai một ly, thời đi một dặm.  
Thánh-hiền mô-phạm, cốt chính thân mình  
Vứt cả lợi-danh, ngoài vòng cương-tỏa,  
Quyền thấy ai cả, ngôi kẻ ai cao,  
Ngất-ngưỡng mặc dầu, trong vòng đạo-đức,  
Xét suy tiếp vật, mực thẳng đường ngay,  
Nhằm lối ta đi, đổ ai ngăn cản,

Trăm đường hoạn-nạn, một mực khoan-thai,  
Tự-do đường này, ấy là chân-chính,  
Xưa nay thần thánh, quý trọng tự-do,  
Há như ai đâu, ăn cần nói loạn,  
Chùn hươu tay vượn, miệng khờu mắt đời,  
Lêu-lồng rông dài, toàn không đạo-đức,  
Đó là đạo tặc, há phải tự-do,  
Hai đường khác nhau, ai ơi xin xét.

**20 ) Bài thứ 9 — Thế nào là ái-quốc**

Nòi giống Tiên Rồng, máu da hoàng hán,  
Chôn rau cắt rốn, ở đất nước nhà,  
Nước là mẹ ta, ta là con nước.  
Thân con có phúc, nhờ mẹ lâu dài,  
Mẹ mất con côi, còn gì thân-thể.  
Cuộc đời dâu bể, trời cướp mẹ mình,  
Hồn mẹ lênh-dênh, nỗi con chua-xót,  
Nào người tâm-huyết, máu chảy ruột mềm.  
Quên mẹ sao nên, phải thương đến nước.  
Song lo ái-quốc, há phải nói không,  
Ái cốt ở lòng, ái không ở miệng,  
Người ái-quốc miệng, bán tiếng mua danh,  
Dối người dối mình, trộm nhân trộm nghĩa.  
Ái mà ái thế, không ái còn hơn  
Hại cả toàn quần, yêu gì đến nước.  
Tùy tài tùy lực, lớn bé mặc lòng,  
Góp giọt làm sông, chất hòn lên núi.  
Nhiều tay xúm lại, cơ-nghiệp nước mình.  
Mừng mẹ tái sinh, thỏa lòng con ái,  
Thề cùng sông núi, giữ tấm lòng ngay,  
Ái-quốc ai đây, thiên vãn ghi tạc.

21.) *Bài thứ 10 — Độc-lập với Hợp-Quần.*

Hai chữ độc-lập, với chữ hợp-quần,  
Hình-thức tuy phân, tinh-thần vẫn hợp.  
Nhiều người tự-lập, hợp lại nên quần,  
Nhóm hợp tinh-thần, quần ta độc-lập  
Cây nhiều núi rậm, nước nhiều bể sâu,  
Quần-hợp với nhau, bầy càng to tát,  
Muôn nghìn sức góp, sức mạnh ai hơn.  
Góp muôn nghìn khôn, khôn không xiết kể,  
Tạo thời tạo thế, muôn nghìn anh-hùng,  
Quần đã hợp xong, khó gì độc-lập.  
Vậy lên độc-lập, với chữ hợp-quần,  
Theo bề tinh-thần, vẫn hai mà một,  
Kìa nước Ai-cập có học-sinh đoàn,  
Nước Phi-luật-tân có thanh-niên hội,  
Mỗi người mỗi giới, độc-lập một quần,  
Giới cả mỗi quần, độc-lập một nước,  
Tinh đường sau trước, khẩn nguyện quốc-dân,  
Nhóm người nên quần, nhóm quần nên nước.

22.) *Bài thứ 11 — Căn-kiếm là nguồn  
bề nhân-ái.*

Nhân nghĩa là ái, ái nghĩa là yêu,  
Người biết yêu nhau, mình yêu người trước.  
Thấy người đói rách, mình phải âu lo,  
Một mình ấm no, dám dẫu vui vẻ.  
Ở trong bốn bề, ai cũng anh em,  
Chia áo xẻ cơm, lòng ta mới thỏa,  
Người no-ấm cả, là hạnh-phúc chung,  
Lên tháp đại-đồng, nhờ thang bác-ác,

Ta nên gắng gỏi, nên kiệm nên cần,  
Xưa Nã-phá-luân, ở trong quân-ngũ,  
Đêm không yên ngủ, sách chẳng rời tay.  
Kể người thái-tây, ông là bậc nhất.  
Xưa Lưu-việt-thạch, gối đồng suốt đêm.  
Giấc ngủ không êm, nghe gà dậy mùa.  
Xưa vua Hạ-vũ, trị thủy tám năm.  
Một giấc quang âm, quý hơn thước ngọc,  
Người ta phải học, các bậc thánh-hiền,  
Muôn sự làm nên, chữ «cần» cốt nhất.  
Lại nên thêm biết, chữ «Kiệm» là hay.  
Như ông Găng-di thánh hùng Ấu-dộ,  
Ngày hai chén sữa, với hai bát cơm  
Ăn thời ăn chay, mặc thời mặc vải,  
Tiêu dùng mọi lối, rất của nước mình,  
Như ông Lý-minh, tài cao hơn chúng,  
Ăn theo lao-động, mặc theo thợ-thuyền.  
Vải mốc bánh đen, vì ai cơ khổ.  
Kia hai người đó, há phải đói nghèo,  
Vi độc lòng yêu, phải quên mình khổ,  
Việc không gì khó, cốt mình hay «Cần».  
Của không sợ bần, cốt mình hay «Kiệm».  
Cần thời không kém, kiệm lại có thừa,  
Lại sẵn thời giờ, ta giúp xã-hội.  
Gánh gì chẳng nổi, vác gì chẳng xong,  
No chung ấm chung, vui cùng thiên-hạ.  
Kia Âu đày Á, bình-đẳng tự-do  
Càng nỗ càng to, thên-thên bề ái,  
Ngọn-nguồn gốc suối, cần-kiệm làm đầu.  
Ai nấy bảo nhau, khắc cần khắc kiệm.

**23.) Bài thứ 12 — Nhất gian - nan khổn - khổ  
trường-học anh-hùng**

Có gan sắt nguội, mặc sức rèn trui,  
Có chất vàng mười, tha hồ mài xát,  
Khó-khăn mọi việc, là đá thử vàng,  
Nguy-hiểm mọi đường, là lò nung sắt ?  
Đắng cay chua chát, ấy bởi ngọt ngon,  
Khổn-khó gian-nan, ấy trường khoái-lạc.  
Xem trong sử sách, hào-kiệt xưa nay,  
Nước đắng ngậm cay, gây nên đại nghiệp.  
Kẻ đền thù nước, kẻ thỏa chí mình,  
Kẻ lập công-danh, kẻ xoay vận-mệnh,  
Treo gương thần-thánh, chói dọi muôn đời,  
Động đất rạn trời, tiếng vang bốn bề,  
Anh-hùng tạo thế, nhân định thắng thiên,  
Sắt chẳng chối rèn, vàng không sợ xát.  
Đắng nhiều mới ngọt, buồn rất lại vui,  
Khẩn-nguyện mọi người, vào trường trời dạy.

**24.) Bài thứ 13 — Thất-bại là mẹ thành công.**

Tay ba lần gãy, mới biết thuốc tiên,  
Đánh trăm trận quen, mới hay tướng giỏi,  
Nếu không thất-bại, sao có thành công,  
Xưa nay anh-hùng, từng thua mới được.  
Cờ vì lỗ nước, bàn trước chịu thua,  
Tinh kỹ toan sâu, bàn sau chắc được.  
Chông-gai ngan-ngác, sóng gió tới-bờ,  
Vượt núi qua vờ, vẫn nhiều gian trở,

Vấp cây chạm đá, là thợ đen đường.  
Lỗi hướng lầm phương, là thầy chỉ lối.  
Càng nhiều thất-bại, càng chắc thành công,  
Xin chờ ngã lòng, xin càng bền chí.  
Ngã rồi liền dậy, muôn dặm không xa,  
Chèo mãi phải qua, bờ kia hân tới,  
Trời đáu ta hỏi, xem thử gan già.

QUYỀN NHI

NỮ QUỐC-DÂN TU TRI

1.) *Bài thứ nhất.*— **Đạo-lý chung**

Nhóm người làm nước, nước thịnh bởi người.  
Dù gái dù trai. gánh chung việc nước,  
Song le con gái, lại cần-thiết hơn  
Bởi mẹ « quốc-dân », là phần con gái.  
Mẹ hiền con thánh, mẹ dữ con ngây,  
Mẹ là ai đây ? chị em ta đó.  
Mấy lời găn-bó, khuyên các chị em.  
Làm mẹ « quốc-dân », sao cho xứng đáng.

2.) *Bài thứ 2.*— **Đạo làm con**

Khi chưa làm mẹ, trước phải làm con.  
Con muốn nên con, nhất là hiếu-đạo.  
Thờ cha thờ mẹ, cốt ở chí thành,  
Theo các việc lành, tránh các việc dữ,  
Những điều gì tốt, hết sức tán-thành,  
Những điều gì sai, hết lòng can-gián.  
Bao nhiêu tiếng tốt, trông cha mẹ nên.  
Những tiếng hư-hèn, trông cha mẹ khỏi.



Làm người con giỏi, cốt ở dương danh,  
Con có tiếng lành, thời cha mẹ tốt.  
Con khôn con khóc, cha mẹ được nhờ,  
Con ngẩn con ngơ, cha mẹ chịu cực,  
Trăm đường học-thức, con phải siêng-năng.  
Nhiều lẽ phải chăng, con nên suy-xét.  
Cầu cho đến biết, mới có lẽ hay,  
Đã biết lại hay, mới là người giỏi.

3.) *Bài thứ 3.*— **Đạo làm con**

Con còn thơ trẻ, nường-nhờ mẹ cha.  
Đào mang liễu mẫm, cần kẻ vun-trồng.  
Uống nắn tay chừa, mở mang tai mắt.  
Nhờ công giáo-dục, con phải phục-tùng.  
Bảo thời phải cứ, dạy thời phải nghe,  
Khó-nhọc nặng nề, con không dám cãi,  
Vi con còn dại, phải theo mẹ cha  
Đến lúc lớn khôn cho con độc-lập.

4.) *Bài thứ 4.*— **Đạo làm con**

Con đã đến tuổi, xấp xỉ thanh-xuân,  
Vun cúc trồng lan, mong ngày tươi-tốt,  
Có lông có cánh, làm chim thời bay.  
Có vẩy có vây, làm cá thời nhảy.  
Dù thân con gái, cũng phận làm người,  
So-sánh với đời, đền ơn bệ núi.  
Gái tài gái giỏi, có kém gì trai  
Áo tôi com tôi, thừa con không dám ;  
Con hãy độc-lập, cha con bằng lòng,  
Con phải ra công, chuyên cần lập nghiệp.

5) *Bài thứ nhất.*— Gia-đình

Có già có trẻ, mới nên một nhà.  
Góp nghìn muôn nhà, mới nên một nước.  
Tính đường sau trước, gốc ở gia-đình,  
Ta cũng một phần, trong gia-đình đó,  
Nhiều thời kẻ họ, ít thời kẻ nhà,  
Có ông có bà, có chú có bác,  
Có dì thím mợ, anh ta chị ta,  
Lại đoàn em ta, đều thân-thích cả.  
Trên ta phải kính, dưới ta phải nhường.  
Già ta phải thương, trẻ ta phải võ,  
Người đau kẻ khổ, ta phải chăm nom,  
Cháo sớm chè hôm, ta chung đắng ngọt.  
Mùa hè tháng sốt, sẻ mát cùng chung,  
Tiết lạnh mùa đông, cùng nhau chia ấm.  
Ngoài đã hình-thức, trong phải tinh-thần,  
Phúc chung nhau cận, họa chung nhau gánh ?  
Ruột rà lòng cánh, đau phải đau chung,  
Ai nấy đồng lòng, trời bệnh thần hộ.  
Nếu khi mưa gió, cửa đổ nhà lay,  
Chèo chống đến tay, họa xoay làm phúc.  
Gia-đình đầm-thắm, lắm lúc vui-vầy.  
Một nhà thế này, nhiều nhà bắt chước.  
Lấy ra cả nước, ai cũng như ai,  
Nam bắc trong ngoài, một gia-đình lớn.  
Gái dâ tốt thế, trai xấu hay sao.  
Thưa nữ đồng-bào, ghi hai chữ ấy.

6) *Bài thứ 2.*—**Gia-đình**

Người ta thường nói, nhà nước nước nhà,  
Bởi nước là nhà, mà nhà là nước,  
Nhà mà nở ra, thời kêu bằng nước,  
Nước mà tóm lại, thời gọi bằng nhà,  
Có hợp mới hòa, có hòa mới thịnh.  
Nhà cường nước thịnh, cội gốc in nhau.  
Kể việc đứng đầu, cốt về đạo-đức.  
Gia-đình giáo-dục, ai cũng một phần  
Những bậc phụ-nhân, lại là gây mối.  
Có người mẹ giỏi, mới có con hay  
Có người vợ hiền, mới có chồng tốt  
Muốn gia-đình tốt, nhờ con gái hiền.  
Như các bài trên, chị em phải nhớ.

7) *Bài thứ nhất.*—**Nữ-công**

Cha cho con học, là học làm người,  
Học đủ nghề hay, học nên người giỏi.  
Học ăn học nói, học gói học đùm,  
Mấy lời quốc-âm, chị em phải nhớ.  
Vá may thêu-dệt, là việc tiếp khách.  
Còn ngày tháng nữa, chăm việc canh-nông.  
Trồng lúa trồng bông, nuôi gà nuôi lợn,  
Ấy những việc thường, mới đường sinh-lý,  
Học cho đủ trí, mới chắc thành công,  
Bồn-phận đã xong, gia-đình mới đẹp.  
Vậy nên học nghiệp, nhất là Nữ-công.

8.) *Bài thứ 2.*— **Nữ - dung**

Gái cần có đức, sắc chẳng khó gì;  
Đức-hạnh đã hay, tự-nhiên<sup>1</sup> tươi tốt,  
Vàng trau ngọc chuốt, giữ nét trời cho,  
Phấn điểm son tô, quý chi tuồng ấy;  
Lời xưa ghi lấy, cũng có Nữ-dung,  
Nên sạch nên trong, nên ngay nên thẳng.  
Khi đi khi đứng, tề chỉnh khoan thai,  
Khi ăn khi ngồi, êm-dềm hòa-nhã.  
Giữ lòng sắt đá, ấy giá vàng mười,  
Sáp phấn thấy ai, nước bông cũng vắt.  
Thánh thần thứ nhất, là Nữ-dung ta.  
Con gái đàn bà, phải nên như thế.

9.) *Bài thứ 3.*— **Nữ - ngôn**

Xưa nay mỗi họa, ở miệng đàn-bà,  
Nữ-ngôn kể ra, thực là quan-hệ.  
Đổi lại đôi mách, xin bỏ quách đi,  
Con cà con kê, xin đừng kể lể,  
Thói quen tục lệ, dài lưỡì gôm-ghe  
Những người như kia xin đừng bắt chước,  
Nếu ai tài học, đáng bậc anh-thư  
Hùng biện sức dư, như người các nước,  
Như xưa nước Pháp, có bà La-Lan,  
Nay nước Trung-hoa, có cô Dục-Tú.  
Trên đàn diễn-thuyết, nghiêng đồ muôn người,  
Thế mới nữ-tài, ai ngăn được họ,  
Nếu không như thế, nói nhảm khó nghe,  
Dơ miệng rác tai, nói càng vô ích.  
Xin người con gái, ít nói là hay,

Gặp bạn gặp thầy, lựa lời ứng-đối.  
Nói cho đúng lẽ, càng nói càng hay,  
Nói rông nói dài, là con-gái dở.  
Gia-đình mọi sự, gốc ở đàn-bà,  
Xin chị em ta, giữ-gìn ăn nói.

10.) *Bài thứ 4.* — **Nữ-hạnh**

Nhất là Nữ-hạnh, nét gái phải trau;  
Trình chính làm đầu, lại thêm yểu-diệu,  
Tường hoa ngổ liễu, xin tránh cho xa,  
Điểm rượu lầu trà, vào ra cẩn-thận,  
Chớ giàu mà lẫn, lẫn thời người khinh,  
Chớ sang mà kiêu, kiêu thời người ghét,  
Gia-đình mọi nết, cốt ở nhân-từ,  
Chớ bỏ người hư, hết lòng dạy-dỗ,  
Chớ khinh người khó, hết sức dắt-dìu,  
Người đôi ta yêu, chia cơm xẻ áo  
Người đau ta cứu, cấp cứu thuốc thang,  
Đủ cả mọi đường, mới là trình thực.  
Nhân thời có phúc, nhĩa thời có danh,  
Ấy mới gái lành thừa cô thừa chị.

11.) *Bài thứ nhất* — **Đạo làm vợ**

Đến ngày làm vợ, trước phải làm dâu.  
Mẹ chồng là cô, cha chồng là cậu.  
Đôi bên phụ-mẫu phải hiểu như nhau.  
Khi trước khi sau, một niềm ngay-thảo,  
Thế là hợp đạo, dâu thảo dâu lành,

12.) *Bài thứ 2.*— **Đạo làm vợ**

Nghĩa vợ với chồng, chia phần sự-nghiệp,  
Khi trong thu xếp, việc ở gia-dình,  
Khi ngoài giúp đàng, việc về làng họ ;  
Việc gì nặng khó, chung gánh cùng chồng,  
Chờ cày có chồng, ngồi ăn núi lở,  
Chồng hay giúp-đỡ, chồng đỡ âu lo,  
Khuyên-can nhỏ to, ái-tình chung thủy.

13.) *Bài thứ 3.*— **Đạo làm vợ**

Chồng sang vì vợ, ta phải lo lường,  
Học bà Tề-Khương, khiến ông Trung-Nhĩ  
Trượng-phu hữu chí, ta giục cho đi,  
Quên nỗi biệt-ly, chung niềm ưu-ái,  
Thế là vợ giỏi, cắt ngắn làm dài,  
Há phải như ai, cuồng thê quẩn quýt,  
Học bà Trưng Trắc, giận giặc thương chồng,  
Thề với non sông, liều thân giết giặc,  
Trả xong nợ nước, rửa sạch thù chồng,  
Ấy nữ anh-hùng, nghìn thu mấy kẻ,

14.) *Bài thứ nhất.*— **Đạo làm mẹ**

Đôi vai thân gái, gánh nợ nhiều bề.  
Gánh gì nặng hơn là gánh làm mẹ,  
Nói chung cả nước, làm mẹ quốc-dân,  
Nói riêng một nhà, làm mẹ gia-tộc,  
Vì thân con gái, mới đẻ ra con,  
Con lại sinh con, con con là cháu;  
Con cháu là chặt, cháu trăm chặt nghìn,

Suy đến bản-nguyên, thời mình là mẹ,  
Mẹ cho nên mẹ, phải tỉnh sảo đây ?  
Nguồn sạch dòng trong, gốc sâu nhánh rậm,  
Thừa ai là mẹ, phải nghĩ cho xa.

15.) *Bài thứ 2.*— **Đạo làm mẹ**

Dạy con cần nhất, từ thức trong thai,  
Khi mẹ hoài thai, phải biết thai giáo,  
Con trong bụng mẹ, chín tháng mười ngày,  
Mẹ tốt con hay, mầm mạng từ đó.  
Khi thai mới có, mẹ phải giữ-giòng,  
Ăn chớ ăn tham, nói chớ nói tục,  
Sách hay mẹ đọc, chuyện hay mẹ xem,  
Buồng the nên nghiêm, cửa nhà nên lặng  
Khuôn tròn nên tròn, khuyên đẹp nên đẹp,  
Những nhà khuôn-phép, phải nhớ lời này  
Thai giáo rất hay, mới sinh con thánh.

16.) *Bài thứ 3.*— **Đạo làm mẹ**

Con còn dùm-bọc, mẹ phải nâng-niu,  
Con biết chững bò, mẹ cần chăm sóc.  
Con cười con khóc, dò xét đêm ngày,  
Mẹ phải ra tay, chớ phiền bà vú,  
Con ăn con ngủ, con chạy con đi,  
Nào đỡ nào hay, trông gương ở mẹ.  
Mẹ nên cẩn-thận, cho con học theo,  
Lấy thân làm nêu, thời con là bóng,  
Dạy con phải chóng, dạy thuở đương thơ,  
Ai đã biết chưa? đức hiền tại mẫu.

17.) *Bài thứ 4.*— **Đạo làm mẹ**

Con hay cây thầy, mẹ hay cây bạn.  
Tìm thầy kiếm bạn, nhờ mẹ hết lòng,  
Xưa ông Mạnh Kha, mất cha còn mẹ,  
Mẹ là Mạnh-mẫu, muốn con được thầy,

Chọn xóm đời đi, ba lần mới ở  
Con nhờ thầy khá, nên bậc đại-hiền,  
Đầu xương dân-quyền, là thầy Mạnh-tử.  
Ai là Mạnh-mẫu, ở đời bây giờ,  
Xin chị em ta, đức nên thánh-triết ?

18\*) *Bài thứ 5.*—**Đạo làm mẹ**

Con là con nước, nghĩa phải nghĩa chung,  
Có con anh-hùng, thời lòng mẹ thỏa.  
Con khôn con cả, mẹ phải khuyên-răn  
Nợ bễ ơn non, nhờ con đền trả.  
Thân hầu phận tớ, con có vinh gì ?  
Mẹ bảo con hay, hiền thân cho nước.

19\*) *Bài thứ 6.*—**Đạo làm mẹ**

Con còn thơ-dại, con phải làm con,  
Con lớn con khôn, sẽ làm cha mẹ,  
Chúc con mạnh-khỏe, ngựa nhảy rồng bay.  
Phải có một ngày, con rời tay mẹ.  
Cánh lông con nhẹ, mặc sức con bay.  
Chun về con tài, tha hồ con nhảy,  
Mẹ dẫu mãi mãi, nối tóc ở đời,  
Con nên con rồi, ừ con độc-lập.

20\*) *Bài thứ nhất.*—**Công đức và tư đức**

Mẹ hiền con thảo, đức hiếm phần nhiều,  
Đức có hai điều, công đức, tư đức.  
Sao là tư đức, đức riêng ở mình,  
Sao là công đức, đức chung xã-hội,  
Đức riêng có giới, thời thân mới tu,  
Phải có đức công, nước nhà mới tốt,  
Tôi xin kể suốt, các mục sau này :



21.) *Bài thứ 2.*—**Công đức với tư đức**

Tư đức kể ra, nhất là khắc kỷ,  
Điều gì mình quấy, ta phải bỏ ngay,  
Điều gì mình hay, ta nên chăm-chỉ ;  
Tính-toan cho kỹ, nào phải nào chẳng,  
Học-tập cho năng, nào khôn nào khéo,  
Những lời kiêu-lão, miệng chớ nói ra,  
Ngay-ngắn thực-thà, mới là nhân-cách.  
Chăm điều trong sách, thân-thể gia-đình,  
Về việc vệ-sinh, là cần thứ nhất,  
Tiêu dùng vụn vặt, tần tiện mới hay,  
Công việc dèm ngày, siêng-năng là quý ;  
Bạc cớ hoang-phí, những việc xằng-xiên,  
Hư phí bạc tiền, tiêu hao ngày tháng,  
Đàn-bà con gái, cần phải răn đe,  
Xin coi em nghe, ấy là tư đức.

22.) *Bài thứ 3.*—**Tư đức với công đức**

Tư đức đã xong, lại còn công đức,  
Những điều công đức, trật-tự làm đầu,  
Người bé ta diu, người già ta đỡ,  
Người vừa bạn lứa, ta phải kính-nhường,  
Đồng người đi đường, chớ nên lụp chụp,  
Nhiều người tụ tập, chớ nên ồn ào,  
Đồng người ra vào, ta nên lặng-lẽ,  
Nhiều người vui-vẻ, ta nên êm-dềm,  
Có một đức thêm, ái nhân như kỷ.  
Người ta đặc ý, ta phải mừng cho,  
Người buồn người lo, ta chia với chúng.

Thánh-thần lao-động, ta phải chen mình,  
Thánh-triết vệ-sinh, giữ-gìn cho chúng.  
Phúc thời phúc cộng, họa thời họa chung,  
Ấy là đức công, chị em phải biết.

23.) *Bài thứ nhất.*—Hợp quần

Hễ là việc lớn, tất phải nhiều người,  
Trăm nghìn muôn người, việc càng thêm lớn.  
Vây xin các bạn, nên phải hợp quần.  
Hợp quần là sao? Nhóm bầy làm việc,  
Trăm riu nghìn búa, vào núi cổ cây,  
Trăm lưới nghìn chài, xuống sông bắt cá,  
Đều tai mắt cả, dở cũng nên hay ;  
Xét cùng mọi việc, nên phải hợp quần.  
Muốn cho nên quần, phải cần cách hẹn.  
Quần khôn thời hợp, quần dại thời ly,  
Nước nhà thịnh-suy, bởi hai điều ấy.  
Ta con một họ, ta của một nhà,  
Xin chị em ta, hợp quần cho chóng.

24.) *Bài thứ 2.*—Hợp quần

Xưa nay quần hợp, mới có thành công.  
Quần hợp chẳng xong, nói gì ái quốc.  
Khốn vì cả nước, mỗi người mỗi lòng,  
Kẻ thời tranh công, người thời dành của.  
Chị đây em đó, rẽ cửa chia nhà,  
Ta chỉ biết ta, quần đâu mà hợp.  
Như thuyền qua bể, sóng gió toi bời,

Kẻ trong người ngoài, chị chèo em chống,  
Nếu khổng đồng bụng, ai chẳng vì ai.  
Thuyền chắc chìm rồi, trời ơi! đất hỡi!  
Đêm ngày khăn-vái, ai nấy động lòng,  
Quần hợp đã xong, nhà ta hưng-vượng,

25.) *Bài thứ nhất.*— *Mầy có chồng chưa ?*

Có người hỏi thiếp, mầy có chồng chưa?  
Thiếp quệt mắt thừa, rằng chưa vẫn có.  
Ơn trời phúc tổ, đức giống Tiên Rồng;  
Con cả nhà đông, là chồng thiếp đó:  
Nhà Việt là họ, thầy Nam là tên,  
Hơn bốn nghìn niên, tuổi chưa già mấy.  
Hai bảy vạn dặm, mặt cũng lớn lao,  
Mỹ-miêu biết bao, rùng vàng bề bạc,  
Mấy trăm năm thước, vẫn đại trượng-phu,  
Chống Hán binh Ngô, anh-hùng như thế.  
Duyên trời dành đề, em gặp chồng em;  
Ân-ái lâu dài, muôn ức vạn tuế,  
Trời đâu có thể, cướp sống chồng tôi,  
Trời ơi! đất hỡi! chồng ơi! chồng hỡi!  
Thiếp thân có tôi, chồng miễn-chấp cho,  
Vạn tuế thiên thu, đoàn viên mấy nữa,  
Ai ôi! bạn lứa, thương thiếp hay không?  
Hồn chồng tôi đâu? Xin hộ giùm với.

## LỜI GIA - HUẤN

Hỡi con cháu ơi ! Hỡi con cháu ơi !  
 Nhân chẳng ai nhân hơn trời đất, nhưng cỏ cây  
 không gốc thời mưa-móc không thề tài-bồi.  
 Từ chẳng ai từ bằng ông bà, song con cháu chẳng  
 lành thời thánh-thần cũng hết phương phù-hộ.  
 Vẫn là gốc có sâu thời cảnh mới tốt  
 Vả lại nền có vững thời nóc mới yên.  
 Vì vậy tổ-tiên ta với cao-tăng tổ-khảo-tỷ ta  
 Ngày ngày đêm đêm trông mong vào đoàn con  
 cháu.  
 Nghĩ như họ nhà ta :  
 Nhờ ơn che-chở. Đội đức cao dày.  
 Bấy nhiêu đời xẻ núi tát sông, kê từ thuở nọ.  
 Biết bao nổi gọi mưa chải gió, mới có ngày nay.  
 Tuy từng phen đổi đất thay trời, bề dẫu mấy cuộc  
 Song vẫn cứ đậm cây xây lá hoa quả tứ mùa,  
 Bởi người xưa từng gieo giống thánh-hiền  
 Nên lũ trẻ mới dày nền phúc thọ.  
 Con cháu ơi ! Uống nước ơn người đào giếng  
 Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  
 Ấy nhà ấy miếu, ấy vườn ruộng trong ngoài,  
 cơ-nghiệp ấy biết bao xương với máu.  
 Này cháu, này con, này chắt.chiu, trai-gái dòng-  
 giống này há lẽ ngựa và trâu.  
 Mong cho rực-rỡ nghìn thu  
 Nên phải đình ninh mười chữ.

**Vậy nên có mười bài hát sau này :**

- 1) chữ « *Cần* » tức là không nên lười-biếng.
- 2) » « *Kiệm* » » » » xa-xỉ.
- 3) » « *Nhân-ái* » » » » ghen-ghét nhau.
- 4) » « *Hiếu* » » » » đề tiếng xấu cho  
cha mẹ.
- 5) » « *Đệ* » » » » làm việc tệ ác với  
anh em.
- 6) » « *Công-tâm* » » » » có tấm lòng lợi  
riêng mình.
- 7) » « *Liêm - sỉ* » » » » vì những việc  
danh-lợi tôi-đòi mà quên tấm lòng hổ-thẹn.
- 8) » « *Tự - tán* » » » » giữ chặt những  
hủ tục.
- 6) » « *Trung-trực* » » » » làm những việc  
muru ngẫm chước độc.
- 10) » « *Thành - tín* » » » » giả-dối lừa đời mà  
trái với lương-tâm thiên-lý.

**1.— Bài hát chữ Cần**

Lò trời đất đúc nên tú khí  
Dù gái trai ai nấy thông-minh  
Loài người vạn vật chỉ linh  
Sao người giỏi mà mình thời hèn-mạt.  
Mắt thấy tai nghe chun tay chuyển bát,  
Ốc thiêng càng linh-hoạt hơn ai,  
Của nhờ đất năm tháng nhờ trời

Ngày đêm hai mươi bốn giờ giằng-giặc.  
Nếu siêng thời việc gì làm chẳng được  
Chẳng dui què, cảm diếc há thua ai,  
Tội tình cho một món người.  
Tham chơi tham khỏe ngồi hoài ăn không.  
Sĩ chẳng sĩ, nông chẳng nông, công chẳng công,  
thương chẳng thương  
Lực đã biến tâm càng ở nệ,  
Hèn như thế lại lười như thế,  
Áo với cơ n tra mặc lệ ầu tai.  
Ai hay ai dở mặc ai  
Ăn rồi ngồi nề năm giai cả ngày.  
Cũng có kẻ phúc trời lộc nước,  
Lại ca, nha, tửu, bác, thủ phong-lưu,  
Nước nhà nghiêng vào phách với châu,  
Điền-địa đổ vào thoe với lỗ,  
Vào cuộc rượu giốc tan cơ-nghiệp tổ,  
Mấy lá bài phồng sạch của cha ông.  
Chờn mình vào mả chơi rồng  
Vì chưng lười-biếng nên không học nghề.  
Con cháu hỡi nên nghe ta nhắc,  
Lời xưa rằng : « Cần » tắc hữu công.  
Nhắc thời chẳng việc gì xong,  
Siêng thời muòn việc ở trong tay mình.  
Siêng gieo cát ruộng linh lớp lớp,  
Bề sâu bao ta lấp cũng bằng,  
Siêng dọn đá, siêng đốn rừng,  
Núi ngu-công đó dễ dựng đầy trời.  
Siêng thời việc tày trời làm được,  
Nhắc thời công gánh nước chẳng xong.  
Người đầu phải ký-sinh-trùng,

Có ăn có mặc há không có làm.  
« Cần » với « Đọa » thành phàm chia lối,  
Công bởi siêng mà tội bởi lười,  
Con ta ơi ! Cháu ta ơi !  
Thương cha tiếc mẹ chớ nguôi chữ « Cần ».  
Có thân, thân phải lập thân.

## 2.) Bài hát chữ Kiệm

Ơn trời đất với ông cha trước,  
Dành rường vàng bẽ bạc lại cho ta.  
Một hạt cơm là một giọt máu pha,  
Một sợi vải mòn biết bao là đốt ngón.  
Nhất thốn sơn hà kim nhất thốn,  
Của ông cha mà hao tổn lẽ nào đành.  
Tiền-tài là máu-mủ dân-sinh,  
Biết ai tích mối lợi mình và lợi nước.  
Trách những kẻ tham bẽ khoái-lạc,  
Vất máu-me mà rước lấy cái chi chi ?  
Nào sàm-banh nào cột-nhát nào bít-quy,  
Rằng sang-trọng có gì là sang-trọng.  
Của hữu dụng đem làm vô dụng,  
Nuốt khỏi mồm thời vào bụng đã ra tròn.  
Ăn gì cũng cốt cái no,  
Xưa kia ta có sữa bò bánh tày.  
Còn một việc càng kỳ cho họ,  
Áo sa-tanh với lụa cẩm-châu.  
Tơ vải ta chốn đầu chẳng có,  
Học văn-minh say vỏ bỏ hồn,  
Của thẳng đại nuôi thẳng khôn,  
Đắp mồ xa-xỉ để chôn mình vào.

Trong dòng-họ biết bao người cực-khổ,  
Tiếng khóc van mình lẽ điếc tai chẳng ?  
Bớt ăn ngon mặc đẹp chút gọi rằng :  
Ơn xẻ áo chia cơm còn mãi mãi.  
Hưởng thế sự hữu thành thời hữu hoại,  
Kia giang-hà đầy mãi có khi vơi.  
Giàu nghèo sướng khổ lẫn hồi,  
Nếu không dè-dặt có trời nào thương.  
Giàu Thạch Sùng treo gương chết dối,  
Sang Lý Tư đến nổi sát thân.  
Sao bằng tiết dụng ái nhân,  
Thời người nhờ cậy mà thân được toàn.  
Lòng trời vốn chẳng ghen ai cả,  
Tiếc của trời trời trả phúc cho.  
Mặc vừa ấm, ăn vừa no,  
Của ta ta để đắp-bù cho ta,  
Nghĩ máu-mủ của cha ông trước,  
Dành một phần tích được mười phần,  
Hay được « Kiệm » thời nhân cũng được,  
Minh xong rồi ích quốc lợi dân  
Của dầu đầy túi ngoại-nhân,  
Mỡ dầu dầu để béo quân gặt mình.  
Gương xa kiệm rành rành trông thấy,  
Kiệm thời nên xa-xỉ thời lui,  
Con ta ơi ! Cháu ta ơi !  
Của ta là của những người ta xưa ;  
Kia đáng sản phú-gia ai đó,  
Xin các con trông họ làm gương,  
Những điều xa-xỉ chớ mang



**3') Bài hát chữ Nhân-ái**

Người sở dĩ khác loài cầm-thú,  
Vi lòng « nhân » trời phú cho ta,  
Có « Nhân-ái » mới ra nhân-chúng.  
Nếu bất nhân là giống muông chim,  
Mắt đều ó dăm dăm rinh lén,  
Miệng sôi beo nhai nghiền chúng-sinh.  
Nào rần rít, nào kinh, nào sấu,  
Loài bất nhân là lũ yêu-ma,  
Làm người ta phải yêu ta,  
Có lòng trắc ẩn mới ra con trời.  
Yêu già, yêu trẻ, yêu bạn lứa giống-nòi,  
Tấm lòng ấy phôi-thai từ bụng mẹ,  
Mây-mặt người mà can-phế hùm-beo,  
Ổ gà nhà nỡ công rần vào,  
Mồ ông vải nỡ xui voi đập.  
Thân làm ngựa làm trâu đà đáng kiếp,  
Còn lăm le những nghiệp hành-hung,  
Than ôi ! người đã hết lòng  
Biết dầu nòi-giống cha ông là gì ?  
Cá nuốt lẫn nào hay lên thớt,  
Chim cắn nhau nào biết vào lồng,  
Đã rùng tai núi vạ chất trùng,  
Mà độc-ác tấm lòng chưa chút bớt.  
Ai ơi hỡi !! cùng xương cùng thịt,  
Nòi Lạc Hồng một ruột sinh ra,  
Lẽ nào ta lại ghét ta,  
Gậy nhà đem đánh người nhà nào đang.  
Nghĩ nông-nỗi càng thương nông-nỗi.  
Giọt châu sa chín suối chảy ròng ròng,

Hỡi ai ơi !! ôm-ấp lấp nhau cùng,  
May mắn cùng no chung là hạnh-phúc.  
Cường thế-giới dăm dăm rình thịt nhược,  
Ai thương mình, mình trước phải thương mình.  
Cháu con nếu nghĩ đến tiên linh ;  
Chữ « Nhân-ái » phải dính ninh vào dạ.  
Thiện ác xét cho rành hai ngã,  
Ghét-ghen nhau là vạ cho mình.  
Ai ơi ! giữ lấy làm lành.

#### 4.) Bài hát chữ Hiếu

Người ta được sinh vì nhân tử,  
Đức cù-lao chín chữ vẫn xưa nay,  
Đức sinh-thành sánh với cao-dày,  
Nghĩa báo đáp phải một ngày mà xứng đáng.  
Nào tấm áo, nào lưng còm, nào chè năm thuốc tháng,  
Nào lửa hương thấp-thoảng có vào đầu ?  
Lòng hiếu ta tính trước lại toan sau,  
Phải vạn tuế thiên thu danh tiếng sạch.  
Dòng Hồng Lạc vẫn thối nhà thanh-bạch.  
Vùng trời Nam riêng một mạch nhân-tử,  
Biết bao công đức đến bây giờ,  
Đường cầu rỡ rang in vàng tích,  
Rủi gặp phải gió lay tường mưa đổ vách,  
Cơ-nghiệp xưa đất lênh lại trời nghiêng,  
Cột ai giằng, rường ai chống, tường ai dựng, gạch  
ai kiềng,  
Công-nghiệp ấy chắc đoàn ta cất nôi.  
Bề trăm-trọc mịt-mờ mù với bụi,  
Nền-nếp nho gằng-gỏi giữ cho trong,

Bảy thước mình duy-thể của cha ông,  
Nỡ chen-chúc vào vòng chò ngựa.  
Thân con ở thẳng hầu mà hớn-hở,  
Đề tiếng nhớ cho bác mẹ có đành không ?  
Tiếng con bà mà lại cháu ông,  
Vẹn chữ « hiếu » gì hơn trong vói sạch.  
Con tiết-ngĩa cha ông đành hiền-hách,  
Dưới tuổi vàng hôn-phách mỉm cười luôn.  
Ấy là cháu, ấy là cháu, ấy là con,  
Danh-dự ấy rõ ràng môn hộ ấy ;  
Thiên địa chi tinh nhân vi quý,  
Sang chi bằng chức-vị một con người,  
Dòng thần giống thánh trên đời,  
Hồn ta mong-mỏi những người đời sau,  
Muôn lành chữ « Hiếu » làm đầu.

### 5.) Bài hát chữ Đệ

Xuất tặc « Đệ » rành rành lời Khổng-thánh,  
« Đệ » là cao ta phải tỉnh cho ra,  
Đoàn loài người lớn bé trẻ già,  
Khắp thay thay một nhà ra một nước,  
Trộn nghĩa-vụ đồng lao hiệp tác,  
Bắt tay nhau hòa lạc mới thành công,  
Thuận nhau thời tát cạn bể đông,  
Xương họa phải anh cắc em tùm cho rập nhịp,  
Nghĩa sau trước liệu đường khoan kịp,  
Có tề gia thời trị quốc mới làm xong.  
Anh em nên riu rít lấy nhau cùng,  
Khi san cơm, khi xẻ áo, khi bớt lạnh, khi chia nóng,  
Khi cười nói dàn đồng chen địch bắc.

Ưu đồng ưu mà lạc đồng lạc,  
Gánh giang-sơn anh vác có em nâng.  
« Đệ » này có phúc gì bằng,  
Một đoàn hòa khí trăm tầng dài xuân,  
Trách những kẻ bất nhân sao chẳng nghĩ,  
Nỡ dành lòng đồng khí tương tàn,  
Một câu nhơ, một tiếng giận, một lời hờn,  
Nỡ xương thịt ruột gan mà chênh-mảng,  
Bình địa vô đoan phiên nỗ lạng,  
Tịnh thiên bất trắc khởi âm vân,  
Há phải rằng kẻ Việt với người Tần,  
Mà nợ béo kia gây cho bỏ ghét.  
Tội bất « Đệ » thực là giày oan-nghịch,  
Cháu con ta phải biết chữa mau,  
Một thuyền chung mũi lái chia nhau,  
Dù sóng gió bao nhiêu ta chẳng sợ.  
Con cháu là con cháu cả,  
Hồn tổ-tiên mong thượng hạ nhất tâm,  
Lời này ghi nhớ muôn năm.

#### 6.) Bài hát chữ Công-tâm

Loài ăn-mặc ở trong xã-hội,  
Dệt với cày cấy gái cùng trai,  
Ta no-ấm, hỏi nhờ ai ? ?  
Biết công-đức mỗi người nhiều lắm,  
Đoàn sinh tụ xúm nhau trong một đám,  
No chung nhau mà ấm cũng chung nhau,  
Ai hơn ai thiệt có ai đâu ?  
Tình đồng chủng nghĩa đồng châu đều thế cả.  
Nếu lợi tha tức là lợi ngã,  
Lòng đại công nên thiên hạ nhất gia,

Hưởng gì chung một con nhà,  
Lẽ nào ích-kỷ mà ra hại người.  
Lòng tư lợi trách ai quá chật,  
Riêng một mình mà vất cả đồng-bào,  
No riêng được đâu, ảm riêng được đâu,  
Họa lửa nóng trước sau e thay thay,  
So nặng nhẹ lợi nhân và hại kỷ,  
Cuộc vương tròn tính kỷ phải bình quân.  
Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân (1)  
Mưu hạnh-phúc phải tuân lời thánh dạy;  
Việc công đức khuyên ai chấn khởi,  
Lời công-bình xin há đặt-dìu,  
Hang tư hố lợi bao nhiêu ?  
Bồi cao thời sập càng sâu ích gì,  
Cuộc tang hải vùn xoay như chớp,  
Giấc chiêm-bao mắt nhắm chẳng bao lâu  
Chắc gì vinh, chắc gì quý, chắc gì giàu  
Phúc công cộng nghìn thu là phúc lớn,  
Xương thịt một nhà xuân mạn mạn,  
Non sông ba chữ phúc đồng đồng,  
Chữ đại công khuyên ai nấy tạc vào lòng,  
Xếp tư lợi để lấy trồng công đức,  
Sự-nghiệp lớn phải đồng tâm đồng lực,  
Cháu con ta nên tỉnh-thức cho mau,  
Giắt nhau khỏi kiếp ngựa trâu,  
Lợi riêng vất sạch phúc lâu rước về,  
Lời này con cháu phải nghe.

---

(1) Minh thành-dạt vẻ-vang rồi, mong cho đồng-bào cũng được thành-dạt vẻ-vang như mình.

**7 ) Bài hát chữ Liêm-sỉ**

Nhân bất khả dĩ vô sỉ ; (1)  
Người chẳng liêm chẳng sỉ có ra gì ?  
Khấp cả loài khấn-yếm với râu-mày,  
Lòng tu ố (2) sẵn tử ngày thơ-trẻ,  
Xem lên bốn lên ba đoàn lũ bé,  
Nét hồ-ngươi còn có vẽ thanh-tao.  
Hưởng gì phùng tuổi lớn tác cao,  
Tuồng do-bần lẽ nào mang mặt tới,  
Mệt-mỏi tinh-thần ghê khất cái, (3)  
Phong-lưu xác thịt chẳng bao năm,  
Nào quý nào lay, nào bầm lên thừa thắm,  
Tuồng nô-lệ một vinh trăm cái nhục.  
Cá chậu chim lồng ghê lúc nhúc,  
Hỏi làm thầy làm chủ ấy là ai ?  
Chui-lèn chi cho nhục cái đời,  
Uổng công cha mẹ bù loài ngựa trâu.  
Con cháu hỡi ngoảnh đầu ngó lại,  
Cha ông xưa lừng-lẫy kém gì ai,  
Vinh qui gì phận tớ với thân bời,  
Liều danh-giá để làm mồi no ấm,  
Nghĩ nông-nôi càng đau-đón lắm,  
Cha ông sao mà con cháu thế này,  
Quên «Liêm-sỉ» có ra gì ?  
Nhớ non nước càng tủi vì dòng ngu-liệt,  
Hỡi con cháu biết chưa chưa biết,  
Nên giữ-gìn danh-tiết cho năng.

---

(1) *Vô sỉ : không biết nhơ nhục.*

(2) *Tu ố : biết xấu hổ.*

(3) *Khất cái : người đi ăn xin.*

Gì nên thừa, gì nên bầm, gì nên dạn, gì nên vàng.  
Gạo bao-ná mà mỗi lưng thôi chớ chớ,  
Vạc hán một cần câu nước lã  
Đá thương vài nùm cỏ non côi,  
Dễ dưng đầu ép bầu làm tôi,  
Trong sạch thể đáng con và đáng cháu.  
Một cột giữa dòng xanh vũ-trụ,  
Cho hay bốn bề nấy con người.  
Gắng nghe con cháu ta ơi !

**8') Bài hát chữ Tự tân**

Cơ tạo-hóa xoay-vần cũng tặc biến,  
Nghĩa tùy thời thiên chuyển cũng là thường.  
Cuộc Á Âu trông đó làm gương,  
Người mới mới sao ta đương cũ cũ,  
Mấy nghìn năm thói quen tục hủ  
Giày tan-tành mà mũ lại thói hoang,  
Nào học-thuật nào văn-chương,  
Nào tư-tưởng tinh-thần đều cũ rich.  
Áo vá mãi còn gì chẳng rách,  
Nhà dột lâu tường vách có còn đâu ?  
Nếu ta giữ lấy bo bo,  
Hình bùn, tượng gỗ có đâu thánh-thần,  
Nào hôn, nào tang-lễ lễ-văn,  
Bao tiền-của biết bao thờ tục hủ,  
Nào nong lợn đầu bò, nào tắm lòng tróc hồ.  
Khắp năm châu không tất một mình trơ,  
Nếu tổ-tiên còn sống đến giờ,  
Hắn quệt mắt lắc đầu vì chúng nó,  
Phòng người bệnh bịt-bùng không-khí cổ,

Nếu chẳng thấy e hòm vỏ phải mau mau,  
Nghiep trăm năm lo mạnh lo giàu,  
Phải theo thể lựa chiều mà đổi mới,  
Hình-thức nếu hữu thành thời hữu hoại,  
Có lẽ đâu hủ-bại đến tinh-thần,  
Chữ rằng cầu nhật-tân hữu nhật-tân,  
Đường-lối mới phải lần lần tiến-bộ  
Sóng bạc mây vàng chen sắc đỏ,  
Mưa Âu gió Mỹ cuốn trời nam  
Mới gì hay càng mới càng làm,  
Dù núi đồi sông chèo ta chẳng quản.  
Nhưng mới có hai đường khác hẳn,  
« Vỏ da » cùng « Lòng ruột » khác nhau,  
« Vỏ da » ta có kê gì đâu,  
« Lòng ruột » phải đổi-trau cho mới-mẻ.  
Hò một tiếng « Tự tân » vạn tuế,  
Đoàn già trông lũ bé có ngần này,  
Đỉnh tân cách cổ ai hay.

### 9.— Bài hát chữ Trung-trực

Vàng đá bền-dai nhờ chất tốt,  
Bá tòng xanh mãi bởi lòng ngay  
Tính người trung-trực mới là hay,  
Tuồng mũi chuột mắt dơi ai có kê  
Ngán thể-đạo nhân-tâm nay quá tệ,  
Lối rắn đi cáo nấp đủ trăm đường,  
Sinh gian-tà mà bỉ-bác trung-lương,  
Lòng tòng bá dạ đá vàng không mấy kẻ.  
Thậm đến nỗi phụ-tử phụ-thê huynh-đệ,  
Cũng cong-queo tô vẽ những tuồng gian,



Cũng tim cũng phổi cũng gan,  
Người mà đến thế thực oan lốt người.  
Sao chẳng sợ mặt trời soi-xét,  
Thẳng với cong trời, quyết có làm đâu ?  
Chính tà luận định, về sau,  
Trượng thẳng, Tần Cối, đứng hầu Nhạc Phi.  
Ấu ta cứ đường, ngay, mực thẳng,  
Khổ nhất thời mà vinh đảng nghìn thu,  
Dù việc đời khéo-léo đến đâu,  
Chẳng qua nể mực, tàu là đúng, thước.  
Xem phương-hương, lên đường ra với quốc,  
Trung là tim mà trực ấy là châm,  
Đường dương-châu khả bắc khả nam,  
Con cháu thế ngỗ càng, đầm giọt lệ,  
Tiên-tổ hữu linh mong hậu duệ,  
Lòng ngay dạ thẳng, ấy là người,  
Lời này vàng ngọc không phai.

### 10.— Bài hát chữ Tín-thành

Công chín chữ muốn cho hoàn tất,  
Chữ Tín-thành là đệ-nhất quan đầu,  
Trời Tín-thành nên ấm-lạnh trái xuân-thu,  
Núi hăng cao bề hăng rộng sông hăng sâu,  
Đất thành-tin mới quả cầu xoay vạn cổ,  
Ơn đất chở cùng ơn trời phủ,  
Có loài người mới đủ tam tài.  
Thế nào là gọi bằng người,  
Có trong bền-chắc mới ngoài vẻ-vang.  
Nên ghét nhất là tuồng giả-đối.  
Mang da hùm xác sói khéo lừa đời,

« Kiệm » với « Cần » phần xức ở bề ngoài,  
Rằng « Nhân-ai » thóc mười không gạo một,  
« Hiếu-đệ » chẳng qua đầu miệng tốt,  
Mượn cha anh mà mua lốt vinh-hòa,  
Trống « Công tâm » nhịp bảy nhịp ba,  
Miếng « Tư lợi » vẫn lập la lập lè,  
« Liêm-sĩ » « Tự-tâm » hằng nói trém,  
Mắt chuột chủ mồm sinh lè,  
Văn-minh mũi ai biết cọp hay mèo,  
Chứng trộm dè mua đảng bán cha liều,  
Cách trung-trực một điều thêm chán-ngán.  
Mười bát xáo voi trời cũng bán,  
Hai tay bắt cá nước mà buôn,  
Tinh-tệ này càng nghĩ lại thêm buồn,  
Nào ai muốn cháu con mà vậy vậy.  
Con cháu hỡi ! hỡi con cháu hỡi !  
Chữ Tin-thành nên dạ tạc lòng ghi,  
Danh mà chi, lợi mà chi, quyền-vị nữa mà chi ?  
Mưa nắng mấy nhưng lòng này không chút đổi.  
Rẻ-rúng nghìn vàng đều tiếng nói,  
Ra vào muôn thước giữ lòng trinh,  
Thế là Tin, thế là Thành,  
Trời ghê dạ ngọc dất kinh gan vàng.  
Làng xóm với họ-hàng đều tin-cần,  
Mà năm châu bốn bể hẳn đều tin,  
Rê sâu thời gốc mới bền,  
Thực con thực cháu nên tin nên thành,  
Làm sao cho thỏa tiên-linh.

Lời thập-giới với mười bài trên kia, vì bởi thương .con thiết cháu, mong rứt-rỡ tiền-dồ.

Vậy nên vạch dạ phơi gan để ngăn-ngừa hậu hoạn, buồng ngực tối cây ai cầm đuốc giải, nhờ phật từ-bi, nhờ thần chính-trực, xui-khiến ta đánh thức đồng-bào lên. Giống da vàng nhiều kẻ cắp dao rình, kia đông Nhật-bản, kia bắc Trung-hoa, thời-thế ấy những lo toan kíp tới.

Đạo cao thời được phúc, thế nào ở, thế nào ăn, thế nào nói, giết yêu-ma nhờ dao mạnh gươm thiêng, nhân định chắc hơn trời, chớ lòng nghi, chớ lòng ghét, chớ lòng ghen, dày nền-móng sẽ nhà cao họ lớn.

Hỡi ôi!! núi có khi mòn, sông có khi cạn. Giòng-giống ta những địa cửu thiên trường, con sao là thánh, cháu sao là hiền, lời.lẽ ấy phải kim minh thạch lặc.

Khôn thời biết nghe. Nói đầu cho hết.

### III

## VĂN - TẾ

### 1.— TẾ ĐỒNG-BÀO NGHỆ-TỈNH CHẾT VÌ NẠN BÃO-LỤT

Than ôi !! Họa Hồng-Thủy vì đâu đưa tới,  
gớm-ghe con tạo quá già tay.

Trận cuồng phong mấy ngọn xông qua, đau-  
đón thẳng bần nên vô ngực.

Cõi cực-lạc trông chề trông chán, trông đã  
hết no

Dân vô cố, chết ngược chết xuôi, nghĩ càng  
thêm tức.

Sóng bất-bình trăm lớp reo to

Tình đồng-chúng đôi giòng khóc nước.

Thống duy đồng-bào bị nạn ;

Giòng-giống Tổ-Hồng. Tôi con Mẫu-quốc.

Phận chịu đế-dun. Ngu cam bò đực.

Mấy mươi vạn lao-nhạo lở-nhổ ; hủ-hỉ bữa  
cơm bữa cháo, tàn khờ qua ngày.

Quanh một năm chạy-vạy chàng-vàng, lo có  
đồng thuế đồng sưu, trung-thành hết sức.

Dù nắng dù mưa giòng hồi tổ trận, dầu tro  
mặt trấu, dám đâu trắng-trợn với ông xanh.

Ai cày ai cuốc ai đập đá dốn cây, chun lăm tay bùn, trót đã đen thui hơn chó mực.

Sao trời còn cặm đảo cặm diên,

Xui ta phải chết cơ chết cực.

Lụt thời to, bão lại phi thường,

Nước quá dữ, sóng càng bất trắc.

Thần Phong-Bá vô tình lăm nhĩ ; mồ ba-dào chôn sạch xác lăm ăn.

Kiếp thương sinh đảo-đề lăm sao ; lừa sấm chớp thiêu tan hồn ngũ thức.

Vô số nhà to nhà nhỏ, bay tuốt lên trời.

Biết bao ruộng thấp ruộng cao, sâu thành hóa vực.

Chó gà xao-xác, trôi theo thây chủ từng đoàn.

Sấu mập lung-tung, nuốt sống xương người kẻ ưc.

Ghê nổi triều lừa mưa cuốn, khách vô gia thời hết lối cầu sinh.

Xót người sóng lấp cát vùi, thuyền cứu khổ biết nhờ ai xuất lực.

Oan-khổ thiệt mấy phường đánh cá, vẫn kinh-thành cùng Hà Bá, sao bác đánh tuốt xuống ngọn dòng dòng.

Tội-nghiệp cho mấy chủ làm thuê, chẳng trên-chọc đến Phong-Di sao Di nữ cuốn vào luồng gió bắc.

Coi-cút đường này đường nọ, mong đủ hai ba đồng dặng sống, tình cò mà chết trước, ai dè thiên-địa bất nhân.

Trăm-trò năm ngoái năm kia, tránh qua khỏi

một hai kiếp vừa mừng, các cô họa trời đồn, có lẽ  
Tổ-tiên-thất-dức.

Ôi thôi ! Sống vàng màu đỏ, chết đã quá oan.

Nước mặn đồng chua, sống càng thêm bức.

Chặt làng xóm chứa đầy là oan quỷ, tha hồ khóc  
khóc rên rên.

Thầy trâu bò cũng sạch với Diêm-vương, vắng  
ngắt rì rì tắc tắc.

Thường những kẻ mất vợ mất chồng, mất anh  
em, cha mẹ, bới đất tìm nhưng sợ ngục nhiều tầng.

Xót vì ai không còm không ào, không nhà-cửa  
ruộng-vườn, kêu trời hỏi biết trồng thang mấy bậc.

Tình-cảnh này dù đá cũng rên to

Oan-nghiệt nọ có tai dành lúc lắc.

Em nay, Đất mẹ Trời cha, núi gang sông tắc.

Cảnh đã chung đồng. Tình càng thiết thực

Vân nên máu chảy, ruột mềm. Hã phải nặng chi  
nhẹ bắc.

Đau bốn bề trong cơn thủy-hỏa, tan xương  
nát thịt rụng ký tại.

Trừ một mình ngoài cuộc phong-ba, chữa cháy  
vót chim ngư bản-chức.

Thấy đã gây ghê. Nghĩ càng thắc-mắc.

Chung nhau sống há riêng nhau chết, chữ anh  
quan thôi xếp sách thầy Kha

Sau mà vui phải trước mà buồn, nghĩa mà đành  
dám quên lời họ Mặc.

Vậy nên ; dốc tấm son đề, tuôn giòng máu  
rắc

Xin cả thầy anh em chim bắc, hồn non sông  
sôi-xét lấy tinh thành.

Mong lần qua đông hạ thu xuân, cơ tạo-hóa  
xoay vần trong khoảnh-khắc.

Hỡi ôi ! thương thay !

2.— VĂN ĐIẾU ĐỒNG-BÀO  
BỊ NẠN BÃO-LỤT Ở BÌNH-PHÚ

Hỡi ôi !! Giắc trần-mộng ngàn thu một phút,  
nỗi thương tâm luồng gió thổi luồng sâu.

Kiếp thương-sinh bấy nỗi ba chìm, tình đồng-  
chúng giọt mưa tuôn giọt khóc.

Ai làm nên thế gớm-ghe thay, sũ-sư Phong-Bá  
quá già tay.

Trông thấy mà đau tức-tối nhĩ, nghĩa-sĩ Nhân-  
Nhân thêm choáng óc.

Vượt chẳng qua phải nhả đôi lời

Nói khôn xiết nên ngâm mấy khúc.

Trung-kỳ ta mấy năm nay :

Sinh gặp hồi đen, diễn nhiều tường độc.

Họa đất lưu liên, tai trời tiếp tục.

Hà-tĩnh, Nghệ-an mới đó, nhà xiêu cửa đổ trót  
nhiều phen.

Phan-rang, Phan-thiết nổi theo, thịt nời xương  
chìm trong mấy lúc.

Dân sở-tại hồn xiêu phách rụng, giọt khả bi  
chưa ráo cạnh sông dài

Khách qua đường mắt rất gan mềm, thấy bất  
hạnh còn phơi bên núi dốc.

Đốt lăm-than mừng đã trải qua

Tường thảm-hại tưởng nên kết-thúc.

Nào hay ; Vội vội thiên-đường ? Tầng tầng Địa-ngục.

Cách mấy quăng lại đây. Được nhiều tin thăm-khốc.

Một luồng bão từ Bình-định chạy phăng. Trăm dặm đường tới Phú-yên đổ rốc.

Phường lao-động tình cờ theo gió cuốn, thấy già chen thầy trẻ lan-man.

Lũ bần-cùng các cơ bị sông vùi, đoàn trước lẫn đoàn sau lúc-nhúc.

Ba bốn huyện già than trẻ khóc, trời nghe chừng giả bộ ngu-ngơ.

Nghìn muôn người vàng rụng xanh còi, đất bạc đã cùng đường bươi-móc.

Cày mất ruộng, chài mất thuyền, khách đường bộ mất toi mất nón, không chừng mang hai chữ hy-sinh.

Cha bỏ con, chồng bỏ vợ, đoàn em thơ bỏ chị bỏ anh, vô cổ rẽ đôi đường cốt-nhục.

Bảo rằng tội ; tội chỉ tuồng rách-rưới, mưa nắng dãi-dầu.

Bảo rằng ngu ; ngu dành cam bảy kiếp bươi chài, bùn lươn trần-trọc.

Ông trời ôi ! Ông ngó đoàn tôi, khác gì chim-chóc.

— Cam phận què-mùa. Tùy duyên lặn-lóc.

Rất những lũ sớm hương tối sập, cầu thần-linh may được lần hồi.

Thấy những phường mắt bít tai bưng, kiêng ma-quỷ không hề trêu-chọc.



Ắc gì đâu mà phải mang tai  
Lành như thế lẽ nên hưởng phúc.

Vì có sao năm dờn tháng dập, chẳng bao giờ  
sóng lặng gió im

Vì có sao tổ trận giông hồi, thấy những việc  
tai bay vạ bốc.

Ông xanh sao nõ thể, quá sức hoành-hạnh.

Con đồ sợ từ rày, hết phương lay lục.

Toan tới Diêm-vương dâng lá kiện, sợ Luật-  
sư Âm-phủ mùa lưỡi giết người

Toan vào Phật-diện đốt bùa nhưng, ẹ quỷ-  
sư Minh-đồ đón đường phun nọc.

Uả có thể, dù trẻ chẳng tạ, dù già chẳng nề,  
tới phen này càng tỏm oai trời.

Ồi rồi đây biết dữ đâu tránh, biết lành đâu  
theo, xem gương cũ thôi chừa miệng tục.

Bà con chúng ta :

Sống họa phần may. Sở chờ khi sộc,

Trong một kiếp khôn đường tránh khỏi, rày  
mai sóng vỗ bèo tan.

Sau trăm năm chắc mấy còn chẳng, ao-ước  
tre già măng mọc.

Sống thác vẫn u-minh hại, ngã, nhưng trước  
sau khôn chối nghĩa đồng-bào.

Xa gần tuy Nam Bắc đôi đường, nhưng máu-  
mủ cũng chung tình cứu-tộc.

Hội cứu-tế trông-mong nhà lạc-thiên, vội vâng  
xé áo sần cơm.

Phúc sinh tồn nương-cây sức hồi thiên, chung  
chạ đồng tiền hạt thóc.

Đoàn con để lao-nhao chờ sữa, gấp lo cứu  
hộ quan, quả, cô độc, khốn-cùng.

Linh suốt vàng dằng-dặc ngấm ơn, may hã  
còn người, huynh, đệ, cô, di, bá, thúc.

Tinh thần-ái trông ngoài liền một mối, trời  
khôn cắt rẽ giải đồng tâm.

Nghĩa thì chúng bao-bọc khắp tư bề, gió  
đám lũng-lầy rùng đại mọc.

Hỡi ôi ! Chết vẫn thảm-thương, sống càng  
mệt-nhoc.

Chữ giai vong nhắc lại phải rùng mình

Họa bất trắc ngấm qua đà rỏn ốc.

Thiên-liêng thời, ủng-hộ, từ đây sắp tới giống  
da vàng may vẹn phúc chung.

Than-thở lại ngậm-ngùi, muốn nín khôn đành,  
dòng máu đỏ nhuộm bài văn chúc.

Hỡi ôi !! Thương thay !

### 3.— VĂN VIẾNG CỤ PHAN TÂY HỒ

Than, ôi ! Tuồng thiên diễn mưa Âu, gió Mỹ,  
cuộc nọ kém thua hơn được, ngó non sông thêm  
nhớ bậc tiên-trì,

Dù địa-linh con Lạc, cháu Hồng, người sao  
trước có, sau, không, kinh sấm-sét hỡi đau lòng  
hậu-bối.

Vẫn biết tinh-thần di tạo-hóa, sống là còn mà  
thác cũng như còn.

Chỉ vì thời-thế khuất anh-hùng, xưa đã rui mà  
nay càng thêm rui.

Lấy ai dây nổi gót nghìn thu,  
Vây ta phải kêu người chín suối.

Nhớ ông xưa :

Tú dục Nam-chông. Linh chung Đà-hải.

Nghiep thừa gia cung-kiếm cũng pha đường.

Nền tác thánh thi-thư từng thuộc lối.

Gan to tày bề, sức xông-pha nào kể ức muôn người.

Mắt sáng hơn đèn, tài lanh-lợi từ khi năm bảy tuổi.

Vận nước gặp cơn đau bề, đeo vai thân-sĩ, còn lòng đau áo-mũ xuê-xoang.

Thôi nhà chăm việc bút-nghiên, dấu mặt hào-hùng, khi tạm cũng khoa-trường theo đuổi.

Song le, khi vẫn chanh vanh, chí càng viễn đại.

Tài Ma-nê đương chứa sức hô-hào.

Tuồng Lỗ-dịch quyết ra tay đào-thải,

Đội tiên-phong đau tá, gió duy-tân từ Đông-hải thổi vào.

Gương ngoại-quốc kia là, sóng cách-mạng bởi Âu-Châu dồn tới.

Dọc ngang trời đất, rục về văn-minh.

Tức tối nước nhà, cam đường hủ-hại.

Cá châu chim lồng vợ-vần thế, áng công-danh thời vất lối tầm-thường.

Rồng mây cộ gió lạ-lùng thay, miền thanh-khi thử hô người trung ngoại.

Cây tài học dạn-dò phương tự-chủ. Lu-Thoa Mạnh-Đức, so sánh người xưa,

Mượn Đông - du thăm hỏi bạn đồng tâm,  
Hương-cảng, Hoành-tân lỗi-lên đường mới.

Ba tấc lưỡi nào gươm nào sủng, nhà cầm  
quyền trông gió cũng gai ghê

Một ngôi lòng vừa trống vừa chiêm, của dân-  
chủ khêu đèn thêm sáng chói.

Phỏng khiến : Trình-độ dân ta cao

Tri-thức dân ta giỏi

Sức dân ta ngày một dồi dào

Khí dân ta ngày càng rắn rỏi.

Một tiếng xương có muôn tiếng họa, thần tự-  
do nên đứng-đỉnh về đây

Bạn người Việt với thầy người Tây, chuyên-  
chế dám dùng-dang ở mãi.

Nào hay trời đã éo le. Người còn quỉ-quái.

Chứa chan máu quốc, nước vẫn-vơ hồn.

Xao xác tiếng gà, trời mờ-mịt tối.

Trường nô-lệ chung quanh là răn-rít, vẫn cứ  
thời khen khéo gây oan ;

Ồ dã-man gan ngát những hùm beo, nhiều  
ái-quốc hóa nên buộc tội.

Thành Hà-nội ùn ùn mây ác-độc, nào kẻ  
lánh mình, nào người chống thuế, chữ âm mưu  
tô vẽ đủ trăm đường ;

Đảo Côn-lôn rực rực lửa oan cừ, thầy người  
yêu nước, thầy kẻ thương dân, tư xương loạn dết  
thêu ra một mối.

Mưa dào gió dạt, xui khách lưu ly ;

Biển thăm trời xä, xöt ông chim nôi.

Thân, Dầu, Tuất, bấy, nhiều năm, tán, khổ, khi  
đào cây, khi lượm đá, giữa bề trần gió bụi cũng  
thung-dung.

Đặng, Hoàng, Ngô, ba bốn bác hàn-huyên, khi  
cốc rượu, khi ngâm thơ, ngoài cửa ngục lăm-tham  
mà khảng-khái. Hội đen may, cũng lần-lữa, lòng đỏ  
vẫn còn hăng-hái.

Quay đầu lại trả ơn tù-đảo, tấm thân già còn  
nặng gánh giang-sơn.

Bước chân đi tìm bạn Âu-châu, đôi tay trắng  
quyết phất cờ Xã-hội.

Án tái phạm bởi vì lời thông Đức, dạ sắt vàng  
thêm thử lại thêm bền ;

Thư thất-diệu đón giá như Tây, oai sấm chớp  
chẳng kinh cùng chẳng hãi.

Gương Vĩ-nhân treo những bao giờ,

Hồn cố-quốc vừa về năm ngoái.

Trước mặt nào ai hơn-hở, thấy ngựa xe luống  
ngần-ngờ chiều.

Bên tai những tiếng kêu van, nghe sưu-thế  
càng ngao ngàn nôi.

Dưới miệng cộp gởi đoàn con đỏ, phúc trùng-  
lai thêm bận dạ tha hương

Trên nguyên người giữ giống da vàng, lòng cảm-  
tử nhất quyết lừa quân hậu đội.

Ước những chuông đều trống nhịp, khắp  
ba kỳ cho vang tiếng reo hò.

Mới là anh trước em sau, dắt một lũ đệ đồng-  
bào gắng-gỏi.

Kheo vô tình trời chẳng chiều người  
Nên bất hạnh mừng mà hóa rui.  
Tiệc hoan-ngheñh mời đỏ, não-nùng rượu chữa  
phai mùi. Hội truy-diệu gần đây, thấp-thoảng hương  
dà bèn khơi. Anh em ta : Đất rẽ đôi đường, tình  
chung một khối.  
Gánh tồn vong ai cũng nặng-nề  
Nghĩa chung-thỉ lòng còn bối-rối.  
Sóng gió một con thuyền chung-chạ, mái chèo  
đương lúc chéo-leo.  
Mây mù muôn dặm đất xa khơi, dấu ngựa nhờ  
ai giông-ruồi.  
Ngại-ngùng thay, người, ngọc núi xa.  
Ngao-ngán nhẽ, giọt châu mưa xối.  
Thương ôi ! Bề bạc còn trở, trời xanh khó hỏi.  
Nghìn vàng khôn chuộc được anh-hào  
Tấc dạ dám thề cùng sông núi.  
Trước đã giãi thời sau nên giãi nữa, dấu Cộng-  
hòa xin rấn sức theo đòi.  
Sống còn thiềng mà thác lại thiềng hơn, thang  
Độc-lập quyết ra tay vin-vói.  
Lời này Ông xét cho chăng.  
Lòng ấy trời đã soi-dội

## IV

# PHÚ

### 1. — Tinh quốc dân phú

*(Hạn văn ; trăm năm trong cội người ta.)*

Liếc xem phong thổ, nghe tiếng quốc-âm.

Ở ống thời dài, ở bầu thời tròn, đã biết ngạn  
ngôn vẫn có.

Gần mực thời đen, gần đèn thời sáng, cho hay  
cổ huấn đã nhằm (dùng)

Sống nhiều tuổi biết nhiều điều, cổ-nhân có dạy.

Hơn một ngày hay một chước, tiền-định chẳng  
lầm.

Khôn làm chị, khó làm em, người danh-giá  
chia nên thượng hạ.

Giàu vì làng, sang vì nước, khách tài-hoa nổi gót  
quan trăm.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, người cư-xử có thi  
chung tiên hậu.

Có tiền mua tiên cũng được, nó tiền-tài kẻ ức  
vạn nghìn trăm.

Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau, lời ngạn-ngữ  
mấy câu huấn-độc.

Khéo ăn thời no, khéo co thời ấm, lúc hàn-vi  
bao kẻ phù trăm.

Vốn xưa : mấy giònh chinh-thống, một cỗi An-nam.

Vũ-trụ thu về trong tám cỗi

Cơ-dồ gây-dựng mấy muôn năm

Ai ngờ tin bộm mất bò, âm âm khắp cỗi bắc nam, thấy trắng toát thuyền bè xe ngựa.

Chẳng biết nuôi ong tay áo, giảng giảng khắp đường kẻ chợ, mải đen sì thủy-bộ sơn lâm.

Nuôi cọp cọp hại mình, tiền-bạc nó đều thu tận.

Chơi cò cò mỗ mắt, thành trì, quét sạch lãng xâm.

Rước voi về giày mả, nào tiêu chiến, nào đại công, liếc mắt thấy cò trương tổ rõ.

Xắn tay đốt nhà làng, nào thành cao, nào hào rộng, vắng tai nghe súng phát vang ầm.

Mình một gói, người trót bàn, nó xe ngựa tung-hoành trong đất nước.

Bè của tôi, gổ của chú, nó bạc-tiền thu tận mấy non sông.

Không thầy đố mày làm nên, xe Cát-lợi, diện Hồng-mao, đều học được tha bang tri xảo.

Gần tre chè một phía, thuyền Pha-nhỏ, súng Phô-lỗ, đã chắc rằng viện quốc hồng phong.

Bây giờ : bụt già ma trẻ , nước đục bùn trong.

Cũng có người nhờ gió bẻ măng, chẳng nhớ xưa lộc nước ơn vua, cơm áo nặng dày ơn cố chúa.

Cũng có kẻ qua cầu cắt nhịp, chỉ biết những đồng tiền lượng bạc, cương-thường nhẹ bằng chữ trinh-trung.



Cũng có thằng thao được ăn than, quyết một bài uốn lưỡi cắt răng, ngấm miệng nín hơi đua những thói.

Cũng có kẻ nường đèn ần bóng, quen những thói bắt tay nhớ mặt, xui nguyên dục bị nhờn nhờn lòng.

Ăn một miếng tiêng cả đời, chỉ cảm hết thịt dơ xương, gặp hội no ra rồi cũng có.

Gió bề này che bề ấy, đã chắc ít thầy đầy bị, tới phân này há lẽ ngồi không.

Quan cả vạ to, giàu kim-ốc thấy đầu Đinh Trưởng.

Của đời người thế, tiền đồng-sơn dầu thấy Đặng Thông.

Hội này: nhà nước loạn ly, sơn lâm biến-đổi.

Chớ thấy người sang bắt quàng làm họ, phận đỉnh-chung sẽ bấm chỉ đợi chờ.

Chớ thấy sóng cả mà vô tay chèo, tài châu-liếp phải ra tay gặng-gỏi.

Cũng đừng ăn no tức bụng, theo những phường mắt cáo râu dê.

Cũng đừng bỏ bạc mất hồ, mang những thói quỷ tha ma trói.

Thua cuộc này bày cuộc ấy, ruồi phong-trần quét sạch hồ di,

Đông có mây tây có sao, tính sấm vừng đã nhằm (đúng) nguyên hội.

Phải ra ngoài, mà lần văn tu võ luyện học cho tinh.

Dốt thời truốt cho xa, đay bề ngọn nguồn tới  
đến cỗi

Có hỏi thời nói, có gọi thời thưa, thơ-thần kẻ  
hiền-nhân quân-tử.

Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ, xem hội này  
thiên-hạ nhà ai,

Phi đường ấy tắc đường kia, nhắm Mộc Tư sơn  
hà đã định.

Đèn nhà ai sáng nhà nấy, hấn phá điền đường  
để trùng khai.

Xem mặt đặt tên, số hai mươi cho ra mới biết  
cày chưa gặp nước.

Nhiều cây dày trái, hạn bảy mươi đã định  
biết rằng chợ họp lấy người.

Cũng có người nhiều mới tới năm không, sợ  
tình vì nước vì dân, bảo một đường quàng một nẻo.

Cũng có kẻ cầu danh tranh mới lợi.

Có ý giả vương, giả bá, khéo lòng mốt dốt lòng hai.

Thời thời ! Thế thời mặc thế, ta biết việc ta.

Câu xuất khảm chưa từng đã rõ.

Hội trăm năm gần đó chẳng xa.

Hay áo giặc sùng, đến lúc cháy nhà ra mặt  
chuột.

Ma bắt có mặt, mấy đời đưa ở đánh chúa  
nhà.

Rút giây động rừng, nào là ba bề chín châu,  
thu hào-kiệt đem về la-võng.

Phất cờ theo gió, đầu đay ba mang bảy bị,  
so quần-tài một hội can-quà.

Rời ra giậu đồ bìm leo, dặng chân chúa thừa  
cơ gặp hội.

Mới thấy cây cao bóng mát, khách anh-hùng  
khai quốc thừa gia.

Ba vương sánh với bảy tròn, hội quân-thần ra  
tay tri trạch.

Nước đồng chảy thông nước biển, đời thái-  
bình mở hội âu-ca.

Ta ở : Hoan-châu đất cũ, Hồng-lĩnh quê nhà  
Đất thảo-dã đã quen nghề thao-lược

Tiếng anh-hùng nổi từ lúc năm ba.

Ăn vóc học hay, đủ thời-vụ tính xem thế-vạn.

Chỉ dàu đánh dấy, khách Nam-dinh ghi đề  
bút hoa.

## 2.— Tỉnh tục phú

*(đọc vần bảo)*

Đường đất nghe âm, trông trời cho bảo (khỏe)

Thế-sự đã chồn, nhân-tình phải cáo.

Ai có biết thời nghe, ta nên xem nhất báo.

Việc ấy chưa rồi trời việc khác, sức dân gánh  
mãi cũng mòn.

Tiền nợ vừa nộp đập tiền kia, của nước vắt  
lâu cũng ráo.

Gánh giang-sơn nghe cũng nặng-nề.

Cơ trời-đất có khi hạn lạo.

Gẫm nhà nước, nước non mãi thế, ai đó thừa  
thừa với các thầy các quan.

Lấy nhân-tình tình-trạng kể ra, ta xin nhau cho  
kẻ đồng kẻ lão.

Thánh-nhân kinh thế, chữ tồn ích lấy làm tri  
công.

Quản-tử tùy thời, nên thông biến mới là tri não.

Thấp chùn chạy trước, đương đại thời phải  
học khôn.

To đầu khó chui, chưa lớn lại khoan làm lão.

Tế-tự tinh thành trong bụng, không kỳ to thịt  
to xôi.

Phụng-thờ kinh úy trên đầu, chẳng phải lăm  
vàng lăm áo.

Thánh ngài ở chi trong miếu, mà tô gạch  
tô vôi.

Thần người ở chi ngoài đền, mà sắm gương  
sắm giáo.

Lên chùa lạy phật, phật nam vô phật, chữ chân  
tâm là ngậm kè ngậm kinh.

Lắm thầy rầy ma, ma sợ chi ma, có chính khi  
dừng vọng cầu vọng đảo.

Sống ta cứ ở phải, trời sinh trời dưỡng, chớ  
chọn chi quy khảm quy khôn.

Chết ai nầy vực sâu, đất nhỏ đất to, biết đâu  
là long thin long mảo.

Việc tống-táng xin đừng sắm-sửa, nợ ở đời  
mà đời ai không nợ-hiếu chi đồ lăm trống lăm cờ.

Đường hôn-nhân ăn ở lâu-dài, con có họ mà  
họ ai không con, lẽ đâu bảo sách tiền sách gạo.

Tùy lương-tính mời anh mời chị, bụng tính  
tiền mà miệng giả lua khua.

Nghĩa bách niên điều cố điều ông, mắt liếc  
thịt mà mồm khóc mếu-máo.

Coi miếng ăn như nghề, nghe to dùm thời nói  
ngọt nói ngon.

So điều ở hơn vôi, không có miếng thời hết  
thơm hết thảo.

Đất có què, lẽ có thói, quý sao sự thực, ai lại  
pha cho vừa mạng vừa cò.

Giàu làm kếp, hẹp làm đơn, chi đồ phù hoa,  
ai có bảo mà làm trơ làm tráo.

Giỗ chẳng biết truy tư tổ khảo, lo ăn đi ăn lại,  
mời mời rước rước, bạc bạc vàng vàng.

Tết vui thay di dưỡng tinh-thần, cũng chạy  
ngược chạy xuôi, hương hương hoa hoa tranh  
tranh pháo pháo.

Như nói điều tôn ty thượng hạ, thời ta đã ăn  
trên ngồi trước, chăm chỉ nơi thịt sống cỗ bàn.

Dù sao rằng thù tạc vãng lai, thời ta cứ rày  
viếng mai thăm, sá chi đồ chả nem cơm cháo.

Bà-con muốn làm sao mặc, sẽ nấu lạng mà  
nghe.

Anh-em đừng kể miếng ăn, nghe dích đừng  
bàn náo.

Dù ai chê thức nghe cũng sượng, khôn ra  
thời nằm ngủ nghe kèn.

Cầu người khen nín hơn không còn, đại chi  
mà đua hơi thổi sáo.

Học chi mà học, văn-thơ phú-lục, được bài  
gì mà nhon mỏ chuột chù.

Thi chi cũng thi, tu tề trị bình, được chữ gì  
mà vênh mòi cá ngỗng.

Trò chi đồ quái đồ quý, tồn nhân ích kỷ,  
một gà mà hai mề.

Độ về đứng cây thế cây thần, tri chúa trách  
ba voi không một xáo.

Lấy bụi nũa giá bụi pheo, xin đừng ba bè  
bảy mắng, thương hư văn chỉ bác tân-thư.

Mượn cái cột chốt cái kèo, trông cho hai mái  
nhà, vu thực học nên theo cứu sáo.

Học đạo vi sĩ, miệng ngậm dạ nghĩ, theo chi  
đồ rày bạc mai cờ.

Đại bản giả nông, chùn lăm tay bùn, cử chi  
bọn sớm cù trưa dao.

Thợ cho ra thợ cả, chớ dơ-diu lăm quếch  
lăm quàng

Buôn thời phải buôn chung, chớ xô lá nói  
vênh nói vào.

Có tiền mua tiền cũng được, lo sao cho phú  
cho cường:

Không thầy đố mầy làm nên, học sao cho  
tri cho xảo.

Khéo ăn thời no, khéo co thời ấm cho dân  
được bất cơ bất hàn.

Khi giận thời đánh, khi quạnh thời thương,  
cho dân được tương thân tương bảo.

Chớ thời treo, mề thời dầy, ta có của phải lo.

Cá trong chậu, chim trong lồng, ai có biết mới  
tháo.

Đừng trương gân chi nữa, nước đến chùn cùng  
da cùng thịt, gót muốn sạch nên phải sấm giày.

Ngồi mó ót mà coi, việc đến đầu có mắt có tay,  
tóc làm rầy để chi không cạo.

Mặc áo phải lo áo chỉ, đủ cánh mới hòng bay,  
Che ô phải nghĩ ô danh, mở cung-kính tiếng  
chào.

Trit tai voi xuống đó, nghe chẳng đến đầu đến  
đuôi.

Trương mắt ếch làm chi, nói thời trùng trở  
trùng trạo.

Sấm-sửa uốn câu miệng cá, việc chi có việc cò  
kè.

Quản bao vạch lá tìm sâu, phường ấy cũng  
phường ốc sáo.

Việc Âu-Á thế tùy thời, thời tùy thế, tiểu-nhân  
an dụng khu khu.

Đạo Khổng-Mạnh ngôn cố hành, hành cố ngôn,  
quân-tử hồ bất thảo thảo.

Trai bốn mẫu anh em là tri-thức, cắt dân-quyền  
cho rõ mặt trùng tân.

Người một họ, con cháu cũng anh-hào, nhờ tổ  
ấm cũng ra tay tái tạo.

Ơ ai ôi ! Hữu tri hữu tri.

Nay tôi xin : Cập tảo cập tảo.

V

THƠ

1.— VINH THẬP VẬT

(trích 7 bài ở Sào Nam văn-tập)

1') Đồng hồ náo

Vì sợ người ta ngủ quá say,  
Liều công đánh thức cả đêm ngày,  
Giờ trời ghi nhớ mười hai tiếng,  
Mây thánh thiêng-liêng một sợi giây.  
Chuông có hồi kêu người phải tỉnh,  
Phút không khi nghỉ dất hằng xoay.  
Khen cho tài ngủ người mình nhủ,  
Reo đã bao lâu cũng kệ thầy.

2') Tàu bay

Chẳng cánh lòng mà vẫn khỏe bay,  
Chim nhà khoa-học chế ra đây.  
Thức đơn kép khéo gây nên cánh,  
Máy bắc nam xem vận ở tay.  
Cao thấp quanh mình trong trận gió,  
Trắng vàng lượn gót dưới tầng mây.  
Kìa ai ham chuộng nghề khoa-học,  
Khoa-học nhà ta ngủ với say.



**3') Hòn gạch**

Tường vách nhờ ai mới vện toàn,  
Nhiều tay vo đất nấu nèn hòn.  
Mặt vuông ta há thua gì ngọc,  
Lòng đỏ mình nèn giữ lấy son.  
Xây tảng đắp nền công đáng trọng,  
Tan xương nát thịt dầu nhưng còn.  
Xưa nay nhà lớn cần nhiều gạch,  
Đoàn-kết xin từ thử núng non.

**4') Đèn điện**

Chẳng bắc dầu mà phụt lửa lên,  
Xét ra chất điện chế nên đèn.  
Âm-dương hai mối đòi bèn sát,  
Cao-thấp nghìn giây một ống chuyền.  
Làm phép để tranh quyền tạo-hóa,  
Tắt ngòi đành xếp phép thần-tiên.  
Hỡi ai ham-chuộng nghề khoa-học,  
Nỡ để dèm trường mãi tối đen.

**5') Thuyền ra biển**

Thuyền to thuyền nhỏ rạp nhau cùng,  
Những ước ra vời vượt biển đông.  
Ngược thác xuôi gành lạnh bát cạy,  
Cao mui sâu đáy khít ngoài trong,  
Tay cầm lái vững kinh gì sóng,  
Gió đẩy thuyền lên cuốn cả sông.  
So vời tàu bay đua chóng chậm,  
Tới bờ hạnh-phúc mới là công.

**6') Trách thần nằng**

Hỡi thần hạn-bạt gớm cho ông,  
Thiếu cả giang-sơn ngọn lửa hồng,  
Trời hạ chói-choang người đứng khóc,  
Mây Thang vắng-vẽ chúng ngồi trông.  
Thù gì với cá vàng khô giếng,  
Oan bầy kia rau trắng toát đồng.  
Đau-dớn muôn dân e chết khát,  
Làm mưa thế phải hóa ra rồng.

**7') Mừng được mưa**

Ờ ai cày-cuốc sấm sanh chưa?  
Gió bốn phương trời thổi tiếng mưa,  
Nước sợ mặt dầu bờ sấn đắp,  
Giống mong tốt nữa cỏ mau bừa.  
Đầy đường tơ nón khua xe ngựa,  
Chặt đất kho tàng ấy ruộng trù.  
Trăm họ ấm no nhờ một trận,  
Mưa dòn sấm dậy sức còn thừa.

**2.— SÁU BÀI THƠ TẾT**

**1.— Tết cần-lao**

Nghĩ tới anh em phải choáng đầu,  
Tết ai nào phải tết mình đâu?  
Kiếm cơm, năm suốt mười-hai tháng,  
Bán sức, ngày vừa ít chục xu.  
Con đói vì khô hai vú sữa,

Thân còn thêm cực mấy phen xâu.  
Tết hoài, tết hủy, vui chi tá ?  
Pháo láng-giềng kêu tởm điếc mù !

## 2. — Tết thợ-thuyền

Biết bao máy-móc cướp tron nghề ?  
Tết lấy gì đây ? Sợ tết về.  
Tiền-bạc bòn trong mười ngón ép,  
Tháng ngày qua trọn một đời thuê.  
Mua vui nhưng tởm ma trêu-chọc,  
Bán đại còn e nợ bộn bề.  
Cặm-cùi lo-co xong mấy bữa,  
Tết gì cực quá, hỡi xanh tê !

## 3. — Tết thầy tu

Rằng tết thời vui chẳng mấy ai !  
Duy mình vui tết nhất trên đời.  
Hương hoa vô số người mê cúng,  
Chè sắn tha hồ Phật sống xơi.  
Sướng tốt là không xấu-thuế tới,  
Giờ thừa lại có kiệu cờ chơi.  
Rày nghe hội Phật càng lan khắp,  
Cứ việc Nam-mô tụng niệm hoài.

## 4. — Tết nhà văn

Tết mới đi qua, tết lại về,  
Nghe người tết, khiến mình ghê.  
Bếp không pháo lão ngoài sân nổ,  
Bụng trống thơ diên trước cửa đề.  
Say gượng chén chè mua thú mượn,

Nhồi mềm đầu-óc bán bài thuê.  
Tết như thế hử ? Âu đừng tết,  
Bốn bề năm châu nợ bộn-bề.

**5. — Tết nhà giàu**

Than trách thây ai trẻ với già,  
Ta vui cái thú sống riêng ta.  
Xe hơi chen-chúc, dưng đầy ngõ,  
Áo gấm ra vô, rộn cả nhà.  
Tiếng chúc, tiếng mừng, xen tiếng pháo  
Cầu cười, cầu tán, lẫn câu ca.  
Tết như thế mãi, vui đâu hết,  
Sóng biển mây rừng chán ngó xa.

**6. — Tết công-thương**

Lanh-quanh ngày tháng sống qua thì,  
Còn vất tiền mua cái tết « si ».  
Bạc nợ nhà băng đòi riết tới,  
Vốn nhà phố-xá bán không đi.  
Giàu-sang mừng thấy vui xuân mới,  
Túng-bần thêm cho tháng nhuận lý.  
Thôi lại tết cùng ba chén rượu,  
Còn trời, còn đất, mặc chi chi.

# PHỤ LỤC

# I

## HAI BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA CỤ PHAN

**N** GÀY 24-12-1925, Chính-phủ Bảo-hộ An-xá cụ Phan rồi đưa về Huế. Cụ Phan định sẽ vào Nam đề hội-diện với cụ Phan Chu Trinh bấy giờ đang diễn-thuyết ở Nam.

Ngày 17-3-1926, cụ Sào Nam còn lưu ở Huế, viếng các trường. Cụ đọc hai bài diễn-văn, một ở trường Quốc-học Huế, một ở trường nữ-học Đồng-khánh Huế.

Bất ngờ đến ngày 24-3-1926, cụ Sào Nam chưa kịp vào Nam thì cụ Phan Chu Trinh mất !

Dưới đây xin sao-lục hai bài diễn-thuyết của cụ Phan Sào Nam. Hãy lấy đại-ý, đừng nệ tiểu-tiết.

### 1.— BÀI DIỄN-THUYẾT TẠI TRƯỜNG QUỐC-HỌC HUẾ

« Cái mục-dịch chính-phủ lập ra học-đường với  
« cái mục-dịch người ta vào học.

« Thừa các anh em học-sinh thanh-niên ta.

« Chúng tôi ngày nay được cùng các anh em gặp  
« mặt ở một nhà này, thật là sự vinh-hạnh rất lớn

« của tôi từ thuở hữu-sinh dĩ-lai ; mà tôi sở-dĩ được  
« đời cái vinh-hạnh rất lớn ấy vì có hai cái nguyên-  
« nhân.

« 1.) Viễn-nhân vì bảo-hộ chính-phủ có ý muốn  
« khai-hóa dân Việt-nam, bỏ thi cử cũ, bày ra trường  
« học mới mà sáng-lập ra trường quốc-học này.

« 2.) Cận-nhân vì quan Khâm-sứ với quan Học-  
« chính Giám-đốc Trung-kỳ sẵn lòng giới-thiệu  
« chúng tôi với thanh-niên học-sinh ta đây ; vì có  
« hai nguyên-nhân ấy nên tôi mới được vinh-hạnh  
« ngày nay ; vì thế nên không dám không vì sự vinh-  
« hạnh ấy, nên tôi mới có một vài lời đề tổ tấ-  
« lòng ở trước mặt anh em. Nhưng khi tôi muốn  
« trung-cáo với các anh em, trước tôi phải đem hai  
« cái vấn-đề mà thỉnh-giáo với các anh em.

« 1.) Anh em ta tất phải thế nào mới là không  
« phụ cái chính-sách giáo-dục quảng-dại của một  
« nước văn-minh như nước Pháp.

« 2.) Anh em ta tất phải thế nào mới là khỏi phụ  
« cái lòng mong-mỏi của dân Việt-nam, nghĩa là  
« thế nào cho trọn được cái trách-nhiệm học-sinh ta.

« Hai cái vấn-đề ấy chúng tôi phải tính mau giải-  
« quyết, vì muốn giải-quyết cái vấn-đề ấy thì trước  
« tất phải nghiên-cứu hai cái mục-dịch sở-tại là hai  
« cái mục-đích : Chính-phủ thiết-lập ra học-đường  
« để làm gì ? Và cái mục-dịch người ta vào học-đường  
« cầu học để làm gì ?

« Bây giờ tôi xin nói mục-đích Chính-phủ lập ra  
« học-đường. Theo như chương-trình sở học-chính  
« đã định ra thì những học-sinh ở Quốc-học tốt-nghiep

« rồi, được tấn vào nha cao-dẳng học-đường ở Hà-  
« nội. Khi đã tốt-nghiệp cao-dẳng rồi thời được làm  
« việc nhà nước, hoặc làm quan-lại, hoặc làm các  
« chức-viên, được mỗi tháng chịu bổng Chính-phủ  
« cấp từ 100\$ cho đến 200\$ trở lên. Đồng xu đã được  
« nhiều rồi, nào là rượu tây, cơm tây, nào là mặc đồ  
« tây. Tùy ý sở thích, hớn-hô nghinh-ngang, thật ra  
« mất một ông nô-lệ ru-dăng, cái kết-quả học-  
« đường sở-dắc có thể mà thời.

« Thật như thế, vậy thời ra cái mục-dịch chính-  
« phủ thiết-lập học-đường là chỉ vì người An-nam ta  
« dúc một hạng nhân-tài khiến cho được vô số cái  
« bình trữ rượu tây, cái túi đựng cơm tây, cái giá  
« treo đồ tây, cái bù-nhìn ngồi xe tây, ở lầu tây, đề  
« cho các nhà buôn tây thêm được vô số người mua  
« bán mà chỉ những hư-phí cái nhập khoản của chính  
« phủ trong một năm. Ôi ! cái mục-dịch của chính-  
« phủ thiết-lập ra học-đường có lẽ nào hủ-lậu như  
« thế, tôi nghĩ chắc là không phải.

« Phàm chính-phủ của một nước văn-minh nào  
« mà không muốn quốc-dân cùng nhau hợp-tác câ.  
« Nước Đại Pháp là một nước rất văn-minh trong thế  
« giới, vậy lấy một nước văn-minh rất có tiếng trong  
« thế-giới mà tôi bảo-hộ nước Nam ta, theo như cái  
« nhãn-quang người nước mình tất là phải qui-trọng  
« quốc-dân ta, tất là muốn quốc-dân ta hợp-tác với  
« chính-phủ. Đã có lẽ ấy thời tất nước Nam ta đào-  
« tạo một hạng nhân-tài rất hữu-dụng; mà khiến cho  
« trọn- vẹn cái nghĩa quốc-dân, cứ lẽ thật mà nói ra,  
« chắc là cái mục - dịch chính - phủ thiết - lập học-  
« đường cốt tại ở tạo-thành quốc-dân tốt để hợp-  
« tác với chính-phủ mà thời.



« Cái mục-dịch của chính-phủ lập ra học-đường.  
« với cái mục-dịch người ta vào học.

« Bây giờ tôi lại nói cái mục-dịch của người ta  
« vào học-đường để cầu học. Nước ta ở vào thời-  
« đại khoa - cử, sách-vở trong học-đường dạy-bảo  
« hay chỉ trọng về đạo-đức cũ, tuy là so cùng văn-  
« hóa mới bên Âu-châu thật là nhiều khuyết-diểm,  
« song nếu buổi ấy cái mục-dịch học-sinh nhập học  
« phỏng biết chăm-chỉ về phía đạo-đức, thì kết-quả  
« cũng rất bổ-ích cho gia-đình cùng cá-nhân, chẳng  
« may lúc ấy thượng-hành hạ-hiệu chỉ biết cần-dại  
« áo-mũ làm chức-phận đương nhiên lấy thủ gà,  
« đầu heo làm năng sự tất hỉ.

« Khi mới cấp sách đi học thì mục-dịch sở tại đã chỉ  
« dụng vinh thê ấm tử, ấm áo no cơm, vậy nên lưu  
« độc, lưu độc vô cùng, đến nỗi gia-đình trụy-lạc, xã-  
« hội hôn ám, thành ra cái thảm-họa, nhà không nhà,  
« nước không nước ; suy cho đến lẽ, thì chỉ vì mục-  
« dịch người ta vào học đã lầm-lỗi quá nhiều, mới nên  
« ra nông-nổi thế. Tôi lúc bây giờ, hình-thức học-  
« đường tuy là khác học-đường khoa-cử ngày xưa  
« vẫn nhiều, da vỏ bề ngoài hình như vừa mắt, nhưng  
« xét đến tinh-thần cốt-tủy có khác gì vườn học tiếng  
« người, đạo-đức cũ đã sạch-sành-sanh, và văn-hóa  
« mới lại chẳng có chút gì dây-vướng ở học-đường ;  
« ra rồi chưa có thành-tựu gì, mà chỉ thấy cái bình  
« rượu tây, túi cơm tây, giá đồ tây, ngồi xe tây, ngày  
« ngày rộn-rực trước mắt người ta, tuy cũng có  
« một vài người phảng-phất văn-minh, nhưng mà

« cầu cho cái tinh-thần chân văn-minh, thì giống như  
« muốn người không được một ; vậy cho nên, những  
« người thương tâm thể đạo ai cũng bảo rằng : « Cái  
« mục-dịch người ta ngày nay vào học chẳng qua vì  
« câu quan to, hốt đồng bạc, để làm một cái môi-giới  
« cho rượu tây, cơm tây, đồ mặc tây, xe tây, lầu tây  
« mà thôi ». — Chao ôi ! trời ôi ! thật có thể ru ! thật  
« có thể ru !

« Cái mục-dịch người ta đi học chỉ có thể ru ! Thế  
« thì cùng cái mục-dịch chính-phủ thiết lập học-đường  
« khác nhau nhiều lắm, mà cầu một người quốc-dân  
« đủ hợp-tác cùng chính-phủ, chắc không có trông  
« mong gì ! Tôi nghĩ đến thế, tôi mới xin trung cáo  
« một lời cùng anh em.

« Bởi vì làm sao ? Cái mục-dịch chính-phủ thiết lập  
« ra học-đường đã cốt vì tạo thành những người  
« quốc-dân đã hợp-tác cùng chính-phủ, thời hề những  
« người đã vào học-đường chính-phủ thiết lập ra,  
« nhờ nên treo một cái mục-dịch rất cao-thượng để  
« cho không phụ cái ý sâu của chính-phủ thiết lập  
« ra học-đường, phần nghĩa-vụ ấy thật người ta  
« không dường nào tránh được, người ta nên rõ rằng  
« cái bầu nghĩa-vụ ấy thời đương khi mới đầu vào  
« học, cái mục-dịch nên như thế nào ; chắc là người  
« ai cũng phải biết.

« Xưa một vị đại nho nước Pháp là ông Lur-thoa  
« (Rousseau) có lời nói rằng : Nhân-dân là chủ dân  
« trong một nước ; lại có một nhà đại nho nước Nhật  
« là ông Phúc-trạch Dụ-Các có câu nói rằng : Cái hồn  
« của một nước nào thì y-phục ở vào dân nước ấy,

« cái hồn của dân nước ấy thì y-phục vào môn thanh-  
« niên học-sinh ; thanh-niên học-sinh ấy là linh-hồn  
« quốc-dân vậy; găm như những lời nói ấy mà phỏng  
« khiến mục-dịch môn học-sinh ta đi cầu học, cốt vì  
« cầu quan to, hốt đồng bạc, để làm mối-giới cho  
« cơm tây, rượu tây, đồ mặc tây, xe tây, lầu tây, thì  
« cái hồn quốc-dân ta còn gì mong sống được.

« Tôi đây bỏ nước hơn hai mươi năm bây giờ còn  
« được về nước, nhờ ơn quan Toàn-quyền Varenne,  
« được còn chút sống thừa mà chào viếng non sông  
« nước cũ, dương đòi con mắt, động cả tấm lòng có  
« một việc rất là chua-xót.

« Than ôi ! kia thành Hà-nội ngày xưa vốn là cái  
« tổ anh-hùng hiền-triết, mà ngày nay hóa ra một  
« đồng mồ để chôn người sống.

« Kia nước Hương-giang ngày kia là cái gương cho  
« thi-nhân văn-sĩ, mà ngày nay hóa ra một cái vũng  
« để sụp thanh-niên.

« Việc xưa thời kể lại làm gì, ngày sau hãy còn lâu  
« dài lắm. Tôi nay chỉ trông mong anh em ta mau cải-  
« lương cái mục-dịch tương-lai nhập học mà thôi.  
« Muốn cải-lương cái mục-dịch đã sai-lầm ấy thì làm  
« thế nào ? Cái mục-dịch chính-phủ thiết lập học-  
« đường cốt vì tạo thành quốc-dân rất tốt, thì cái  
« mục-dịch người ta vào học, cũng tất phải làm nên  
« một người quốc-dân rất tốt mà thôi. Vì có một lý-do  
« rất phải, tôi xin giải-thích, cho anh em nghe : Phàm  
« một nước đã có lịch-sử một nước thì tất phải có  
« chính-trị một nước, đã có chính-trị một nước, mới  
« có giáo-dục một nước. Nước ta vài nghìn năm lại

« giờ quen nết dã-man, theo đường giản-lậu ; chính-  
« trị đã không ra gì còn nói gì đến giáo-dục nữa. Gọi  
« rằng giáo-dục, chẳng qua là một đường khoa-cử  
« văn từ đó thôi, không có thương-học nên công-  
« nghiệp hồng ; không có nông-học nên nhân-dân  
« không biết đường khai-khẩn ; không có pháp-luật  
« học, nên nhân-dân không giữ lấy quyền-lợi, đến  
« nổi vì ngu nên yếu, vì nhác nên nghèo ; đã yếu lại  
« nghèo, nước mới không nên nước ; học đến lịch-  
« sử hai nghìn năm mới biết là cái lịch-sử không  
« chính-trị, không giáo-dục vậy.

« Từ nước Đại Pháp qua bảo-hộ cho đến nay, xem  
« số nhân-dân nước ta có hai mươi lăm triệu, đủ  
« làm một dân-tộc ở Đông-phương. Xét ra cái cơ  
« suy-nhược đến thế này, là vì giáo-dục hủ-bại, nào  
« có phải tại dân-tộc mình bất lương đâu ! Nếu giáo-  
« dục có một ngày hoàn-toàn, thì nhân-dân chắc là  
« tự chấn. Chính-phủ bảo-hộ lúc bấy giờ muốn tỏ  
« rõ cái tinh-thần chân văn-minh khiến cho cái thực  
« xứng với cái danh, bèn phải khổ tâm lo sâu xa,  
« vì dân-tộc nước ta gây nên một nước Việt-nam  
« mới. Nên phải bắt tay mở-mang đường giáo-dục.  
« Tưởng rằng thâm ý chính-phủ muốn tạo thành  
« quốc-dân rất tốt cho nước ta ; rồi sẽ lấy nhân-tài  
« nước ta mà chỉnh-dốn sự-nghiệp nước ta, để bổ  
« cho những cái khuyết-diểm của chính-sách bảo-hộ,  
« cho thiệt tỏ-rõ cái tinh-thần chân văn-minh. Trên  
« tôi đã nói : tạo-thành quốc-dân để hợp-tác với  
« chính-phủ, tức là mục-đích ấy.

« Chẳng ngờ người ta quen sự tập-quán ngày xưa ;

« tưởng rằng chính-phủ thiết-lập học-đường cốt để  
« đào-tạo một hạng nhân-tài nô-lệ; để cho được  
« nhiều những phượng bầu rượu, giá áo, túi cơm,  
« ngày ngày xôn-xao rộn-rục trước cửa hàng tây  
« buôn, hàng rượu tây, cơm tây, đồ mặc tây đó  
« thôi. Như thế thì quả đã nhận sai hẳn cái thâm ý  
« của chính-phủ rồi đó.

« Anh em phải biết cho rằng : Nô-lệ với hợp-tác  
« hình-tích tuy như nhau mà sự thật vẫn khác nhau  
« xa. Gọi rằng nô-lệ là chỉ cúi đầu mà nghe cái  
« quyền sai khiến của chính-phủ mà thôi. Gọi rằng  
« hợp-tác là lấy năng-lực của nhân-dân để chia gánh  
« một phần những việc lợi-ích cho nước ta.

« Bảo-hộ đối với học-sinh ta, chỉ trông mong cho  
« cất nổi trách-nhiệm hợp-tác; nào ngờ học-sinh ta  
« trở lại ôm cái tư-tưởng nô-lệ, mà bỏ những sự-  
« nghiệp của mình đến nổi dư-luận trong thế-giới,  
« báo chương trong thế-giới đều cho rằng mình :  
« học-đường nô-lệ, giáo-đục nô-lệ là cái đặc-sắc  
« riêng của nước ta.

« Than ôi ! Cái tội thanh-niên của nước ta chẳng  
« nặng lắm ru ! Chẳng nặng lắm ru ! vì thế cho nên  
« tôi chỉ ước-ao cho anh em ta mau mau tỉnh-ngộ  
« lại, mà bỏ-vứt cái mục-đích đã nhập học lầm-lỗi  
« từ trước.

« Lại có một lời rất thống-thiết xin ngỏ cùng anh  
« em : những sự phi-dụng của các anh em khi ở nhà  
« học, cho đến tiền bổng cấp khi các anh em đã ra  
« làm việc rồi, một sợi tơ, một hạt gạo, đều là giọt  
« máu mồ-hôi của nhân-dân ta, ngày đêm ép-nặn cho  
« say no cái bụng sở cầu của các anh em. Đến khi

« kết-quả, gọi rằng y-học-sinh, mà có bổ-ích được  
« chút gì cho vệ-sinh nhân-dân ; gọi rằng công-nghệ  
« học-sinh, thương-mãi học-sinh, mà có được một tí  
« hay gì cho đường thực-nghiệp của nhân-dân ; gọi  
« rằng nông-lâm học-sinh mà đến các sự khai-hóa địa-  
« lợi thì cũng chẳng thấy một mảy gì là thành công.

« Thế thì các anh chỉ khổ lòng cho cha mẹ bà con  
« các anh tuôn đổ từng giọt máu, giọt mồ-hôi, mà  
« các anh chỉ thành ra những cái bầu rượu tây, cái  
« túi cơm tây, cái giá áo tây, thằng bù-nhìn đi xe tây,  
« ở lầu tây ; thế thì cái tuồng nô-lệ có một ngày kia  
« chưa rõ kết-cuộc ra thế nào ! Dân nước ta tuy là  
« ngu, cũng không lẽ nín được mãi, e có khi không  
« kể các anh là con em mà lại có lẽ đề tiếng xấu cho  
« Chính-phủ ; có một ngày quốc-dân tự xin giải quyết  
« cái vấn đề giáo-dục với Chính-phủ, thì tất thế nào  
« cũng ảnh-hưởng đến chính-trị nhiều, văn-minh  
« tiền đồ nước ta họa hay phúc, lúc bấy giờ khó đoán  
« định được.

« Hỡi các anh em ơi ! Đội trời đạp đất ai nấy cũng  
« có lương-tâm ư, nghĩ tới nông-nỗi sau, lẽ nào mà  
« không gai góc ; tôi sở dĩ trông mong các anh cải-  
« lương cái mục-dịch hưởng lại nhập học là lẽ ấy.

« Các anh em thanh-niên học-sinh ơi ! các anh em  
« chắc hãy cải-lương cái mục-dịch nhập học, chăm-  
« chỉ về một sự làm nên người quốc-dân rất tốt, thời  
« trước hết phải bồi-dưỡng cái giáo-dục thuần-khiết  
« như lòng ái-quốc, như lòng hợp-quần, như lòng  
« công-ích, tất là cầu cho thật-thà hết sức, không một  
« tí gì dối-trá để cho người ta nghi-ngờ, thế thì cái

« cội-gốc làm quốc-dân rất tốt đã kiên-cố rồi ; lại thứ  
« nữa phải chỉ cầu cho được tri-thức mở-mang, như  
« thế nào là lợi-dụng được, như thế nào thì rộng  
« đường kinh-tế mà lợi-ích cho nhân-quần, tất phải  
« mỗi việc mỗi theo trên đường khoa-học mà cầu cho  
« tri-thức mỗi ngày mỗi phát-đạt để cho vừa với sự  
« yêu-cầu trong xã-hội ; lại như thế thời cơ-sở làm  
« quốc-dân tốt đã đầy-dặn rồi, mà còn lại một sự rất  
« là cần-cấp thời không chi bằng chăm-chỉ về đường  
« thể-dục.

« Người nước ta ở đời khoa-cử, qui-trọng các ông  
« thầy đồ, lưng dài tốn áo, ăn no lại nằm, đã thành  
« ra một cái bệnh gần chết mà không có thuốc chữa,  
« đến lúc bấy giờ sóng Âu-châu ập vào, người ta coi  
« chừng đã tỉnh dậy, nhưng mà công-phu về đường  
« thể-dục còn chưa nghiên-cứu đến nơi, cái căn-tính  
« mình lười-nhác đã quen nết lâu ngày, lại nhiều  
« điều thói dảng, tính dảm-dè cho hại đến sinh-mệnh,  
« người ta lấy thể làm sự thường, không lo tính  
« đường cải-cách, nào là công khóa về đường thể-  
« thao, nào là lợi-ích về cách vận-dộng. Cách vận-  
« động người mình không có xét tới nơi, trong một  
« ngày có 12 giờ, nửa thì ngồi chết trước cuộc tài bàn,  
« nửa thời nằm chết bên đèn thuốc phiện, vận-dộng  
« đã không có công-phu, thì huyết-mạch lấy gì mà  
« lưu-thông ; huyết-mạch đình-trệ thì thân-thể phải  
« hèn ốm cho rồi, dần mới hóa ra dân nô-lệ, nước  
« mới hóa ra nước bệnh-nhược. Thế thời thể-dục bất  
« cần lưu độc biết bao nhiêu mà kể. Bấy giờ phải lo  
« đường thể-dục, thứ nhất là siêng vận-dộng thì phải

« có thời giờ mà không hề gián-đoạn ; chăm vệ-  
« sinh thời phải trau-giồi sạch-sẽ mà cấm sự chơi  
« xằng, hai cái sự ấy là việc tự-cường cho các thanh-  
« niên học-sinh ta ; thanh-niên học-sinh ta là cái  
« linh-hồn của quốc-dân ta. Linh-hồn cường thì thể-  
« phách cũng cường. Thể-phách đã cường linh-hồn  
« cũng thêm cường nữa.

« Muốn cho được như thế, có gì là hơn thể-dục  
« được đâu. Những lời tôi nói trên ấy, tóm lại thì  
« chỉ có ba việc, rằng đức-dục, rằng trí-dục, rằng  
« thể-dục mà thôi. Ba điều ấy ở về bên Âu Mỹ đã  
« thành ra một giống cơm gạo dùng hàng ngày ; mà  
« ở người Nam ta thành ra một món thuốc-men đề  
« cứu-cấp.

« Các anh em ta nên hãy hết sức chăm ba điều  
« ấy, thời gọi rằng làm quốc-dân rất tốt, tức là các  
« anh em.

« Bút lười tôi có khi cùn, mà tấm lòng tôi không  
« bao giờ kể hết. Tôi xin các anh em thương tôi là  
« ngay thật mà xét cho ».

*Huế, ngày 17-3.1926*

PHAN BỘI CHÂU

## 2.— BÀI DIỄN-THUYẾT TẠI TRƯỜNG ĐỒNG-KHÁNH-HUẾ

« Nữ đồng-bào tạ thiết là một phẩm rất cao-quí  
« trong loài người, mà thứ nhất là một phẩm cao-  
« quí trong dân nước ta. Nào ngờ từ bao giờ tới  
« bây giờ, vì ai bày-đặt, vì ai xui-khiến, để cho nữ-



« đồng-bào ta hóa ra một hạng rất ti-tiện ở trong  
« loài người mà thứ nhất là một hạng rất ti-tiện ở  
« nước ta ! Chẳng những việc nhà-nước không ai  
« hỏi tới chị em, việc xã-hội cũng không ai bàn với  
« chị em, mà thậm-chí những việc rất thân-thiết  
« như gia-đình và cá-nhân, cũng không ai kể công  
« tới các chị em !

« Chao ôi ! Trời ôi ! Các chị em chẳng phải là tai  
« to mắt sáng, có đầu óc, có chun tay, đủ khi-phách  
« loài người, đủ tâm-huyết loài người đó ru ? Lấy  
« sinh-lý-học mà suy ra, các cơ-quan về đường cảm-  
« giác và đường tác-dụng, con trai với con gái có  
« khác gì nhau đâu ? Mà cứ sao thói hủ gia-đình thuở  
« xưa chỉ những trọng con trai mà khinh con gái ? Tôi  
« thường nghe có câu tục-ngữ nói rằng : « Trăm gái  
« không bằng một trai » ; lại thường nghe tục cổ có  
« câu rằng : « Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô »,  
« nghĩa là sinh một con trai là đủ, dù chỉ sinh mười  
« con gái cũng thừa. Tôi tưởng rằng trong đạo làm  
« người, có lẽ nào mà diên-đảo đảo-diên như thế ?  
« Trời kia là cha, đất kia là mẹ, người ta ở trong  
« vòng trời đất, ai nấy chẳng là một vị đồng-bào,  
« hưởng chi trong một lòng mẹ nước Việt-nam sinh  
« ra, ai nấy chẳng là người con quý-báu, vẫn là đáng  
« gọi chị, vẫn là đáng gọi em, vẫn là đáng gọi cô dì  
« thím, mụ. Nếu không có những món người ấy, lấy  
« gì mà đủ 25 triệu đồng-bào. 25 triệu đồng-bào ta,  
« nếu không có các chị em, thì 25 triệu đồng-bào ta  
« sau này ắt phải tuyệt-diệt. Ôi ! Thế thì cái thân-phận

« các chị em biết bao nhiêu là cao-quí, cái công-đức  
« các chị em biết bao nhiêu là sâu-dày. Cái thân-phận  
« cao-quí như thế. vì cớ sao mà rẻ-rụng như bây giờ?  
« Cái công-đức sâu-dày như thế, vì cớ sao mà khinh-  
« bạc như bây giờ? Thôi! Thôi! Xã-hội thật là đã tối-  
« tăm, mà gia-đình cũng không một tí gì là tia sáng;  
« cái sự bất-hạnh của chị em ta càng nghĩ càng đau,  
« càng ngậm-ngùi, càng chua-xót! Tôi hằng ngày vì  
« chị em mà trộm nghĩ thăm lo, tấm lòng tôi có khi  
« đứt đôi đoạn, giọt lệ tôi có khi đổ đôi hàng! Khi tôi  
« còn ở nước nhà, tôi những nghĩ ngược nghĩ xuôi,  
« muốn suy cho ra cái cớ vì sao mà như thế? Nhưng  
« tôi chưa xét được rõ-ràng. Đến khi tôi đi ra ngoại-  
« quốc, tôi thấy như nước Nhật, Mỹ, Đức, Anh, cho  
« đến nước Trung-hoa, nước nào cũng có trường  
« học con gái. Trường học con gái có lẽ nhiều hơn  
« trường học con trai, danh-giá của nữ-học-sinh so với  
« các nam-học-sinh cũng không chút gì thua kém.  
« Như nước Nhật có bà Hà-diện Ca-tư, nước Trung  
« hoa có bà Trịnh dục Tú, lại như nước bảo-hộ ta  
« là nước Pháp thì có Liệt-anh (Jeanne d'Arc) vẫn  
« đều là tiếng-tấm rất rộn-rực, mày-mặt rất vẻ-vang  
« bắt cân giá-trị mà cân, e con trai cũng không có  
« thế gì mà hơn được. Vả lại quyền-lợi người của  
« các nước, con gái cũng như con trai. Kìa nước Anh  
« có con gái vào Nghị-viện làm Nghị-viên; kìa nước  
« Nga-la-tư có con gái vào Chính-phủ làm các quan  
« chức; kìa nước Tây-ban-nha có con gái làm  
« Hoàng-đế. Tôi mới biết con gái nước người ta vẫn  
« là cao-quí dường ấy, con gái nước nhà mình, vì

« sao mà ti-tiện thế này ; mà tôi lại càng tủi-hỗ  
« cho mình tôi, bởi vì tôi cũng là một người con ở  
« nước Nam, mẹ tôi đã không danh-giá gì thì tôi  
« còn mặt-mũi nào mà sống được. Tôi ngẫm đi nghĩ  
« lại muốn rửa cho sạch cái xấu-hỗ này, chỉ có một  
« việc làm sao cho chị em học-hành được như  
« người các nước. Người con gái các nước vì nhiều  
« học mà cao-quí như kia, chắc là con gái nước ta  
« vì không học nên ti-tiện như thế. Ôi ! Các chị em  
« ôi ! Các chị em ôi ! Thôi xã-hội chẳng trách làm  
« gì, gia-đình cũng chẳng oán làm gì. Trời đã sinh  
« ra các chị em, chắc cũng trí-khôn hay tự-lập.  
« Nước Việt-nam đã sản-xuất các chị em, thì chắc  
« các chị em cũng có năng-lực hay tự-cường.

« Chị em nếu một mai hãy hăng-hái nghĩ làm  
« người, quyền-lợi của loài người quyết ra tay tranh  
« lấy, phẩm-cách của loài người quyết ra sức giữ  
« lấy. Xã-hội hủ kia, có ngày ta chinh-đốn ; gia-đình  
« ác kia, có ngày ta cải-lương, rồi đây sẽ lấy thân  
« đào liễu mà đỡ gánh non-sông, xum sức quần-  
« thoa mà vắn xây vận-hội ; chắc một ngày kia bà  
« Trưng nữ-vương thứ hai xuất hiện ở thế-kỷ này.  
« Song chỉ lo về có một sự . Nước Nam xưa nay  
« không có nữ-học, cho đến những phùng hào-  
« kiệt không râu, anh-hùng có yếm chỉ khổ vì học-  
« vấn không có đường mở-mang, nên trí-thức cao  
« không có thang mà bước tới, học-vấn mỗi người  
« mỗi thua, trí-thức mỗi người mỗi kém, nên nổi  
« 12 triệu lễ đồng-bào ngày ngày đêm đêm chỉ  
« quanh-quẩn trong vòng mù-mịt. Cái mờ lười

« nhấc, cái ngực ngu-hèn chôn nhốt hết vô số người  
« anh-thư nữ-kiệt, thành ra cái hào-kiệt của loài  
« người, cái sự-nghiệp của loài người chỉ là của  
« riêng cho những người cặp « batons », đeo bài  
« ngà mà thôi.

« Ay là những điều cớ, kể lại thêm buồn, ầu là ta  
« đàn một khúc mới cho hay, đề cho chị em ta đòi  
« buồn làm vui, đổi tiếng khóc làm tiếng hát. Vậy  
« tôi phôi gan trải ruột, kể mấy câu sau này :

« Bây giờ nhờ ơn nước Bảo-hộ đã thiết lập ra nữ-  
« học-đường ; chị em ta đã bỏ lối bà-lớn, cô-hai  
« lên làm bà giáo, cô trợ ; đã đổi dáng ả nhỏ, mợ  
« cả, ra mặt các nữ học-sinh. Thế thì bóng đèn  
« học-vấn đã có chút sáng mây may, khoảng cửa  
« văn-minh đã có một mối đường mà chen tới. Nay  
« mai chính-phủ bảo-hộ nếu không dụng chính-phủ  
« áp-chế dân nước ta, trọng dân trai ta bao nhiêu,  
« thì cũng trọng dân gái bấy nhiêu, trình-độ quốc-  
« dân trông cho mỗi ngày mỗi cao mãi mãi, chắc  
« là trung-đẳng nữ học-đường một ngày một đặt  
« thêm nữa. Ngọn đèn học-vấn chắc ngày càng khêu  
« cao, cánh cửa văn-minh chắc ngày càng mở  
« trống ; chị em ta nên hãy hết lòng ra sức lo dò  
« đặt cho đến gốc duy-tân, thẳng hỏi cho ra đường  
« tự-trị ; như thế nào là tự-cách độc-lập mới được  
« hoàn-toàn, như thế nào là đường lý tự-do mới  
« được chánh-đáng ; đối với gia-đình nên thế nào ?  
« lại như với cá-nhân thì chức-phận các chị em  
« càng thêm thân-thiết nữa.

« Tôi xin bày mấy câu ngu-lậu với các chị em,

« thì chỉ có bốn điều : Một là chị em phải biết chị  
« em cũng là người. Hai là chị em phải biết chị em  
« cũng là dân trong nước. Ba là chị em cũng phải  
« biết chị em cũng nên có nghĩa-vụ như con trai.  
« Bốn là chị em phải biết chị em cũng có quyền-lợi  
« như con trai vậy. Ở trong bốn điều ấy, điều thứ  
« nhất, thứ nhì, tôi đã nói lược-lược như trên kia  
« rồi, bây giờ tôi không phải dài lời làm gì nữa ;  
« tôi chỉ xin giải-thích điều thứ ba và điều thứ tư  
« cho chị em rõ : Nghĩa-vụ các chị em nên như thế  
« nào ? — Trước nhất là nghĩa-vụ ở trong gia-đình ;  
« khi đương làm con gái, thì có nghĩa-vụ đối với  
« cha mẹ, bà con mình, thờ cha kính mẹ, hiếu thuận  
« làm đầu, nhưng phải biết phục-tùng về đường  
« lễ phải. Đối với bà con thì hòa mục làm  
« quý ; nhưng phải biết khuyên-răn mọi điều  
« dở, giúp rập mọi điều hay ; ta biết sự độc-lập  
« có như thế mới thành công, tự-do có như thế  
« mới hiệp lễ ; ta cũng muốn bà con ai nấy như  
« mình Đến khi đã có chồng rồi, thì phải lo làm  
« sao cho khỏi phiền-lụy đến chồng, có lợi-ích cho  
« người chồng .Đến khi đã có con rồi, thì lo làm  
« sao cho con mình nên một người quốc-dân tốt.  
« Như thế thì nghĩa-vụ đối gia-đình đã xong rồi.  
« Thứ hai là nghĩa-vụ ở trong xã-hội. Phàm một  
« xã-hội, góp nhóp ngàn muôn người mới nên ; con  
« gái với con trai ai nấy cũng là một phần trong xã-  
« hội. Nếu mình tốt xã-hội thêm một phần tốt, nếu  
« mình xấu thì xã-hội thêm một phần xấu. Các  
« chị em ta phải lo thế nào cho phải tư-cách độc-

« lập, chẳng cần nương-cậy đến ai: đã không chịu  
« làm sâu-mọt trong xã-hội, mà cũng không để  
« người ta gọi mình là ký-sinh-trùng. Thế là các chị  
« em đã có công với xã-hội nhiều lắm.

« Lại trông-mong cho các chị em thêm phần hay  
« nữa: kia là săn-sóc về sự hợp-quần; kia là siêng-  
« năng về đường công-ích, có khi có những việc  
« con trai không làm tới, mà chị em chuốc lấy mà  
« làm. Luyện xong đá bà Oa-hoàng thì trời lo gì  
« khuyết; ngậm đầy cát cô Tinh-Vệ thì bề sợ gì sâu.  
« Trong xã-hội! Trong xã-hội may mà có các chị  
« em, thì chị em thiệt là công-thần trong xã-hội.  
« Nghĩa-vụ chị em đối với xã-hội là trọn vẹn rồi.

« Sau nữa là nghĩa-vụ đối với quốc-gia: mười hai  
« triệu lẻ nữ đồng-bà o, ai nấy cũng là một phần quốc-  
« dân cả, tất có cả thầy quốc-dân m ời gọi rằng nên  
« một nước, tất có cả thầy quốc-dân tốt, mới gọi  
« rằng một nước văn-minh.

« Huống chi các chị em ta lại là người mẹ cho quốc-  
« dân; biết bao nhiêu là ông chủ-nhân nước ta ngày  
« sau đều nhờ các anh chị sinh-nở ra cho, dạy-bảo  
« vun-trồng ra cho, nếu các chị em mà hết lòng  
« cất nôi cái trách-nhiệm làm mẹ quốc-dân, thế thì  
« cái khuôn văn-minh nước ta, chắc là nhờ trong  
« tay các chị em mà vất nắm cho đến ngày thành-tựu.

« Lại như nhà-nước khi gặp cơn sóng gió mà anh  
« em chị em ta đều ngồi chung trong một chiếc  
« thuyền: người bẻ lái, kẻ cầm chèo, người kéo buồm,  
« kẻ quay mũi, có lẽ nào một phần con trai mà  
« gánh hết được, thì chị em tất phải gánh lấy cho

« một phần, họa may chiếc thuyền hoạn-nạn qua  
« khỏi bể trầm-luân Thế thì công chị em đối với quốc-  
« gia, biết bao nhiêu xiết kể. Ấy là cái nghĩa-vụ các  
« chị em với quốc-gia lại như thế.

« Còn như nghĩa-vụ cá-nhân thì các chị em đều  
« biết cả: hoặc là việc canh-cửi phải cho siêng, hoặc  
« là việc ruộng-vườn phải cho biết ; hoặc là nghề  
« may-vá thêu-vẽ phải cho tinh ; hoặc là sự com-  
« canh cô-bàn phải cho khéo. Ấy gọi rằng nữ-công,  
« mà cần thứ nhất là nữ-hạnh: lời ăn tiếng nói phải  
« cho dịu-dàng, nước bước đường đi phải cho  
« nghiêm-chỉnh, đạo-đức phải lo làm sao cho trong  
« sạch ; thân-thể phải lo làm sao cho đứng-dẫn tốt-  
« tươi mà không giống gì màu son-phấn, ấy cũng  
« là nữ-dung. Như thế thì làm mẹ chắc là mẹ hiền,  
« làm dâu chắc là dâu tốt, làm vợ chắc là vợ danh-  
« giá cho người chồng. Nghĩa-vụ cá-nhân như ngần  
« ấy cũng đã không khuyết-điểm, mà suy ra đến gia-  
« đình xã-hội, quốc-gia cũng tự đó mà ra. Tôi xin.  
« chị em phải nên chăm-chỉ những lời tôi nói trên

« Bây giờ tôi lại nói đến quyền-lợi của các chị  
« em. Phàm một người đã gánh vác cái nghĩa-vụ của  
« một người, tất là được hưởng cái quyền-lợi của  
« một người. Mà lại tất phải có cái quyền-lợi của  
« một người mới có thể hết được cái nghĩa-vụ của  
« một người. Chị em ta đã hay biết được cái nghĩa-  
« vụ mình cũng như con trai, và hay làm được cái  
« nghĩa-vụ mình cũng như con trai, thì bao nhiêu  
« cái quyền-lợi của con trai, chắc chị em ta cũng

« có phần được hưởng - thụ. Nghĩa là như các  
« việc kinh-tế được bình-dẳng với con trai; các việc  
« giáo-dục được bình-dẳng với con trai; mai sau  
« đạo-đức các chị em ta, tri-thức các chị em ta, tài-  
« cán các chị em ta, cũng được bình-dẳng với con  
« trai. Xin các chị em gắng sức hết lòng, trông lên  
« đỉnh tháp nhân-quyền, cứ tầng-tầng rón chùn mà  
« bước tới, toan khiến cho linh-hồn bà La-Lan (Rol-  
« -land) nước Pháp, ở dưới đất chắc lười mà than  
« rằng: Trời ôi! Chúa ôi! Con gái nước Việt-nam  
« đến như thế! Tôi đây, hai mươi năm lẻ, trần-trọc  
« chùn trời, nổi chìm mặt bể, không ngờ còn có  
« một ngày nay, được cùng các chị em gặp mặt.  
« Tôi trông đến mặt các chị em, vừa kinh, vừa sợ,  
« vừa mừng, vừa lo như thấy một hột châu rớt,  
« tươi-sáng mà chìm ở dưới vũng cát lâu ngày!  
« Như thấy một bông lan rất thơm-tho mà lấp vào  
« giữa đồng cỏ đã lâu ngày! Trau-dồi cái phách  
« hột châu này, ngày ngày đêm đêm chỉ trông vào  
« cái công-phu học-vấn ở các chị em ta.

« Các chị em ơi! Các chị em ơi! Các chị em phải  
« biết cái hột châu này, cái bông lan này không phải  
« là một giống đồ chơi ở trên bàn tay, không phải  
« là một thứ mùi ngửi ở trước đầu mũi, mà thật là  
« một phẩm rất cao-quí, toan đem ra cống-hiến cho  
« thần linh của nước Nam để cho tự an-ủi cái linh  
« Hồng-Lạc, các chị em nghĩ đến thế nên tự-trọng  
« biết bao nhiêu?

« Tôi mừng các chị em được như thế, mà tôi lại  
« sợ các chị em chưa chắc được như thế, nên tôi  
« có bấy nhiêu lời »

*Huế, ngày 17-3.1926*

PHAN BỘI CHÂU



## II

# THƯ GỎI CỤ TÂY-HỒ

Hy Mã huynh-ông giám,

Đông chiêm nhi Phù-tang chi ảnh bất khả nhiếp.  
Nam vọng nhi Hồng-Lạc chi hồn bất khả chiêu.  
Thương mang nhất thân, phủ ngưỡng tứ hải chính  
đương uất uất ức ức iết iết ách ách, dục tử bất tử,  
dục hoạt bất hoạt chi thời. Thích bào côn-đệ tông  
cổ hương lai, dĩ đạo gia hiền-huynh cập chư bá thúc  
chi nghị-luận ý khái, tận dịch cổ não chi chương,  
đại hấp tân dương chi ba.

Thử thời tinh-thần phi được thiêng ngoại, xích  
quắc chi khuất ; khoảnh vi vạn trượng hồng, y thù  
sử dư bất dục nhi phi, vô giác nhi xúc, nhức chí  
thử gia.

Thử Hy Mã huynh não trung chi điện cơ, sở  
thôi xúc ngã chi tối dặng ngã giả. Tự duy sở thập  
niên tiền, trầm một ư trọc dương nô-lệ chi ba, yếm  
ừ ừ hủ nho quân thần chi thuyết ; khỉ tri Mạnh-đức-  
tư-Cưu, Lô-thọa vi hà vật ?

Kim văn Đại-huynh đề dân-chủ chi thuyết,  
phong lời ngã quốc nhân. Đại tai ngôn hồ ! Dững tại  
tâm hồ ! Ngã quốc sở thiên niên bất nhất kiến chi  
quái vật kim nãi bằng bằng bột bột nhi xuất chi,  
điệp khoái nhân, khoái ngữ chi cục giả hỹ.

Tuy-nhiên ngã quốc nhân kim nhật, chính đang ấu\_trĩ giả, kỳ do phôi thai hồ ! Xĩ vị kiên nhi tự chi dĩ cốt, tức vị chủng nhi sách chi dĩ tiên, kỳ bất thốn nhi ngạnh, tẩu nhi cương giả, vô thị lý giả.

Ngã quốc dân chi trình-độ, bất cập Âu-châu diệc viễn hỹ, bi lung tàn-tật chi bệnh phu, hựu trùng dĩ cơ khốn, mưu thực mưu y, nhật bất hạ cấp, hồ hào nhi tỉnh chi, sử chi khỉ khỉ. Duy hựu thử yếm, hà tư cự chi nhất nhật, nhi trung dĩ thừa thời lập danh chi hy ký, phiên nhiên phong động, hấp nhiên lôi tri, cử quốc nhất tâm, kỳ hốt hựu tể.

Kim nãi sâu xứống vô đầu vô tự chi thuyết, hư chỉ dĩ khả tây khả nam chi đồ, thử thanh nhất hồ năng đồng giả kỳ, nhi thế chi tài năng biện sự, tri khả hợp quần giả, phản nhân ý khí chi thù, chuyên sinh mâu-thuân chi kiến, ngoại cửu vị diệt, nội đảng tiên phi, dân chi bất tồn, chủ vu hà hữu ?

Đại-huynh thử thời, tủng hữu nhất xang nhiệt huyết, cánh hướng hà địa sát gia ? Kim Đại-huynh văn đệ thử ngôn, tất tương đại mệ viết : nhược trùng, nhược trùng, nô tính vị tuyệt. Tuy nhiên đệ khỉ lạc vị nhất gia nô tại ! Đạn kim nhật bất tồn thử nhất gia nhi nô chi, tương cử toàn quốc nhi nô ư tha nhân nhĩ. Đại-đề lý-luận chi giữ thực hành, tu hữu cân lượng, phương kim chi nhật quý hồ thực hành, cầu khả dĩ hành ngã cứu quốc chi phương châm, bất phương cô bi kỳ kinh thời chi cao luận. Sĩ sở thập niên hậu, đại huynh tái thân tiên thuyết, tắc kỳ lập huynh bàng chi phủ chuồng hát thái giả, tất đệ giả.

Đại-huynh thị đệ, khỉ gia nô tầu cầu chi mi mục phủ gia ? Tái đệ hưởng du quý tỉnh, sở giữ ngữ giả, giai vi tuấn lưu, đạ ngữ kỳ lâm cơ ứng biến chi năng, phẩu phán hoãn cấp chi trí, đệ cảm vi kỳ vô xuất Tiểu-La chi hữu giả, tuy thi thi chi nhan sắc, bất khăng dĩ thắng trước nhượng nhân, cố thử lão bản bản lai khuyết điểm, nhiên Triệu-Xa chi hạ Hứa Lịch, Hàn Tín chi bá Lý-tả Xa, ngã đồng-bào diệc đang vị quốc vong kỷ.

PHAN BỘI CHÂU

**Dịch :**

Hy Mã Đại-huynh,  
Ngó sang Đông thẹn-thùng cùng nước Nhật,  
ngoảnh về Nam búi-ngùi với nước Nam, thần-thơ  
chiếc bóng, bốn bề không nhà. Lúc này chính  
tôi đương lâm vào tình-trạng dở chết dở sống,  
khạc chẳng ra mà nuốt chẳng vào.

Gần đây được tin Đại-huynh cùng các anh em  
đồng-chí với những nghị-luận ý-chí mới-mẻ, tẩy  
trừ những não cổ-hủ để hấp-dẫn những tư-tưởng  
mới, làm cho tinh-thần tôi vô cùng dũng-dực.  
Với tài hèn sức mọn, ước gì có cánh thì bay, có  
sừng thì chận, tình-trạng nước nhà đã đến bước  
may-mắn này rồi chẳng ? Phải chăng ý-kiến Đại  
huynh phát-xuất bởi một não bào chứa đựng  
những điện-ảnh làm chúng tôi lòa mắt.

Nhưng than ôi ! Mấy mươi năm hụp-lặn trong ao-tù nô-lệ lý-thuyết phong-kiến, biết đâu những chuyện Lô-Thoa, Mạnh-Đức.

Nay nghe Đại-huynh đề xướng thuyết dân-chủ như một tiếng sét xé trời, tâm-sự ấy, lý-luận ấy, ai mà chẳng thần-phục.

Nước ta mấy ngàn năm, bây giờ ai đã biết thuyết dân-chủ là gì, nay bỗng nhiên mọi người trở mắt nhìn và ùa chạy theo với những lý-thuyết đang khát vọng ấy.

Nhưng thưa Đại-huynh, trình-độ nhân-dân Việt-nam hiện nay hãy còn ấu-trĩ như răng chưa cứng, chun chưa mạnh. nếu xử-dụng mà nhai, mà đi, thì sao đang nổi.

Nhân-dân Việt-nam so với Âu-Tây hãy còn kém họ xa lắm, như người còn đau, đang đau nổi gánh nặng. Nhân-dân ngu-muội đói khổ, nay mình đem những lý-luận cao-siêu mà áp-dụng, không sao tránh khỏi những việc lảo đảo ngã nghiêng.

Nay đem ra một lý-thuyết mà người ta chưa biết đầu biết đuôi, rõ phía Nam phía Bắc, chỉ hô lên một tiếng đã dễ kiếm được mấy người hưởng-ứng cho. Tình-trạng như thế, việc hợp-quần còn khó lắm Đại-huynh ạ ! Rồi sẽ vì ý-kiến xung-đột, hành-động máu-thuần nhau. Thù ngoài chưa diệt, nội bộ chống nhau. Ôi dân-chủ, « Dân » không còn nữa thì chủ vào đâu ? Lúc bấy giờ Đại-huynh có bầu nhiệt huyết cũng không còn chỗ thi-thố nữa.

Khi Đại-huynh nghe tôi nói như vậy, chắc sẽ chửi rằng : Đồ tồi, căn-tính nô-lệ vẫn còn ! nhưng

thưa Đại-huynh, tôi đâu phải muốn làm nô-lệ! Chẳng những bản-thân tôi, mà còn muốn làm cho đồng-bào thoát khỏi vòng nô-lệ. Lý-luận không đi sát thực-tế để thi-hành, thì chỉ là một việc tai hại. Vậy tôi đề-nghị với Đại-huynh, với tình-trạng nước ta, hãy chờ ít lâu nữa, Đại-huynh xướng thuyết dân-chủ thì cử quốc đồng-bào nhiệt-liệt hưởng-ứng, trong đó có tôi.

Thưa Đại-huynh, thời mà tôi mới tìm các đồng-chi ở quí tỉnh thì Tiểu-La tiên-sinh là người bậc nhất mà những ý-kiến và chủ-trương của chúng tôi chính Tiểu-La tiên-sinh cũng đồng ý. Triệu Xa hạ Hứa Lịch, Hàn Tín lạy Lý Tả-Xa, nhân-dân Việt-nam cũng ở vào tình-trạng ấy, mong Đại-huynh xét kỹ.

PHAN BỘI CHÂU

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Mấy lời trần tình</i>	V
<i>TỰA</i>	VII

## *Phần thứ nhất*

### THÂN - THỂ

1.— Thuở ấu-thời	13
2.— Phan Bội Châu hoạt động chính-trị ở nước nhà	19
3.— Phan Bội Châu hoạt-động chính-trị ở nước ngoài	25
4.— Trong ngục Quảng-châu	31
5.— Tiếng bom Sa-diện	37
6.— Cụ Phan bị bắt	40
7.— Cụ Phan trên đường giải về Hải-phòng	47
8.— Phan Bội Châu trước hội-đồng đề-hình	50
9.— Một việc cảm-động trong khi xử án Cụ Phan	54
10.— Phong-trào vận-động ân-xá cụ Phan Bội Châu	55
11.— Cụ Phan Bội Châu sau ngày ân-xá	65
12.— Những chuyển đi không thành của cụ Phan Bội Châu	73
13.— Cảm-tình của cụ Phan đối với nữ đồng-chí Ấu Triệu	77
14.— Cảm-tình của cụ Phan đối với cái chết của hai đồng-chí Nguyễn Thái Học và Nguyễn thị Giang	79
15.— Cụ bà Phan Bội Châu	82
16.— Cụ Phan mở hàng dạy thi	87
17.— Đếm chuỗi ngày qua	91
18.— Ngày tàn	98

## *Phần thứ hai*

### THI - VĂN

<i>I.— Giác - quần thư</i>	107
<i>II.— Lời gia-huấn</i>	133
<i>III.— Văn tế</i>	

1.— Tể đồng-bào Nghệ-tĩnh chết vì nạn bão lụt	149
2.— Điều đồng-bào bão lụt ở Bình-phú	152
3.— Viếng cụ Phan Tây-Hồ	155

#### *IV.— Phú*

1.— Tình quốc-dân phú	160
2.— Tình tục phú	164

#### *V.— Thơ*

1.— Vịnh thập vật	169
2.— Sáu bài thơ Tết	171

### PHỤ LỤC

#### *I.— Hai bài diễn-thuyết của cụ Phan*

1.— Bài diễn-thuyết tại trường Quốc-học Huế	177
2.— Bài diễn-thuyết tại trường Đồng-khánh-Huế	187

#### *II.— Bức thư gửi cụ Phan Chu Trinh*

Mục lục . . . . .	201
-------------------	-----

# NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937

với sự hợp-tác của các học-giả và  
nhà-văn danh tiếng Trung, Nam, Bắc :

**đã xuất - bản trên 350 thứ  
sách chia ra làm nhiều loại.**

Hiện còn những thứ mới

## I. — SÁCH GIÁO-KHOA — TRUNG-HỌC

### A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-nam sử-lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm)  
(Nam Việt 150đ. — Ngoài Nam Việt 160đ.)
2. — *Việt-nam văn-phạm* của ba ông :  
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỳ và Trần trọng Kim  
(Giá 55đ. — ngoài N. V. 58đ.)
3. — *Quốc-văn cụ-thể* của Ưu Thiên Bùi Kỳ  
(Giá 42đ. Ngoài Nam Việt 45đ.)
4. — *Việt-Thi* của Trần trọng Kim  
(Giá 42đ. — Ngoài Nam-Việt 45đ.)
5. — *Đường-Thi* của Trần trọng Kim  
(Đang in lần thứ hai)
6. — *Tiểu-học Việt-nam văn-phạm* của Trần trọng Kim  
Bùi Kỳ, Nguyễn quang Oánh (*in lần thứ ba*)  
(Giá 22đ. — Ngoài Nam-Việt 24đ.)
7. — *Sơ-học luận-lý* của Trần trọng Kim  
(Giá 23đ. — Ngoài Nam-Việt 26đ.)
8. — *Việt-nam Thi-Văn giảng-luân*  
của Hà như Chi — Giáo-sư trường Quốc-học Ngô-  
đình Diệm — Huế.  
*Tập I.* Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam bậc  
Trung-học (Từ khởi-thủy đến cuối thế-kỷ 18). Gồm có  
những luận-đề về : Ca-dao và Tục-ngữ — Truyện  
Trình Thử — Truyện Tré Cóc — Nguyễn Trãi — Vua  
Lê Thánh-tông — Nguyễn bình Khiêm — Nguyễn  
Hưng — Lê quý Đôn — Đoàn thị Điểm — Ôn như  
Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân.  
(Giá Nam Việt 85đ. Các nơi 90đ.)



*Tập II* (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-đề về :  
Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-  
quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao bá  
Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu — Tôn  
thọ Trường — Chu mạnh Trính — Nguyễn Khuyến —  
và Trần tử Xương.

Dùng trong các lớp Đệ-tứ và Đệ-nhi bậc Trung-học  
(Giá Nam Việt 120đ. Các nơi 130đ.)

- 9.— *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu giáo-  
sư trường Quốc-học Ngô-dinh-Diệm — Huế.  
Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-  
sinh Đệ-tứ và Đệ-nhi chuyên khoa.

(Giá 50đ. — Ngoài Nam Việt 55đ.)

- 10.— *Hóa-học lớp Đệ-tứ* của Phan văn Hường và Phan  
văn Thoại (nguyên giáo-sư trường Quốc-học Ngô đình  
Diệm Huế)

(Giá 50đ. — ngoài V. N. 52đ)

#### B. — LOẠI CỖ VĂN CHỦ - THÍCH

- 1.— *Truyện Thủy Kiều* của Nguyễn Du

do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khao

(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58)

- 2.— *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự

do cụ Tôn thất Lương chú-thích.

(Đang in lần thứ hai)

- 3.— *Chinh-phụ ngâm khúc* của Đoàn thị Điểm

do cụ Tôn thất Lương chú-thích

(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 44đ.)

- 4.— *Cung-oán ngâm khúc*

do cụ Tôn Thất Lương chú-thích

(Giá Nam Việt 16đ. — Các nơi 17đ.)

- 5.— *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu, sửa đúng theo  
bản P.J.B. Trương vĩnh Ký phát hành năm 1889 có  
thêm phần chú-thích (in lần thứ ba)

(Giá Nam Việt 12đ. Các nơi 45đ.)

- 6.— *Truyện Tré Cóc*

do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)

(Giá Nam Việt 12đ. Các nơi 13đ.)

- 7.— *Truyện Trinh Thử*

do cụ Bùi Kỳ hiệu-định

(Giá Nam Việt 12đ. — Các nơi 13đ.)

- 8.— *Lục súc tranh công*

do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)

(Giá 8đ. — Ngoài Nam Việt 9đ.)

- 9.— *Truyện Phan Trần* do Thi-Nham chú-thích

(Giá 17đ — Ngoài N.V. 18đ)

- 10.— *Nguyễn Cư Trinh* với quyền *Sãi Vãi* do hai ông Lê ngọc Trụ và Phạm văn Luật chủ-thích và dẫn-giải.  
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)
- 11.— *Hoa Điều tranh năng*  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định.  
(Đang in lần thứ hai)
- 12.— *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn nhượng Thi  
do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chủ-thích.  
(Giá 9đ. — Ngoài Nam Việt 10đ.)
- 13.— *Ngư Tiều vấn đáp Ý-thuật* của cụ ĐỒ CHÈU (tác giả Lục Văn Tiên) do Phan văn Hùm hiệu-định và chủ-thích — Nhượng Tống tăng-bình bổ-chú.  
(Giá Nam Việt 60đ. — Các nơi 65đ.)
- 14.— *Nhị Độ Mai* do Thi Nham định-chính và chủ-thích  
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 44đ.)
- 15.— *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi Nham  
định-chính và chủ-thích (in lần thứ ba)  
(Giá Nam Việt 16đ. — Các nơi 17đ.)
- 16.— *Nữ Tú Tài và Bần nữ thân* do Thi Nham chủ-thích  
(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)
- 17.— *Gia-huân Ca* do Thi Nham chủ-thích  
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)
- 18.— *Nhị-thập tứ hiếu* do Cao huy Giu chủ-thích.  
(Giá 12đ. Ngoài Nam Việt 13đ.)
- 19.— *Quan Âm Thị Kính* do Thi Nham chủ-thích.  
(Giá Nam Việt 12đ. — Các nơi 13đ.)

## II.— SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mới có bán

**Thăng người gỗ** tức là quyền « Les Aventures de Pinocchio ». Bản dịch của Bửu Kế.

*Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.*

Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bìa in Offset 5 màu

(Giá Nam Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

## III.— SÁCH KHẢO-CỨU

- 1.— *Vương Dương Minh* của Đào trinh Nhất  
(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 36 36đ.)
- 2.— *Việt Sử giai thoại* của Đào trinh Nhất  
(Giá 20. — Ngoài Nam Việt 22đ.)
- 3.— *Tinh-thần khoa-học* của Nguyễn văn Tài

(Giải thưởng Gia-Long năm 1943)

(Giá 17đ. — Ngoài Nam Việt 19đ.)

4.— *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim

(Giá 18đ. — Ngoài Nam Việt 20đ.)

5.— *Phật-giáo xưa và Phật-giáo ngày nay*  
của cụ Trần trọng Kim.

(Giá 13đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)

6.— *Nho-giáo* (quyền thượng) của cụ Trần trọng Kim

(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

### **Sắp có bán :**

*Nho-giáo* (quyền hạ) của cụ Trần trọng Kim

## **IV.— GIÓ BỐN PHƯƠNG**

1.— *Trên đường giải-phóng* của nhà văn-hào Cao-ly  
Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng Nhân  
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)

2.— *Mái Tây* (Tây Sương ký)

một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ  
của Nhượng Tống.

(Đang in lần thứ ba)

## **V.— THI-NHÂN VIỆT-NAM**

1.— *Hàn Mạc Tử* — khảo-cứu của Trần thanh Mại

(Đang in lần thứ ba.)

## **VI.— TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM**

1.— *Truyền Kỳ mạn lục* (toàn tập)

Tập truyện cổ Việt Nam mà cụ Vũ khâm Lân đã cho là  
một « Thiên cổ kỳ bút »

Bản dịch của Trúc Khê — Ngô văn Triện

(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)

2.— *Lam-sơn thực-lục* (tức là truyện Lê Thái-tổ khởi  
nghĩa ở Lam-sơn)

(Giá 24đ — Ngoài N.V. 26đ.)

## **VII.— SÁCH GIÁO-KHOA — BẬC TIỂU-HỌC**

(Soạn đúng theo chương-trình mới của

Bộ Quốc-gia giáo-dục)

### **Đã có bán :**

*Quan-sát lớp Ba* — 32đ.

Các bạn học-sinh ban Trung - học, các  
bạn tự học cũng như các bậc thức-giả  
đều cần nên có :

Bộ

# LỊCH - SỬ VIỆT-NAM

DO

*Phạm-Hoàn-Mĩ và một nhóm bạn giáo-sư biên-soạn.*

Theo phương-pháp mới nhất và tiến-bộ  
nhất, đề

«Thành và kinh dân những NGƯỜI đã khổ và  
đang khổ, đã chết và đang chết, đề GIỐNG VIỆT  
được TRƯỜNG-TỒN, NƠI VIỆT được  
VINH-QUANG »

Quyển	I	(lớp Đệ-thất)
Quyển	II	(lớp Đệ-lục)
Quyển	III	(lớp Đệ-ngũ)
Quyển	IV	(lớp Đệ-tứ)

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT

235 — Phan Thanh Giản — Saigon

---

---

Quyển PHAN BỘI CHÂU  
lần thứ nhất in năm 1950  
bị bắt - buộc bỏ nhiều  
đoạn. Kỳ in lần thứ hai  
này soạn-giả đã dày công  
sửa - chữa thêm được  
phần THI - VẤN và bức  
thư gửi cụ Phan Chu  
Trình — In xong ngày  
28-11-1956 do Nhà TÂN-  
VIỆT giữ bản-quyền —  
giấy phép xuất-bản số  
969 - T. X. B. của nha  
Thông Tin Nam - Việt.

---

---